TRUNG TÂM HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA KHOA HỌC
VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM

VĂN MIẾU QUỐC TỬ GIÁM

Và

DANH NGÔN KHỔNG TỬ





VĂN MIẾU QUỐC TỬ GIÁM

AND

FAMOUS CONFUCIUS' SAYINGS

HÀ NỘI 2008

Nguyễn Văn Tú
(*Sưu tầm và biên soạn*)

Văn Miếu - Quốc Tử Giám
&
Danh ngôn Khổng Tử

Văn Miếu – Quốc Tử Giám
&
Famous Confucius' sayings

Hà nội -2008

Lời nói đầu

Văn Miếu - Quốc Tử Giám được khởi lập vào thế kỷ XI, là trung tâm giáo dục cấp cao nhất, lớn nhất của Việt Nam xưa kia. Văn Miếu là nơi thờ Khổng Tử, các vị tiên thánh, tiên hiền của Nho giáo. Quốc Tử Giám là trường học cấp cao nhất của Việt Nam thời phong kiến, đã đào tạo cho đất nước hàng ngàn nhân tài, hun đúc nên bao truyền thống qúy báu của dân tộc Việt Nam.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám nay là di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội và cả nước, biểu tượng và niềm tự hào về văn hóa và giáo dục của người Việt Nam.

Hiện nay, hàng ngày có hàng ngàn du khách trong và ngoài nước đến tham quan di tích, mong muốn tìm hiểu về lịch sử của một di tích ngàn năm, về những truyền thống văn hóa và giáo dục của con người Việt Nam.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám là di tích về giáo dục nơi tôn vinh Khổng Tử, thủy tổ của Nho giáo, nhà giáo dục tiêu biểu, nhà tư tưởng lớn. Chính vì vậy, để tìm hiểu thấu đáo nội dung, cái hồn di tích, không thể không biết về ngươi và học thuyết làm nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của nó, vì vậy rất nhiều du khách muốn tìm hiểu về Khổng Tử và những tư tưởng cốt lõi của ông.

Sách "Văn Miếu – Quốc Tử Giám và danh ngôn Khổng Tử" gồm 2 phần. Phần I giới thiếu ngắn gọn về lịch sử hình thành và phát triển của Văn Miếu – Quốc Tử Giám qua những sự kiện xảy ra tại Văn Miếu, vai trò và giá trị của di tích hiện nay. Phần II của sách giới thiệu biên niên sử cuộc đời Khổng Tử cùng 171 câu nói thể hiện tư tưởng của ông về giáo dục, đào tạo con người cũng như những gợi ý cho nhà cầm quyền trong việc quản lý, xây

dựng đất nước. Qua cuốn sách, độc giả có thể nắm nhanh, khái quát và chính xác những giá trị vật thể và phi vật thể của di tích.

Trong quá trình biên soạn, tác giả kế thừa những công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước. Tuy nhiên, quan điểm của các tác giả của các công trình đôi khi không đồng nhất, đặc biệt là về các danh ngôn của Khổng Tử, do những sự kiện lịch sử đã xảy ra quá lâu, lại được viết bằng cổ văn. Tác giả đã chọn cách hiểu thông thường nhất, được nhiều học giả chấp nhận.

Quyển sách nhỏ này như là một cuốn sách hướng dẫn cho du khách và độc giả muốn tìm hiểu về di tích. Nội dung cuốn sách chắc chắn không thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu tìm hiểu sâu về những giá trị văn hóa và giáo dục của di tích cũng như của Việt Nam, và còn có nhiều thiếu sót, đặc biệt là về thân thế cũng như tư tưởng của Khổng Tử. Sự đóng góp của độc giả gần xa để hoàn thiện hơn nữa cuốn sách sẽ là nguồn cổ vũ động viên to lớn cũng như góp phần bảo vệ và phát huy di tích trong giai đoạn hiện nay.

Tác giả

PHẦN I
VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM

CHƯƠNG I
LỊCH SỬ VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM QUA NHỮNG NĂM THÁNG

Năm	Sự kiện
1070	Lý Thánh Tông - niên hiệu Thần Vũ thứ 2. Tháng tám, mùa thu. Xây dựng Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối, vẽ tượng 72 hiền triết, bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử Lý Càn Đức đến học ở đây.
1076	Lý Nhân Tông- niên hiệu Anh vũ Chiêu thắng thứ 1. Dựng Quốc Tử Giám. Chọn quan viên văn chức biết chữ vào Quốc Tử Giám học.
1236	Trần Thái Tông -niên hiệu Thiên ứng Chính Bình thứ 5 Lập Quốc Tử Viện. Chọn Đề điệu Quốc Tử Viện.
1243	Trần Thái Tông -niên hiệu Thiên ứng Chính Bình thứ 12. Tháng 2, tu sửa Quốc Tử Giám
1253	Trần Thái Tông - niên hiệu Nguyên Phong thứ 3. Tháng 5, lập Quốc Học Viện. Đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Mạnh Tử, vẽ tranh 72 người hiền để thờ. Tháng 9, mời nho sĩ trong nước đến Quốc Tử Viện giảng Tứ thư, Ngũ kinh.
1272	Trần Thánh Tông - niên hiệu Thiệu Long thứ 15. Mùa đông, tháng 10. Chọn người tài giỏi, có đức, thông hiểu kinh sách bổ làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám.
1370	Trần Nghệ Tông, niên hiệu Thiệu Khánh thứ 1.

	Cho phối thờ Tư nghiệp Quốc Tử Giám Chu Văn An ở Văn Miếu.
1371	Trần Nghệ Tông, niên hiệu Thiệu Khánh thứ 2. Cho phối thờ Trương Hán Siêu ở Văn Miếu
1380	Trần Phế Đế, niên hiệu Xương Phù thứ 4 Cho phối thờ Đỗ Tử Bình ở Văn Miếu.
1392	Trần Thuận Tông - niên hiệu Quang Thái thứ 5 Đặt tượng Chu Công ở chính giữa Văn Miếu, nhìn về phương nam, tượng Khổng Tử ở phía bên, nhìn về phương tây.
1417	Thuộc nhà Minh (Trung Quốc), niên hiệu Vĩnh Lạc 15 Hàng năm chọn nho sĩ, sinh viên vào Quốc Tử Giám
1428	Lê Thái Tổ, niên hiệu Thuận Thiên thứ 1 Chọn con cháu các quan và thường dân tuấn tú vào Quốc Tử Giám làm Giám sinh.
1433	Lê Thái Tổ, niên hiệu Thuận Thiên thứ 6 . Mùa xuân, tháng giêng. Tuyển chọn con trai các quan và học trò lộ Quốc Oai, lộ Bắc Giang vào Quốc Tử Giám.
1434	Lê Thái Tông, niên hiệu Thiệu Bình thứ 1 Tháng 8, quy định: Giám sinh được mang mũ áo, Giáo thụ Quốc Tử Giám được đội mũ Cao sơn…Người nào đỗ kỳ thi ở các lộ, huyện thì được miễn lao dịch, được vào Quốc Tử Giám học. Thi học sinh trong cả nước, chọn người đỗ bậc nhất và bậc nhì vào Quốc Tử Giám học.
1435	Lê Thái Tông, niên hiệu Thiệu Bình thứ 2 Chém Giám sinh Lê Tử Dục, vợ con, điền sản sung công, do Tử Dục lười học, trộm cắp, vi phạm nội quy trường Giám. Ngày Đinh Mùi mồng 5, tháng 2. Vua lệnh cho Thiếu bảo Lê Quốc Hưng làm lễ tế Khổng Tử và sau đó quy định thành lệ.
1448	Lê Nhân Tông, niên hiệu Thái Hoà thứ 6. Quan Quốc Tử Giám gồm Đề điệu, Quốc Tử Giám Bác sĩ,

	Trợ giáo, Quốc Tử Giám Giáo thụ.
1449	Lê Nhân Tông, niên hiệu Thái Hoà thứ 7. Quy định, Văn Miếu có 20 phu quét dọn, mỗi Giáo thụ được 2 người.
1467	Lê Thánh Tông, niên hiệu Quang Thuận thứ 8. Tổ chức lễ tế Khổng Tử ở Văn Miếu. Con cháu các quan viên đã sung làm quân ở vệ Kim ngô, nếu thi Hội trúng trường thì chọn vào Tam xá sinh. Đặt thêm chức Ngũ Kinh Bác sĩ, chuyên nghiên cứu một kinh để dạy học trò ở Quốc Tử Giám Khảo thi Giám sinh và lại viên các nha môn để bổ làm giáo chức các phủ. Ban bản in sách Ngũ kinh của triều đình cho Quốc Tử Giám
1474	Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức thứ 5. Nếu Giám sinh Tam xá ở tản mát, thì quan phụ trách trừng trị kẻ phạm lỗi, kẻ nào phạm nhiều lần thì tâu lên để bắt sung quân.
1476	Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức thứ 7. Mùa xuân, tháng 2. Vua làm lễ tế Khổng Tử ở Văn Miếu; các văn thần tế Hiền, triết ở Đông vu và Tây vu.
1483	Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức thứ 14. Tu sửa lại Văn Miếu và Quốc Tử Giám: xây điện Đại Thành, Đông vu, Tây vu ở Văn Miếu, điện Canh Phục, kho chứa ván in, kho chứa đồ tế lễ, đông, tây đường, nhà Minh Luân.
1484	Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức thứ 15. Hoàn thành điện Đại Thành ở Văn Miếu cùng nhà Đông vu, Tây vu, điện Canh Phục, kho đồ tế lễ, Bí thư khố, nhà Minh Luân, giảng đường phía đông, giảng đường phía tây, phòng học của sinh viên Tam xá và các cửa, xung quanh xây tường bao. Dựng 10 bia đá khắc họ tên, quê quán các tiến sĩ khoa thi năm 1442; 1448; 1463; 1466; 1469; 1472; 1475; 1478; 1481; 1484. Dựng nhà bia phía đông và tây.

	Nội quy Quốc Tử Giám: Tuyển dụng Giám sinh tam xá: Thi hội trúng ba kỳ thì bổ làm Thượng xá sinh, trúng 2 kỳ bổ Trung xá sinh, trúng 1 kỳ thì bổ Hạ xá sinh, mỗi xá là 100 người. Tiền lương: hạ xá sinh 8 tiền, trung xá sinh 9 tiền, thượng xá sinh 1 quan. Bổ dụng: Lại bộ và quan Quốc Tử Giám chiếu chỗ khuyết mà bảo cử: thượng xá sinh 3 phần, trung xá sinh 2 phần, hạ xá sinh 1 phần.
1487	Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức thứ 18. Dựng bia ghi tên các Tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1487
1490	Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức thứ 21 Dựng bia ghi tên các Tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1490.
1493	Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức thứ 24. Dựng bia ghi tên các Tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1493
1497	Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức thứ 27. Tháng 12, dựng bia ghi tên các Tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1496
1499	Lê Hiến Tông - niên hiệu Cảnh Thống thứ 2. Tháng 12, dựng bia đề tên các Tiến sĩ đỗ khoa Kỷ Mùi năm 1499
1500	Lê Hiến Tông - niên hiệu Cảnh Thống thứ 3. Quy định bảo cử Giám sinh làm Huấn đạo: Nếu thi Hội trúng tam trường và hàng năm nhiều lần trúng trường, có đức hạnh, có tư cách đáng làm thầy đưa sang Lại bộ để thuyên bổ.
1501	Lê Hiến Tông - niên hiệu Cảnh Thống thứ 4. Những viên Lại điển thi Hương trúng thức được vào Quốc Tử Giám học tập.
1502	Lê Hiến Tông - niên hiệu Cảnh Thống thứ 5. Bộ Lễ rước bảng vàng (bảng ghi tên tân khoa), có trống nhạc dẫn đường, treo ở cửa nhà Thái Học, từ đó lấy làm lệ.
1509	Lê Uy Mục - niên hiệu Đoan Khánh thứ 5. Giám sinh thi Hội nhiều lần trúng trường, vào học 15 năm trở lên, tuổi cao, thuộc Thượng xá sinh, được dẫn tuyển bổ dụng các

	chức mục dân, thủ lĩnh, bạn độc, trưởng sử, huấn đạo.
1511	Lê Tương Dực, niên hiệu Hồng Thuận thứ 3. Trùng tu điện Sùng Nho ở Quốc Tử Giám và 2 giải vũ, nhà Minh Luân, nhà bếp, phòng kho, dựng mới hai nhà bia bên đông và bên tây, mỗi gian đặt một tấm bia bên tả, một tấm bên hữu; Dựng 2 bia đề tên các tiến sĩ đỗ khoa Ất Sửu, niên hiệu Đoan Khánh thứ 1 (1505) và khoa Mậu Thìn niên hiệu Đoan Khánh thứ 4 (1508). Giám sinh, nho sinh, sinh đồ cứ đến ngày mùng 1, ngày rằm hàng tháng phải mặc mũ áo đến điểm mục theo phép đã định. Người nào bỏ trễ việc học, thiếu một lần điểm mục thì phạt 140 tờ giấy trung chỉ, thiếu 2 lần thì phạt 200 tờ giấy trung chỉ, thiếu 3 lần thì đánh 40 roi, thiếu điểm mục 4 lần thì giao cho Hình bộ xét hỏi, thiếu điểm mục 5 lần thì tâu lên bắt sung quân.
1513	Lê Tương Dực, niên hiệu Hồng Thuận thứ 5. Dựng bia ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi 1511
1521	Lê Chiêu Tông - niên hiệu Quang Thiệu thứ 6. Dựng bia ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi 1514
1529	Mạc Thái Tổ, niện hiệu Minh Đức thứ 3. Dựng bia ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1529.
1536	Mạc Thái Tông, niện hiệu Đại Chính thứ 7. Tu sửa Quốc Tử Giám. Dựng bia ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1502; 1518.
1537	Mạc Thái Tông, niện hiệu Đại Chính 8. Mùa xuân, tháng Giêng. Vua đến làm lễ tại Văn Miếu và thăm nhà Thái học.
1653	Lê Thần Tông, niên hiệu Thịnh Đức 1. Dựng 25 bia ghi tên các tiến sĩ đỗ các khoa thi năm 1554; 1565; 1577; 1580; 1583; 1589; 1592; 1595; 1598; 1601; 1604; 1607; 1610; 1613; 1616; 1619; 1623; 1628; 1631; 1637; 1640; 1643; 1646; 1650; 1652.
1662	Lê Thần Tông, niên hiệu Vạn Khánh 1.

	Mùa hạ, tháng 5. Tu sửa Văn Miếu, xây lại nhà học ở Quốc Tử Giám.
1674	Lê Gia Tông, niên hiệu Dương Đức thứ 3. Giám sinh làm việc ở Quốc Tử Giám được 15 năm, đi thi trên 10 kỳ, nếu có tờ "di bảo"(giấy đảm bảo trong khi di chuyển đi chỗ khác) của các quan ở Giám, được bổ giữ các chức Trưởng sử, Ban độc, Tư nghị, Giảng dụ, Giám bạ, Tự ban, Các môn, Điển bạ, Tri bạ, Đô sự... ở kinh đô, hoặc bổ giữ các chức Tri huyện, Tri châu, Huấn đạo...ở các trấn bên ngoài.
1683	Lê Hy Tông, niên hiệu Chính Hoà thứ 4. Mọi người đi trước Văn Miếu phải xuống kiệu, xuống võng, xuống ngựa. Hễ ai vi phạm sẽ bị giải quan xét xử về tội vô lễ.
1693	Lê Hy Tông, niên hiệu Chính Hoà thứ 14. Các quan Tế tửu, Tư nghiệp, Học chính và Giáo thụ, Ngũ kinh Quốc Tử Giám được ở ngay tại nhà Giám để hướng dẫn học tập.
1694	Lê Hy Tông, niên hiệu Chính Hoà thứ 15. Tháng 10, mùa đông. Chúa Trịnh đến nhà Thái học (Văn Miếu) làm lễ tế Khổng Tử, làm thơ ca tụng Khổng Tử, sai khắc vào bia dựng ở cửa Văn Miếu.
1696	Lê Hy Tông, niên hiệu Chính Hoà thứ 17. Khảo xét các bậc kỳ cựu có tài trong nước ở Quốc Tử Giám.
1717	Lê Dụ Tông, niên hiệu Vĩnh Thịnh 13. Vua yết lễ tại Văn Miếu, thăm nhà Thái Học. Cho tu sửa Văn Miếu và dựng 21 bia ghi tên các tiến sĩ đỗ các khoa thi năm 1656; 1659; 1661; 1664; 1667; 1670; 1673; 1676; 1680; 1683; 1685; 1688; 1691; 1694; 1697; 1700; 1703; 1706; 1710; 1712; 1715.
1721	Lê Dụ Tông, niên hiệu Bảo Thái thứ 2. Dùng Tế tửu và Tư nghiệp làm chức quan giảng dạy, con cháu các quan văn, võ, công thần được vào học cùng với những học trò khác. Quy định thi khảo hạch ở Quốc Tử Giám : Mỗi tháng cho thi một kỳ tiểu tập, 4 tháng trọng cho thi đại tập. Nếu

	trúng cả 4 kỳ thì quan Giám bảo cử để bộ Lại bổ dùng. Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1718
1723	Lê Dụ Tông, niên hiệu Bảo Thái thứ 4. Tháng 2. Cấp cho Quốc Tử Giám 60 mẫu ruộng làm hương hỏa
1724	Lê Dụ Tông, niên hiệu Bảo Thái thứ 5 Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1721.
1726	Lê Dụ Tông, niên hiệu Bảo Thái thứ 7 Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1724.
1728	Lê Dụ Tông, niên hiệu Bảo Thái thứ 9 Mùa hạ, Mồng 1 tháng 4. Tham tụng Nguyễn Công Hãng mời các quan văn vào Quốc Tử Giám giảng về lối văn kinh nghĩa bát cổ.
1732	Lê Duy Phường, niên hiệu Vĩnh Khánh thứ 4 Chúa Trịnh Khương (Giang) đến Văn Miếu bái yết Tiên thánh, dâng cúng nhạc khí bằng vàng thiếc mới chế để đánh khi tế tự và lấy đó làm lệ thường.
1733	Lê Thuần Tông, niên hiệu Long Đức thứ 1 Tháng Chạp, dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1731
1734	Lê Thuần Tông, niên hiệu Long Đức thứ 2 Tháng 8, dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1727
1735	Lê Thuần Tông, niên hiệu Long Đức thứ 3 Khắc xong bản in Ngũ kinh, lưu tại Quốc Tử Giám. Tháng 12, dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1733.
1738	Lê ý Tông, niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 4 Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1736.
1744	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 5 Dựng 2 bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1739; 1743.
1747	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 8

	Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1746.
1748	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 9 Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1748.
1753	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 14. Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1752.
1755	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 16 Chế mũ miện, áo cổn mặc vào tượng Khổng Tử ở Văn Miếu.
1756	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 17 Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1754.
1757	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 18 Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1757.
1759	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 20 Chúa Trịnh Doanh đến Văn Miếu tế Tiên thánh.
1760	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 21 Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1760. Làm hai bút lông bằng đá hai bên nhà Bái Đường.
1762	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 23 Tu sửa Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Sai tri Quốc Tử Giám Hà Tông Huân làm thể văn mẫu để học quan dạy cho học trò học tập.
1763	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 24 Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1763.
1766	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 27 Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1766.
1767	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 28 Tế tửu, Tư nghiệp hàng ngày đến nhà Thái học giảng sách sử cho các học trò. Ngày mùng một, ngày rằm thì tập làm văn, ngày mồng 4 tháng tứ trọng thì khảo duyệt y theo phép thi, ai trúng cao thì kê tên tâu lên, cất nhắc trao chức vụ.
1768	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 29

	Tri Quốc Tử Giám Nguyễn Nghiễm làm bức hoành phi "Cổ kim nhật nguyệt" (ánh sáng muôn thủơ) và đúc chuông Bích Ung.
1769	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 30 Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1769.
1771	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 32 Lập bia "Hạ Mã" bằng đá ở cửa nhà Thái học – Văn Miếu. Hồ to trước mặt gọi là ao Bích Thuỷ. Tri Quốc Tử Giám Nguyễn Hoản cho tu sửa phía trước Văn Miếu, trồng cây lát đường làm cho nhà Thái học được nghiêm trang.
1772	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 33 Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1772.
1776	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 37 Dựng bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1775.
1779	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 40 Định lại quy chế dạy và học ở Quốc Tử Giám: Học quan trước hết dạy các sĩ nhân có đức hạnh thực tế, sau mới đến văn từ. Học sinh chia làm hai hạng: Giám sinh trúng thức và nho sinh, sinh đồ, biên vào sổ học. Hàng ngày Học quan biên họ tên những người đến nghe giảng và khuyên nhủ chăm học. Những người ghi trong sổ học có điểm cao thì kê tên dâng lên xét bổ dụng.
1780	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 41 Dựng 2 bia đá ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa thi năm 1778; 1779.
1781	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 42 Chúa Trịnh tổ chức thi các cống sĩ ở Quốc Tử Giám, tự mình ra đề cho sĩ tử làm ngay trong ngày, sau đó nộp để Chúa xem.
1785	Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 46 Trùng tu Văn Miếu, quy chế trang nghiêm. Tham tụng Bùi Huy Bích vào Quốc Tử Giám giảng dạy đạo học nghĩa lý của Trình, Chu cho học trò.
1802	Nguyễn Thế Tổ, niên hiệu Gia Long thứ 4

	Vua đến tế tại Văn Miếu Thăng Long.
1805	Nguyễn Thế Tổ, niên hiệu Gia Long thứ 4 Dựng Khuê Văn Các.
1808	Nguyễn Thế Tổ, niên hiệu Gia Long thứ 7. làm bài vị thay tượng để thờ Khổng Tử và các hiền triết.
1827	Nguyễn Thánh Tổ, niên hiệu Minh Mạng 8 Tìm các ván khắc in *Ngũ kinh*, *Tứ thư đại toàn* ở Văn Miếu Bắc thành đem vào Quốc Tử Giám Huế giữ để in thành sách. Kiểm soạn các bộ ván in chính sử, quyển văn 4 trường chuyển vào kinh đô Huế.
1829	Nguyễn Thánh Tổ, niên hiệu Minh Mạng thứ 10 Tu sửa lại học đường phủ Hoài Đức (Quốc Tử Giám).
1833	Nguyễn Thánh Tổ, niên hiệu Minh Mạng thứ 14. Tu sửa Văn Miếu - Quốc Tử Giám, xây lại tường bao quanh Văn Miếu – Quốc Tử Giám .
1837	Nguyễn Thánh Tổ, niên hiệu Minh Mạng 18 Định lệ: Xuân, thu tế ở Văn miếu và đền Khải Thánh Bắc thành. Lễ ở Văn Miếu dùng 1 trâu, 1dê, 1 lợn, xôi, quả phẩm 3 mâm; Tế các vị phối hưởng, lễ dùng 2 con lợn, 4 mâm xôi, quả phẩm 8 mâm; vị tiên triết lễ dùng 1 con lợn, 2 mâm xôi, 4 mâm quả phẩm Lễ ở Đền Khải Thánh: Chính vị lễ dùng lợn, xôi đều 1 quả, quả phẩm 3 mâm.
1840	Nguyễn Thánh Tổ, niên hiệu Minh Mạng thứ 21. Đục xóa tên hiệu của các chúa Trịnh (không đục tên của chúa Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng) trên bia Tiến sỹ từ khoa thi năm 1554 đến năm 1779.
1858	Nguyễn Dục Tông, niên hiệu Tự Đức thứ 12. Dựng lại hai nhà Tả vu và Hữu vu của Văn Miếu. Tu sửa khu bia tiến sĩ

1863	Nguyễn Dục Tông, niên hiệu Tự Đức thứ 17. Dựng lại 4 dãy nhà bia Tiến sĩ, mỗi dãy 11 gian.
1865	Nguyễn Dục Tông, niên hiệu Tự Đức thứ 19 Tu sửa Hồ Văn, dựng Đình Văn hồ, dựng lại 2 Đình bia tiến sĩ.
1884	Nguyễn Hàm Nghi, niên hiệu Hàm Nghi thứ 1 Văn Miếu – Quốc Tử Giám bị Pháp biến thành trại lính.
1888	Nguyễn Cảnh Tông, niên hiệu Đồng Khánh thứ 3 Trùng tu Văn Miếu: tu sửa lại cổng Đại Thành, làm hoành phi "Vạn thế sư biểu"…
1899	Nguyễn Thành Thái, niên hiệu Thành Thái 10 Nhập khu đất bên cạnh Văn Miếu (tức vườn Giám) vào khu Văn Miếu. Tiến hành tu sửa Văn Miếu
1905	Nguyễn Thành Thái, niên hiệu Thành Thái 16 Pháp rút khỏi Văn Miếu – Quốc Tử Giám. Tu sửa Văn Miếu và điện Khải Thánh
1906	Nguyễn Thành Thái, niên hiệu Thành Thái 17 Pháp xếp hạng Văn Miếu là di tích lịch sử văn hóa.
1940	Nguyễn Bảo Đại, niên hiệu Bảo Đại 15 Tu sửa lại Hồ Văn, dựng lại bi đình trên gò kim châu.
1947	Khu Khải Thánh và một số công trình ở Văn Miếu trong đó có hai dãy Tả, hữu vu bị chiến tranh tàn phá.
1954	Xây dựng lại hai dãy Tả, hữu vu ở khu Điện Đại Thành
1962	Văn Miếu-Quốc Tử Giám được xếp hạng là di tích lịch sử cấp quốc gia.

CHƯƠNG II
DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM

Văn Miếu - Quốc Tử Giám hiện nay là di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia được xếp hạng ngay trong đợt đầu (năm 1962). Di tích được khởi lập vào cuối thế kỷ XI ở phía nam kinh thành Thăng Long, là một quần thể gồm có Văn Miếu và Quốc Tử Giám. Văn Miếu được xây dựng năm 1070, dưới triều vua Lý Thánh Tông để thờ Khổng Tử[1] cùng các vị tiên thánh, tiên hiền của Nho học, và là nơi Hoàng Thái tử Lý Càn Đức, con vua Lý Thánh Tông đến học. Quốc Tử Giám được khởi lập năm 1076 ở phía sau của Văn Miếu làm nơi học tập của con, em Hoàng thân và văn thần tại Kinh đô. Trải qua hơn 900 năm với bao thăng trầm của lịch sử, sau nhiều lần tu sửa, mở rộng, di tích hiện nay vẫn còn giữ được những nét kiến trúc của thời Lê và thời Nguyễn. Một số công trình được xây mới trong thời gian gần đây.

Quần thể di tích hiện nay nằm trên diện tích là 54.331m^2 bao gồm khu hồ Văn, vườn Giám và khu Văn Miếu - Quốc Tử Giám được bao bọc bởi những bức tường gạch vồ. Bốn mặt di tích đều là phố: phố Quốc Tử Giám (phía Nam), phố Nguyễn Thái Học (phía Bắc), phố Tôn Đức Thắng (phía Tây), phố Văn Miếu (phía Đông).

Trước mặt Văn Miếu là khu hồ Văn với diện tích 12.297m^2, giữa hồ có gò Kim Châu, trên gò xưa kia có Phán Thuỷ đường (Văn hồ đình) là nơi diễn ra các buổi bình văn thơ của nho sĩ kinh thành xưa. Trên gò hiện còn một tấm bia dựng năm Tự Đức thứ 18 (1865). Nội dung bài ký trên bia nói về việc tu sửa hồ Văn và dựng Phán Thủy đường. Hồ Văn

[1] Xem phần II

còn được gọi là hồ Minh Đường. Hiện nay khu vực này đang được tu sửa để làm nơi biểu dương, tuyên truyền nền giáo dục truyền thống và nơi thư giãn cho du khách sau khi tham quan khu di tích.

Bên cạnh Văn Miếu, song song với đường Tôn Đức Thắng là khu vườn Giám với tổng diện tích . Nơi đây có nhà Bát giác, cây cảnh, cây thế, non bộ... Khu vườn Giám hiện cũng được tôn tạo, tu sửa làm nơi dạo chơi, thư giãn cho du khách và tổ chức các hoạt động văn hóa, phù hợp với truyền thống, đạo lý của dân tộc.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám là kiến trúc chủ thể của di tích được xây dựng trên khu đất có chiều dài 300 mét, chiều rộng phía Bắc là 75 mét, phía Nam là 61 mét, hướng Bắc - Nam theo quan niệm "Thánh nhân nam diện nhi trị" (Thánh nhân hướng về phía Nam để cai trị). Phía trước Văn Miếu là Tứ trụ (nghi môn) được xây bằng gạch, hai trụ giữa cao hơn, trên đỉnh có 2 con nghê chầu vào. Người xưa tin rằng đây là 2 con vật linh thiêng có khả năng nhận ra kẻ ác hay người thiện. Xung quanh Tứ trụ có các đôi câu đối chữ Hán ca ngợi vai trò, vị trí của Văn Miếu – Quốc Tử Giám đối với việc đào tạo nhân tài, xây dựng đất nước:

"Đông, tây, nam, bắc do tư đạo
Công, khanh, phu sĩ, xuất thử đồ"

(Đông, tây, nam, bắc cùng theo đạo này
Công, khanh, phu sĩ đều từ đây mà ra)

Hai bên Tứ trụ là hai bia Hạ mã (Xuống ngựa) được dựng năm 1771. Bia Hạ Mã được xây dựng để nhắc nhở tất cả mọi người từ Vua cho đến các bậc công, khanh, hay thường dân đi qua khu này, đều phải xuống ngựa để biểu thị sự tôn kính. Tứ trụ và bia Hạ Mã giống như hàng rào ngăn cách phía bên ngoài với bên trong là nơi tôn nghiêm.

Khu Văn Miếu - Quốc Tử Giám được chia thành 5 không gian khác nhau và ngăn cách bởi các tường và các cửa thông nhau: một cửa chính giữa và 2 cửa phụ hai bên. 4 khu đầu tiên thuộc về Văn Miếu, khu cuối cùng là khu Quốc Tử Giám xưa, khu Thái học hiện nay.

Văn Miếu được bắt đầu bằng cổng Văn Miếu to lớn, phía trên đề ba chữ "Văn Miếu Môn", hai bên có 2 cửa nhỏ hơn là Tả môn, Hữu môn. Văn Miếu môn được xây theo phong cách kiến trúc thời Nguyễn. Trước đây, Văn Miếu môn chỉ được mở khi các bậc vua quan tới thăm Văn Miếu và tế lễ Khổng Tử. Trong những ngày thường, dân thường và

học trò, ra vào bằng hai cổng Tả môn và Hữu môn. Phía trước Văn Miếu môn là đôi rồng đá cách điệu mang phong cách kiến trúc thời Lê, bên trong là đôi rồng đá thời Nguyễn. Trên Văn Miếu môn có các câu đối chữ Hán ca ngợi nền giáo dục, đào tạo nhân tài theo Nho học.

Mặt trước Văn Miếu Môn, phía bên trái có trang trí cảnh "Long ngư tụ hội" (cá rồng ẩn hiện trong mây) thể hiện cảnh hoan lộ của các Nho sinh thành đạt. Bên phải là cảnh "Mãnh hổ hạ sơn" (Hổ xuống núi) thể hiện khí thế của bậc quân tử bước vào đời.

Khu thứ nhất - khu Nhập đạo. Đường chính giữa là đường Hoàng đạo, trước đây chỉ dành cho các bậc vua quan khi đến thăm và tế lễ tại Văn Miếu. Dân thường và học trò đi đường hai bên.

Khu thứ 2 - khu Thành đạt. Đại Trung môn (cổng Đại Trung) là lối vào chính giữa, hai bên có hai cổng nhỏ: Thành Đức môn và Đạt Tài môn. Tên của hai cổng này mang ý nghĩa giáo dục đào tạo con người vừa có đức, vừa có tài. Tại hai khu này có nhiều cây đại thụ, có niên đại hàng trăm năm, có 4 hồ nước, nơi chứa nước mưa dùng để tưới, tiêu cho Văn Miếu.

Khu thứ 3 – khu Bia tiến sĩ.

Lối vào chính khu thứ 3 là một công trình kiến trúc đặc biệt - Khuê Văn các. Ngoài ra hai bên có 2 cổng nhỏ là Bí Văn (văn chương đẹp đẽ) và Súc Văn (văn chương hàm ý, súc tích).

Khuê Văn các (gác Khuê Văn) do Tổng trấn Bắc Thành Nguyễn Văn Thành xây dựng vào năm 1805, với lối kiến trúc độc đáo: một lầu vuông bằng gỗ, mái lợp ngói ống với lối kiến trúc trùng diêm (2 tầng 8 mái chồng lên nhau) trang trí 4 góc bằng đất nung. Bốn cạnh có diềm gỗ chạm trổ tinh vi, xung quanh là lan can con tiện. Bốn mặt gác là 4 cửa sổ hình tròn với những thanh gỗ con tiện toả ra bốn phía tượng trưng cho sao Khuê toả sáng. Trên gác treo biển sơn son thiếp vàng đề 3 chữ "Khuê Văn các". Xung quanh 4 mặt đều có câu đối với nội dung ca ngợi việc cai trị bằng Văn, sự thịnh vượng của đạo học.

Hi triều phấn sức long văn trị
Kiệt các trân tàng tập đại quan

(Đời thịnh tô điểm nền văn trị
Lầu gác lộng lẫy lưu giữ vẻ đẹp)

Theo quan niệm của thiên văn học truyền thống, sao Khuê là tên một sao trong chòm 28 sao, là đầu Bạch Hổ phương tây, có 16 ngôi, sắp xếp khúc khuỷu giống hình chữ Văn trong chữ Hán, vì thế theo quan niệm của triết học phương đông, sao Khuê được coi là sao coi sóc việc học hành, thi cử. Sách Hiếu kinh có ghi: "Khuê chủ văn chương". Những danh nhân văn hóa tài năng (như Nguyễn Trãi) thường được ví như sao Khuê. Hiện nay, Khuê Văn các đã được chọn làm biểu tượng cho Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến. Khuê Văn các được xây trên bốn cột gạch vuông, xung quanh không có tường. Đây là lối vào chính cho khu thứ 3, khu Bia tiến sỹ.

Chính giữa khu thứ 3 là Thiên Quang tỉnh (giếng ánh sáng trời) hình vuông. Mặt nước của giếng xanh trong phẳng lặng, phản chiếu ánh sáng bầu trời làm cho khu vực này sáng rõ. Thiên Quang tỉnh cũng phản chiếu ánh sáng của sao Khuê ra khắp nơi.

Hai bên Thiên Quang tỉnh là 82 tấm bia tiến sĩ (81 bia được dựng thời Lê và 1 bia dựng thời Mạc) mỗi bên 41 bia. Vị trí của bia không theo thứ tự thời gian, triều đại, hoặc kích cỡ lớn nhỏ mà đan xen lẫn nhau

Bia Tiến sĩ được dựng trong thời gian gần 300 năm (1484 - 1780) nên kích thước và hình dáng khác nhau, nhưng đều được tạo bằng một loại đá xanh (thanh thạch), khai thác từ núi An Thạch, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá và cùng đặt trên lưng rùa. Mỗi tấm bia được dựng để ghi họ tên, quê quán những người đỗ của một khoa thi, vì vậy, dù khác nhau về kích thước, trang trí nghệ thuật, nhưng ý nghĩa của bia đều như nhau. Mỗi bia gồm có 3 phần:

- Trán bia (bi ngạch) có hình khung vòm, trên có khắc hình hoa văn họa tiết khác nhau, thể hiện quan điểm về nghệ thuật của mỗi thời kì;

- Thân bia: Hình chữ nhật, trên đó có khắc bài ký. Dòng chữ lớn trên cùng khắc niên đại tổ chức khoa thi. Nội dung bài ký đọc từ trên xuống dưới, từ phải sang trái đều cùng một thể thức: đầu tiên là ca ngợi triều vua đang trị vì, lý do mở khoa thi, tên và chức tước của các quan tổ chức kỳ thi với nhiệm vụ cụ thể, sau đó là tên và quê quán những người đỗ theo thứ tự từ cao xuống thấp: Đệ nhất giáp, Đệ nhị giáp, Đệ tam

giáp…Bài ký cũng cho chúng ta biết số lượng thí sinh, tên và chức vụ người soạn văn bia, người nhuận sắc, người viết chữ để khắc đá, năm dựng bia.

- Đế bia là rùa, được tạo hình khác nhau, tùy thuộc vào niên đại dựng bia. Rùa là một trong tứ linh, rùa sống lâu nên được chọn làm biểu tượng của sự trường tồn, vĩnh cửu. Đặt bia đá trên lưng rùa là ngụ ý biểu dương người hiền tài, họ tên được lưu danh mãi mãi, ai ai cũng thấy, qua đó khuyến khích dân chúng học tập, rèn luyện.

Nội dung những bài ký phải tuân theo thể thức nhất định (bi ký), nên không tránh khỏi nhiều đoạn trùng lặp, nhưng qua các bài ký, ta có thể thấy được lịch sử của nền giáo dục Việt Nam thời phong kiến trong suốt hơn 300 năm (1442-1779), lịch sử của mỗi khoa thi.

Qua các bài văn bia, ta có thể thấy được nhiều điều lý thú về việc giáo dục và thi cử xưa kia. Trước hết, chúng ta thấy được mục đích của việc giáo dục và thi cử xưa kia, mục đích của việc dựng bia, khắc tên là đào tạo và lựa chọn hiền tài cho đất nước, biểu dương hiền tài, bởi vai trò của hiền, tài rất lớn đối sự hưng thịnh của một quốc gia: "*Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước hưng và thịnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu và suy, vì thế không bậc thánh đế minh vương nào không lấy việc đào tạo nhân tài, bồi dưỡng nguyên khí làm công việc cần kíp*". (Trích Văn bia Tiến sỹ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo 3 (1442)).

Ngoài việc biểu dương hiền tài, việc dựng bia, đề tên còn nhằm khuyến khích điều lành, khuyên răn, ngăn ngừa điều ác. Văn bia khoa Mậu Tuất, , niên hiệu Hồng Đức 9 (năm 1478), ghi: "*Nếu kẻ nào nhờ việc thi đỗ để làm cái cầu no ấm..., chỉ mưu tham không nghĩ đến nước thì người ta sẽ chỉ tận tên mà nói: Kẻ này gian, kẻ này nịnh, kẻ này đặt việc nhà lên trên việc nước, làm gầy người để béo mình, kẻ này làm hại người lành, kết bạn cùng lũ tham gian. Như thế thì bia càng lâu càng bị bôi nhọ. Việc lập bia có ý nghĩa sâu xa như thế, có phải chỉ cốt để lại lâu dài cho vẻ vang thôi đâu!*"; hoặc như "*..Vậy thì bia dựng lên làm cho người thiện có thể khuyến khích, kẻ ác có thể ngăn ngừa, đem việc*

đã qua mà bảo cho người sau, có ích lợi cho đường lối trị nước, đâu có phải chỉ có ích chút ít". (Văn bia khoa năm 1680).

Văn bia còn cho biết số lượng thí sinh tham dự vào các khoa thi Hội, số lượng người đỗ, những quê hương, dòng họ có truyền thống khoa bảng. Số lượng thí sinh của một khoa thi dao động từ 450 người (khoa thi 1442) đến 6000 người (khoa thi năm 1640). Số người đỗ trong một khoa thi ít nhất là 3 người (khoa thi năm 1667) nhiều nhất là 62 người (khoa thi năm 1478). Điều này chứng tỏ việc giáo dục thi cử của thời Lê rất thịnh đạt, và để đỗ được tiến sỹ phải là những người thực sự tài năng.

Sau khi thi đỗ, các tân khoa được hưởng rất nhiều ân điển của triều đình như: được ban mũ áo, cân đai; được dự lễ xướng danh, được ban yến, được vinh quy bái tổ, được ghi tên vào sách *Đăng khoa lục;* sau đó được bổ nhiệm các trọng trách khác nhau, tùy theo thứ bậc thi đỗ và nhu cầu của triều đình…

Có một điều lý thú là, trong số 1304 nhà khoa bảng được đề tên trên bia, có 3 người đã thi đỗ, nhưng chưa ưng ý với thứ hạng đã đạt được, nên sau đó lại thi, và đỗ[1]. Như vậy, trên 82 bia, tổng cộng có ghi 1307 họ, tên và quê quán của các vị tiến sĩ. Trong số đó, có thể thấy họ tên của rất nhiều danh sĩ, trí thức nổi tiếng trong lịch sử với những đóng góp to lớn cho việc xây dựng và bảo vệ đất nước, phát triển nền giáo dục và văn hóa Việt Nam, như Trạng nguyên khoa Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo 3 (1442) Nguyễn Trực người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai (nay thuộc thôn Bối Khê, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, Hà Nội); Thám hoa Lương Như Hộc, người huyện Trường Tân, phủ Hạ Hồng (nay là huyện Gia Lộc, Hải Dương), ông tổ nghề in mộc của Việt Nam; Nhà sử học Ngô Sĩ Liên, người xã Chúc Sơn, huyện Chương Đức (nay thuộc Chương Mỹ, Hà Nội) đã soạn bộ sách *Đại Việt sử ký toàn thư;* Trạng nguyên Lương Thế Vinh, người thôn Cao Hương huyện Thiên Bản (nay là thôn Cao Phương, xó Liờn Bảo huyện Vụ Bản, Nam Định) nhà toán học nổi tiếng với *Đại thành toán pháp*; Bảng nhãn Lê Quý Đôn người xã Diên Hà, huyện Diên Hà, (nay là huyện Hưng Hà, tỉnh Thái

[1] Đó là Trịnh Thiết Trường, người huyện Yên Định, phủ Thiệu Thiên (nay thuộc Thọ Xuân, Thanh Hóa, Nguyễn Nguyên Chẩn người huyện Thanh Lâm nay là huyện Nam Sách, Hải Dương cùng đỗ khoa thi năm 1442, sau đó lại thi đỗ khoa thi năm 1448. Nguyễn Nhân Bị người huyện Vũ Ninh, nay thuộc Quế Võ, Bắc Ninh đỗ khoa thi năm 1466, sau thi lại đỗ khoa thi 1481.

Bình), nhà học thuật tài năng với rất nhiều tác phẩm như: *Đại Việt thông sử, Kiến văn tiểu lục, Phủ biên tạp lục, Vân đài loại ngữ*... Cũng trên bia còn thấy tên của Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm người xãTiền Điền, Nghi Xuân, Hà tĩnh, Tế tửu Quốc Tử Giám, nhà giáo dục, nhà chính trị, nhà sử học có nhiều đóng góp cho Văn Miếu và nền giáo dục Việt Nam; Tiến sĩ Ngô Thì Nhậm (Thanh Trì, Hà Nội), nhà chính trị, ngoại giao lỗi lạc, người có công lớn trong chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa lừng danh trong lịch sử.

Qua tên họ, quê quán của tiến sỹ trên bia, ta còn biết được truyền thống hiếu học của các vùng quê, của những dòng họ khác nhau, như Kinh Bắc với 98 nhà khoa bảng; xã Mộ Trạch, huyện Đường An (nay là thôn Mộ Trạch xã Tân Hồng, Bình Giang, Hải Dương) với 30 tiến sĩ. Nổi tiếng khoa bảng ở đây là dòng họ Vũ, nhiều đời đỗ đạt như gia đình Hoàng giáp Vũ Bạt Tụy, cha của tiến sĩ Vũ Duy Đoán, ông của Tiến sĩ Vũ Duy Khuông, anh của Tiến sĩ Vũ Cầu Hối, bác của tiến sĩ Vũ Bật Hài. Dòng họ Thân Nhân Trung ở xã Yên Ninh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang mấy đời liền đỗ đại khoa, cùng làm quan một triều (Thân Nhân Trung đỗ năm 1469, con là Thân Nhân Vũ, Tiến sĩ năm 1481 và Thân Nhân Tín, Tiến sĩ năm 1490, cháu là Thân Cảnh Vân, Thám hoa năm 1487); Dòng họ Nguyễn xã Vân Điềm, huyện Đông Ngàn, nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội (Nguyễn Thực đỗ Hoàng giáp năm 1595, là cha của Nguyễn Nghi, Tiến sĩ năm 1619, tằng tổ của Nguyễn Khuê, Nguyễn Sĩ đỗ tiến sĩ năm 1670, cao cao tổ của Nguyễn Thẩm, đỗ Tiến sĩ năm 1706 và Nguyễn Thưởng, đỗ tiến sĩ năm 1754). Đặc biệt, có gia đình cả cha, con cùng đi thi, cùng đỗ một khoa như Tiến sĩ Ngô Trí Tri (cha) và Hoàng giáp Ngô Trí Hòa (con) ở xã Lý Trai, huyện Đông Thành (nay là Diễn Châu, tỉnh Nghệ An) đỗ khoa thi năm 1592. Đây cũng là dòng họ khoa bảng: Ngô Sĩ Vinh, tiến sĩ khoa thi năm 1646, là con Ngô Trí Hòa, ông nội Ngô Công Trạc, tiến sĩ khoa thi năm 1694, và Ngô Hưng Giáo, tiến sĩ khoa thi năm 1710.

Bia tiến sĩ còn là cho chúng ta biết về nghệ thuật của các thời kỳ khác nhau, quan điểm về những biểu tượng mỗi thời kỳ, từ đó cho ta thấy vai trò của tầng lớp trí thức thay đổi tùy theo điều kiện lịch sử.

82 tấm bia tiến sĩ là 82 phong cách điêu khắc khác nhau, tuy nhiên, có thể chia làm 3 loại theo 3 giai đoạn :

Loại I: Các bia dựng từ năm 1484 (Hồng Đức thứ 15) đến năm 1536 (Đại Chính thứ 7). Rùa loại này được thể hiện bằng những khối tròn, trơn nhẵn, đường nét tinh tế, trán bia hình bán nguyệt, bẹt; trên trán bia và diềm bia có trạm khắc hình trang trí hoa văn. Hoa văn trang trí trên trán bia theo chủ đề mây vờn nguyệt hoặc mặt trời, diềm bia trang trí chủ yếu là hình mây, hoa dây.

Loại II: Các bia dựng năm Thịnh Đức thứ nhất (1653): rùa loại này chỉ phác họa bằng những khối vuông, góc cạnh, đường nét đơn giản dứt khoát, cổ rụt, đầu chếch hoặc bằng ngang, miệng rộng cong vòng hình cung, không có răng nanh, chân tạc sơ sài. Trán bia hình bán nguyệt vồng cao. Hoa văn trang trí trên trán bia đã thay đổi nhiều với chủ đề "Song long vọng nguyệt". Rồng được chạm với dáng mập, thân nổi lên cuồn cuộn với những hình khối tròn, chắc nịch và đường chạm sâu. Điều này được kiến giải, vai trò của tầng lớp trí thức, của các nhà Nho đã được khẳng định rõ nét, đang nắm giữ nhiều trọng trách quan trọng của đất nước. Rồng không còn là biểu tượng đặc quyền của Hoàng gia nữa, nó được dùng thể hiện quyền lực của tầng lớp nho sĩ đương thời. Diềm bia được chạm trổ sâu, với những biểu tượng hoa văn đa dạng hơn.

Loại III: Gồm các bia dựng từ năm 1717 (Vĩnh Thịnh thứ 3) đến năm 1780 (Cảnh Hưng thứ 41): Ngoài chủ đề "lưỡng long chầu nguyệt" được chạm trên trán bia, ở một số bia có hình phượng chầu mặt nguyệt. Hai chim phượng to lớn xoè rộng cánh trong tư thế đang bay vờn quanh mặt nguyệt. Biểu tượng trang trí trên diềm bia càng về sau càng đa dạng, phong phú hơn, điều đó thể hiện sự phóng khoáng, phong phú trong sinh hoạt của tầng lớp Nho sĩ, sự phát triển sinh động của cuộc sống đương thời.

82 tấm bia tiến sỹ là những hiện vật vô cùng quý giá, là minh chứng hùng hồn của hơn 300 năm lịch sử nền giáo dục, thi cử Việt Nam. Chúng có thể được coi là những tấm "Bằng Tiến sĩ" bằng đá cho cả một khoa thi, ba hoặc bốn năm mới được tổ chức một lần. Rất tiếc, trong một thời gian dài không có nhà che, nên nhiều tấm bia đã bị mòn, mờ. Việc xây dựng 8 nhà bia năm 1994 để bảo vệ bia đã cho thấy sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước, giá trị to lớn của những tấm bia vài trăm năm tuổi này.

Chính giữa khu bia mỗi bên là hai toà Đình bia, nơi xưa kia, các vị nho sinh sau khi dâng hương các Tiên thánh trong điện Đại Thành, dâng hương các vị tiên nho trước khi đọc các bài ký bia tiến sĩ. Hiện nay Đình bia là nơi đặt 2 tấm bia của 2 khoa thi đầu tiên được dựng bia (năm 1442 và 1448). Tại Đình bia bên trái có bứchoành phi "Đề danh bi đình" (Đình bia đề danh Tiến sĩ).

Khu thứ tư - Khu Điện Đại thành.

Đây là khu vực chính thờ Khổng Tử và các bậc Tiên hiền, Tiên nho, bao gồm nhà Bái Đường, điện Đại Thành, hai dãy Đông vu, Tây vu. Lối vào chính khu điện Đại thành là Đại Thành môn (cổng Đại Thành), hai bên còn có 2 cổng nhỏ hơn là Kim Thanh và Ngọc Chấn để đi sang khu Thái học ở phía sau hai dãy Tả vu và Hữu vu, và vào sân Đại Bái qua hai cổng nhỏ đầu hai dãy Đông vu, Tây vu, vì trước đây, cổng Đại Thành chỉ mở khi tế Khổng Tử.

Khu Điện Đại thành là nơi hàng năm tổ chức tế Khổng Tử vào ngày Đinh đầu tiên của tháng hai và tháng tám. Thông thường, vua chủ tế hoặc cử hoàng thân, đại thần tế thay. Dưới triều Nguyễn, quan Tổng đốc Bắc Thành làm chủ tế, tiến hành tế lễ.

Phía trên, chính giữa cổng Đại Thành có treo bức hoành phi "Đại Thành môn", bên phải có hàng chữ nhỏ đề "Lý Thánh Tông Thần Vũ nhị niên Canh Tuất thu bát nguyệt phụng kiến" (tháng Tám mùa thu năm Canh Tuất, niên hiệu Thần Vũ thứ hai đời Lý Thánh Tông (1070), vâng sắc dựng. Bên trái ghi: Đồng Khánh tam niên Mậu Tý trọng đông đại tu" (tu sửa vào tháng giữa mùa đông năm Mậu Tý niên hiệu Đồng Khánh 3 (11/1888). Bức hoành phi này một lần nữa khẳng định niên đại xây dựng Văn Miếu: năm 1070.

Tên cổng "Đại Thành" đi vào nơi thờ Khổng Tử xuất phát từ câu "Khổng Tử chi vị tập đại thành" (Khổng Tử có thể được coi là tập đại thành) của Mạnh Tử khi đánh giá về Khổng Tử. Mạnh Tử ca ngợi Khổng Tử là người thành đạt khi tập hợp tất cả học vấn, đức tốt của các bậc tiên thánh, tiên hiền. Sách *Mạnh Tử* viết: "Tập đại thành được ví như khi tấu nhạc dùng tiếng chuông đồng (Kim Thanh) để khởi đầu, dùng thanh âm của tiếng khánh ngọc (Ngọc Chấn) để kết thúc. Tiếng

chuông điều tiết tiết tấu, nhịp điệu âm nhạc lúc đầu, tiếng khánh điều tiết nhịp điệu âm nhạc lúc kết thúc. Điều tiết lúc đầu là công việc thuộc về trí, điều tiết lúc kết thúc là công việc của thánh nhân…". Điều này cũng giải thích tại sao hai bên cổng Đại Thành có cổng Kim Thanh và Ngọc Chấn.

Phía trước, chính giữa là toà Bái Đường lợp ngói mũi hài, trên đắp nổi hai con rồng chầu mặt nguyệt. Bái Đường mới được lợp lại ngói vào năm 1994, sơn thếp các kết cấu gỗ năm 1995. Chính giữa Bái Đường đặt một hương án, trên bày đồ thờ. Đây chính là nơi Hoàng đế, đại thần dâng hương, hành lễ khi tổ chức tế lễ Khổng Tử tại Văn Miếu. Phía trên hương án có bức hoành phi: "Vạn thế sư biểu" (*người thầy tiêu biểu của muôn đời*) được làm năm 1888. Đây là 4 chữ do vua Khang Hy (1662 - 1722) ban tặng Khổng Tử khi đến dâng hương tại Khổng Miếu Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Ngoài ra còn có các bức hoành phi và nhiều câu đối khác ca ngợi trước tác của Khổng Tử. Đặc biệt, ở gian đầu hồi có treo bức hoành "Cổ kim nhật nguyệt" *(ánh sáng muôn thuở)* và chuông Bích Ung do Tri Quốc Tử Giám Nguyễn Nghiễm làm năm 1768.

Phía sau Bái đường là điện Đại Thành. Tại đây, ở gian chính giữa đặt tượng thờ Khổng Tử[1], Tứ phối (bốn học trò xuất sắc được phối thờ cùng với Khổng Tử: bên đông là tượng Nhan Hồi và Khổng Cấp, bên tây là Tăng Sâm và Mạnh Kha). Hai đầu hồi đặt bài vị bằng đá thờ Thập triết (10 người tiêu biểu cho 4 khoa: Đức hạnh, Ngôn ngữ, Chính trị và Văn học gồm: Mẫn Tổn, Nhiễm Canh, Nhiễm Ung, Tể Dư, Đoan Mộc Tứ, Nhiễm Cầu, Trọng Do, Ngôn Yển, Bốc Thương, Chuyên Tôn Sư).

Phía sau tượng Khổng Tử là khám thờ trên có ngai và bài vị: "Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử thần vị".

- **Tứ Phối**: **Nhan Hồi** (513–482 TCN), tự Tử Uyên, thường gọi là Nhan Uyên, người nước Lỗ. Nhan Uyên hiếu học, nghe một biết mười, chưa từng giận dữ một ai, không phạm lỗi lầm đến lần thứ hai.

[1] Xem phần II

Ông nổi tiếng an bần lạc đạo "một nắm cơm, một bình nước, ở trong ngõ hẹp", được Khổng Tử đánh giá là người biết "sửa mình khôi phục lễ", vì thế được Nho gia suy tôn là Phục thánh, xếp hàng đầu trong hàng Tứ phối.

Tăng Sâm (505 – 436 TCN), tự Tử Dư, còn gọi là Tăng Tử, người nước Lỗ. Tăng Sâm hiểu biết cặn kẽ, lĩnh ngộ sâu sắc học thuyết Khổng Tử. Đạo "Trung thứ" của Khổng Tử được Tăng Sâm truyền thụ cho Khổng Cấp. Tăng Sâm nổi tiếng với câu nói: "Nhất nhật tam tỉnh ngô thân" (hàng ngày ba lần xét mình). Đại học và Hiếu kinh là hai tác phẩm do Tăng Sâm ghi lại lời Khổng Tử dạy học trò. Học phái Tăng Tử - Tử Tư bảo tồn được tinh túy của học thuyết Khổng Tử, vì thế được tôn gọi là Tông thánh .

Khổng Cấp (483 – 401 TCN) tự Tử Tư, cháu đích tôn Khổng Tử, học trò của Tăng Sâm. Tử Tư được coi là người thừa kế chính thống của học thuyết Khổng Tử. Sách *Trung dung* do Tử Tư biên soạn là tác phẩm danh tiếng tiêu biểu cho nhân sinh quan của triết học Nho gia. Tư tưởng "trung dung" của Tử Tư: "không thiên lệch, không thay đổi" có vị trí quan trọng trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc. Tử Tư từng đi thuyết giảng ở nhiều nơi, đem tinh hoa của học thuyết Khổng Tử truyền bá rộng khắp nên Nho gia phong tặng Tử Tư là Thuật thánh (truyền thuật tư tưởng của Khổng Tử).

Mạnh Kha (372 – 289 TCN), tự Tử Dư, thường gọi là Mạnh Tử, người ấp Trâu nước Lỗ, học trò của Tử Tư. Cha mất sớm, mẹ họ Cừu, thường được gọi là bà Mạnh Mẫu, nổi tiếng với sự tích ba lần dời nhà để dạy con thành người tốt. Mạnh Tử chu du đến các nước thuyết giảng thuyết "tính thiện", coi nhân nghĩa là tiêu chuẩn để phân biệt "vương đạo" và "bá đạo" trong đường lối trị nước của kẻ cầm quyền, đề cao đạo đức xã hội. Ông đề cao tư tưởng "dân vi quý", lên án chiến tranh, chính sự hà khắc, chủ trương thực hành đường lối nhân chính. Sách *Mạnh Tử* - tác phẩm chủ yếu ghi lại những cuộc diễn thuyết hùng hồn của ông, có ảnh hưởng lớn trong việc truyền bá học thuyết của Khổng Tử. Mạnh Tử được các thế hệ nhà Nho đời sau suy tôn là bậc Á Thánh (bậc Thánh thứ hai)

Hai dãy Đông vu và Tây vu ở hai bên sân Đại Bái hiện nay được xây dựng lại vào năm 1954, do kiến trúc cũ bị chiến tranh phá hủy năm 1947. Trước đây mỗi bên có 5 bệ, trên đặt 5 khám bài vị thờ Thất thập nhị hiền (72 tiên Hiền, học trò xuất sắc của Khổng Tử). Từ năm 1370, đây cũng là nơi tôn vinh Chu Văn An, người thầy giáo tiểu biểu, nhà Nho lỗi lạc của Việt Nam. Nay là nơi làm việc và bán đồ lưu niệm cho du khách.

Phía sau Tây vu, trước đây còn có Bí thư khố, nơi lưu giữ ván khắc in sách của Quốc Tử Giám, kho tế khí, nhà cho học quan thay đồ và nghỉ ngơi.

Khu thứ 5 – Khu Thái học.

Cổng Thái Học phía sau điện Đại Thành là lối vào chính khu Thái Học, cũng là lối sang Quốc Tử Giám xưa. Ngoài ra còn có 2 cổng nhỏ ở hai bên.

Quốc Tử Giám được thành lập năm 1076 dưới triều vua Lý Nhân Tông làm nơi học tập cho con em nhà Vua và Hoàng thân, quốc thích, các quan viên văn chức biết chữ. Triều Trần, năm 1236, đổi gọi là Quốc Tử viện, cho Phạm Ứng Thần giữ chức Đề điệu; năm 1243 vua Trần Thái Tông cho trùng tu Quốc Tử Giám. Năm 1253, vua Trần Thái Tông xuống chiếu cho lập Quốc học viện. Vua xuống chiếu vời Nho sĩ trong nước đến giảng tập Tứ thư, Ngũ kinh.

Triều Lê, Lê Thái Tổ ngay năm đầu lên ngôi (năm 1428) đã cho chọn con cháu các quan và nhà thường dân tuấn tú vào Quốc Tử Giám làm Giám sinh. Quốc Tử giám đời Lê còn được gọi là Thái học viện. Năm 1483, Lê Thánh Tông đã cho thực hiện đợt đại trùng tu Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Quốc Tử giám - Thái Học Viện được xây dựng với quy mô to lớn, gồm nhà Minh Luân làm nơi bình giảng văn thơ cho Giám sinh và nho sinh bên ngoài, giảng đường phía đông và phía tây để làm chỗ học tập cho các Giám sinh, Bí thư khố để chứa ván gỗ đã khắc thành sách, đồng thời là nơi lưu trữ sách kinh điển của Nho gia; bên đông, bên tây mỗi bên 3 dãy, mỗi dãy 25 gian, mỗi gian dành cho 2 giám sinh làm chỗ nghỉ ngơi (Tam xá).

Dưới thời Lê Thánh Tông, Giám sinh được tuyển chọn kỹ càng, người nào thi Hội trúng ba kỳ thì sung vào Thượng xá sinh, trúng hai kỳ sung vào Trung xá sinh, trúng một kỳ sung vào hạng Hạ xá sinh. Mỗi xá 100 người, về sau cất nhắc bổ dụng cũng căn cứ theo ba hạng đó. Quy chế tuyển chọn vào Thái học viện này được áp dụng cho cả thời gian về sau.

Hàng tháng Giám sinh đều được lĩnh một khoản tiền trợ cấp, gọi là tiền "đèn dầu, gạo muối". Lúc đầu tất cả đều được lĩnh bằng nhau mỗi tháng là 9 tiền. Về sau sửa lại: Thượng xá sinh được 10 tiền, Hạ xá sinh giảm chỉ còn 8 tiền. Có câu chuyện kể rằng: Một buổi tối vua Lê Thánh Tông vi hành đến nhà Giám, thấy vợ chồng giám sinh nọ đang nấu ăn, kêu thiếu muối. Vua trở về, sai người đem một gói muối đến đặt trước cửa phòng người Giám sinh nọ. Câu chuyện đó cho thấy nhà vua quan tâm đến đời sống của kẻ sĩ hàn vi biết dường nào.

Nội quy trường Giám rất chặt chẽ, Giám sinh vắng mặt qua đêm hoặc nghỉ học 1- 2 ngày đều phải xin phép, người nào trễ bỏ việc học, thiếu điểm mục 1 lần thì phạt 140 tờ giấy trung chỉ, thiếu điểm mục 2 lần thì phạt 200 tờ giấy trung chỉ, thiếu điểm mục 3 lần thì kiểm xét tâu lên giao cho Bộ Hình xét hỏi, thiếu điểm mục 4 lần thì đánh 40 roi, thiếu điểm mục 5 lần thì bắt sung quân. Giám sinh con em các nhà khá giả ở Kinh đô có thể ở ngoại trú, nhưng vẫn có phòng riêng để hàng ngày đến học tập. Việc học trước đây tự học, tự nghiên cứu là chính, mỗi tháng có một kỳ tiểu tập, 4 tháng giữa 4 quý là kỳ đại tập. Cứ đến kỳ giảng sách bình văn, các học quan chấm bài mỗi kỳ đều lấy những bài tiêu biểu, đạt điểm cao đem ra bình đọc cho mọi người cùng nghe.

Ngoài những người đủ tiêu chuẩn được chọn vào học ở Quốc Tử Giám, hàng năm đều có một số lượng lớn các Hương cống từ khắp các địa phương trong nước về kinh theo học. Nho sinh ngoài Giám chỉ cần làm thủ tục ghi tên là được đến nghe giảng bài, tập văn như các Giám sinh. Như vậy, Quốc Tử Giám không chỉ có khoảng 300 Giám sinh hàng năm, mà có lúc đông đến hàng 6000 người.

Đứng đầu Quốc Tử Giám đời Trần là Đề điệu và Tư nghiệp. Thời Lê, Tế Tửu đứng đầu, sau đến Tư nghiệp. Tế tửu và Tư nghiệp

thường do các danh nho, đại thần đạo đức trong sáng như: Chu Văn An, Nguyễn Phi Khanh, Thân Nhân Trung, Ngô Sỹ Liên, Lê Quý Đôn...đảm nhiệm. Trực giảng, Bác sỹ, Giáo thụ Trợ giáo là các chức quan giảng dạy. Từ năm 1721 đời Vua Lê Dụ Tông, Tế tửu và Tư nghiệp cũng tham gia giảng dạy.

Sách học trong trường cơ bản là Tứ thư và Ngũ kinh, những sách kinh điển của nho gia. Nội dung học tập ở Quốc Tử Giám chủ yếu dựa theo yêu cầu tuyển chọn của các kỳ thi Hội[1]. Giám sinh tập trung vào việc luyện tập lối văn chương theo những hình thức, quy cách cố định, chuyên dùng cho việc thi cử. Ngoài ra, Giám sinh cũng được học thêm các thể loại văn khác như: Câu đối, văn tế... dùng trong đời sống hàng ngày để biểu lộ cảm nghĩ, mừng vui hay phúng viếng.

Quốc Tử Giám còn có nhiệm vụ bảo cử các Giám sinh với triều đình để bổ dụng làm quan. Hàng năm, 4 tháng trọng, quan Quốc Tử Giám khảo hạch Giám sinh, nếu trúng thì đề cử để bộ Lại tuyển dụng khi cần.

Quốc Tử Giám còn thực hiện những việc liên quan đến việc khảo đính, biên soạn sách vở, đặc biệt là in ấn các sách kinh điển Nho giáo để cung cấp cho các nho sinh cả trong và ngoài Giám. Năm 1734, triều đình ra lệnh cấm mua sách của Trung Quốc. Điều này cho chúng ta thấy việc in ấn sách ở Quốc Tử Giám đã có thể đủ cung cấp cho người dùng, không phải nhập sách từ Trung Quốc.

Năm 1802, Nhà Nguyễn định đô ở Phú Xuân. Quốc Tử Giám Thăng Long trở Học đường phủ Hoài Đức (một phần Hà Nội ngày nay), bị thu hẹp lại dần. Năm 1827 Vua Minh Mạng đã chuyển một phần Quốc Tử Giám và toàn bộ ván in sách về Quốc Tử Giám mới lập ở kinh đô Huế. Khoảng năm 1833, Quốc Tử Giám được sửa chữa thành đền Khải Thánh, thờ Khổng Thúc Lương Ngột, cha của Khổng Tử. Cuối năm 1946, đầu năm 1947 Đền Khải Thánh đã bị chiến tranh phá huỷ hoàn toàn.

[1] Xem : Lịch sử thi cử Việt Nam.

Khu Thái Học được xây dựng năm 2000 theo kiến trúc truyền thống với diện tích 1530m2 trên diện tích còn lại của Quốc Tử Giám xưa (6150m2) gồm có nhà Tiền đường, Hậu đường, Tả vu, Hữu vu, nhà chuông, nhà trống. Quy mô kiến trúc khu Thái Học rất bề thế, trang nghiêm và hài hoà với kiến trúc cảnh quan của khu Văn Miếu phía trước.

Trước khi khởi công xây dựng khu Thái Học, để nghiên cứu, tìm hiểu kỹ hơn về Văn Miếu - Quốc Tử Giám và Kinh đô Thăng Long xưa, Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã kết hợp với Viện Khảo cổ học tiến hành đào thăm dò khảo cổ. Những hiện vật tìm được đã chứng minh sự phong phú của một công trình kiến trúc thời Lý - Trần ở Thăng Long, được tu bổ, xây dựng vào thời Lê - Mạc, Nguyễn sau này.

Nhà Tiền đường ở phía trước là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, khoa học như hội thảo khoa học, tuyên dương những gương hiếu học, học sinh xuất sắc… biểu diễn nghệ thuật dân tộc. Hành lang nối Tiền đường và Hậu đường có 2 cửa sang nhà chuông, nhà trống.

Hậu đường là tòa hai tầng. Tầng 1 là nơi trưng bày khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Văn Miếu - Quốc Tử Giám cũng như những giá trị của truyền thống tôn sư trọng đạo, hiếu học, đề cao nhân tài. Đây cũng là nơi tôn vinh Tư nghiệp Quốc Tử Giám Chu Văn An .

Chu Văn An sinh năm 1292 tại xã Thịnh Liệt, huyện Thành Đàm, nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội. Tương truyền, Chu Văn An đỗ Thái học sinh đời Trần nhưng không ra làm quan, mở trường dạy học ở quê nhà. Thầy đã đào tạo được nhiều nhân tài cho đất nước, trong đó tiêu biểu như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát, đã từng được giữ chức Nhập nội hành khiển thời Trần (như Tể tướng). Học trò của thầy đều luôn kính trọng thầy, bởi thầy là người thanh liêm cương trực, đạo cao đức trọng. Học trò dù ở địa vị Tể tướng hay Thượng thư, khi đến thăm thày vẫn kính cẩn giữ lễ học trò, những ai được thầy cho vào hỏi thăm thì thường quỳ ở dưới để nghe thầy chỉ bảo. Học trò nào ra làm quan mà không giữ mình trong sạch, thường bị thầy đuổi ra không tiếp.

Vua Trần Minh Tông (1314 - 1329) mời thày ra kinh đô để dạy học cho Hoàng Thái tử Trần Vượng (sau trở thành vua Trần Hiến Tông) và cử giữ chức Tư nghiệp Quốc Tử Giám, trông nom việc rèn tập sĩ tử tại Quốc Tử Giám và tế lễ tại Văn Miếu. Chu Văn An viết sách *Tứ thư thuyết ước* để dạy cho học trò.

Tình hình chính trị đời Trần Dụ Tông (1341 - 1369) rối ren, quyền thần lộng hành. Dù chỉ là một vị học quan ở Quốc Tử Giám, nhưng Chu Văn An rất lo lắng cho đất nước, nên đã dâng sớ xin chém 7 tên nịnh thần. Rất tiếc, Vua không trả lời, thầy treo mũ từ quan và ở ẩn ở núi Kiệt đặc, Chí Linh, Hải Dương. Năm 1370, Chu Văn An qua đời, thọ 79 tuổi. Vua Trần Nghệ Tông vô cùng thương tiếc, ban tên thuỵ là Văn Trinh công và cho được phối thờ ở Văn Miếu. Chu Văn An là nhà Nho Việt Nam đầu tiên của được thờ ở Văn Miếu. Các nhà Nho của Việt Nam đều tôn vinh là bậc tôn sư nước Việt. Chu Văn An không chỉ là thầy học của Thái tử mà còn là nhà giáo dục rất tiêu biểu, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục của dân tộc, được tôn thờ ở nhiều nơi trong cả nước. Cũng chính vì vậy, năm 2003, Nhà nước đã quyết định đúc tượng bằng đồng và tôn vinh thày tại đây.

Tầng 2 nhà Hậu đường là nơi tôn vinh 3 vị vua đã trực tiếp sáng lập Văn Miếu, Quốc Tử Giám và nền giáo dục nước nhà. Đó là: Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Lê Thánh Tông.

Lý Thánh Tông huý là Nhật Tôn, sinh năm 1023, là con trưởng của vua Lý Thái Tông, nên ngôi năm 1054. Lý Thánh Tông là vị vua có tinh thần tự lập, tự cường, là người đặt quốc hiệu Đại Việt với mong ước xây dựng một nước Việt hùng mạnh.

Năm 1070, nhận rõ vai trò quan trọng của Nho giáo đối với việc củng cố và xây dựng một quốc gia độc lập tự chủ, Lý Thánh Tông đã cho xây dựng Văn Miếu. Sự kiện này được Nhà sử học Ngô Sĩ Liên trịnh trọng ghi trong *Đại Việt sử ký toàn thư*: "Năm Canh Tuất niên hiệu Thần Vũ thứ 2 (1070), mùa thu tháng 8 dựng Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu công và Tứ phối, vẽ tượng Thất thập nhị hiền, bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử đến học ở đây". Qua sự kiện này, chúng ta có thể thấy, Văn Miếu được xây dựng còn có chức năng của một trường học,

đào tạo nhân tài cho đất nước. Người học trò đầu tiên đến Văn Miếu học là Hoàng thái tử Lý Càn Đức. Lý Thánh Tông mất năm 1072.

Lý Nhân Tông huý là Càn Đức, là con trưởng của vua Lý Thánh Tông, và Linh Nhân Hoàng thái hậu (tức Nguyên phi Ỷ Lan), sinh năm 1066, lên ngôi năm 1072, mất năm 1128. Lý Nhân Tông là vị vua sáng suốt, hiếu nhân. Sau khi lên ngôi được 3 năm, năm 1075, Lý Nhân Tông cho tổ chức khoa thi đầu tiên trong lịch sử khoa cử Việt Nam, đó là khoa Minh kinh bác học và Nho học tam trường để kén chọn nhân tài. Một năm sau đó, năm 1076, Vua Lý Nhân Tông cho lập Quốc Tử Giám, "chọn quan viên văn chức, người nào biết chữ cho vào Quốc Tử Giám".

Việc dựng Văn Miếu thờ Khổng Tử và cho Hoàng Thái tử đến học năm 1070, mở khoa thi đầu tiên năm 1075 và lập Quốc Tử Giám năm 1076, là những sự kiện quan trọng, đặt cơ sở cho sự ra đời của nền giáo dục, thi cử nói chung và nền giáo dục đại học nói riêng của Việt Nam.

Lê Thánh Tông huý Hạo, tự là Tư Thành, sinh năm 1442 lên ngôi năm 1460, khi mới 18 tuổi, ở ngôi 38 năm với 2 lần đặt niên hiệu là Quang Thuận và Hồng Đức. Lê Thánh Tông là vị vua anh minh quyết đoán, văn võ kiêm toàn, anh hùng tài lược. Lê Thánh Tông đặc biệt chú ý đến phát triển văn hóa và giáo dục của đất nước. Dưới thời Lê Thánh Tông, nhiều công trình lớn được soạn thảo như *Luật Hồng Đức*, *Hồng đức bản đồ, Đại việt sử ký toàn thư*… Giáo dục và thi cử thời Lê Thánh Tông được xem là thịnh đạt, quy định rõ ràng nhất trong lịch sử giáo dục và khoa cử thời phong kiến. Qua 12 khoa thi thời Lê Thánh Tông đã lựa chọn được 502 vị Tiến sĩ. Đặc biệt, năm 1483, Lê Thánh Tông đã cho tu sửa lại Văn Miếu, mở rộng Quốc Tử Giám. Năm 1484, Lê Thánh Tông cho dựng những tấm bia tiến sĩ đầu tiên tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám, nhằm mục đích biểu dương những người hiền tài, qua đó khuyến khích dân chúng học tập. Lê Thánh Tông vượt khỏi tầm nhà chính trị, nhà vua, trở thành một nhà văn hoá lớn.

Tượng Danh sư Chu Văn An nặng khoảng 3 tấn (kể cả ngai), tượng của 3 vị vua, mỗi tượng nặng khoảng 1 tấn. Cả 4 bức tượng đều

được đúc bằng đồng, do các nghệ nhân làng Ngũ Xã, làng đúc đồng nổi tiếng của Thăng Long xưa đúc và khánh thành vào ngày 19/5/2003, nhân dịp kỷ niệm lần 113 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tác giả là hai hoạ sĩ điêu khắc Nguyễn Minh Vũ và Nguyễn Văn Dong.

Nhà trống bảo vệ "Trống hội Thăng Long", trống to nhất Việt nam và Đông Nam Á. Trống đo các nghệ nhân dòng họ Phạm Trí của làng trống Đọi Tam, Duy Tiên, Hà Nam làm ngay tại Văn Miếu năm 1999; lần đầu tiên trống được đánh lên vào đêm ngày 31/12/1999, trong lễ đón chào năm 2000. Trống được làm cho Đại lễ hội kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội vào năm 2010, vì vậy mà đường kính mặt trống dài 2010mm (2,01m). Trống còn được gọi là trống sấm, vì tiếng đánh lên vang như tiếng sấm. Phía bên kia, trong nhà chuông treo quả chuông đúc năm 2000. Đường kính miệng chuông rộng 990 mm: năm 2000, kỷ niệm 990 năm Thăng Long-Hà Nội. Chuông và trống là 2 nhạc cụ quan trọng dùng trong các buổi lễ. Bắt đầu buổi lễ bao giờ cũng là hồi chuông, trống…

Nhà Tả vu, Hữu vu ở hai bên sân Thái học hiện nay được dùng làm văn phòng và thư viện.

Xưa, Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long là cửa Khổng, sân Trình, thánh đường của Nho học, là trường đại học đầu tiên, nơi đào tạo hàng ngàn bậc hiền tài cho đất nước. Nay, di tích Văn Miếu - Khu Thái học là nơi tôn vinh những truyền thống văn hóa và giáo dục của dân tộc, những nhân tài của đất nước đã có nhiều đóng góp cho việc phát triển Văn Miếu và Quốc Tử Giám cũng như nền giáo dục, đào tạo nhân tài cho đất nước, đồng thời nối tiếp và phát huy truyền thống đó phục vụ công cuộc xây dựng thủ đô Hà Nội và nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Ngoài Văn Miếu – Quốc Tử Giám Thăng Long - Hà Nội, và sau này là Văn Thánh Miếu Huế - Văn Miếu cấp trung ương, ở Việt Nam còn có Văn Miếu cấp tỉnh. Hiện nay, vẫn còn di tích Văn Miếu ở các tỉnh như Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Nam, Hội An, Khánh Hoà, Phú Yên, Biên Hoà, Bình Thuận, Vĩnh Long,... dĩ nhiên, kiến trúc

Văn Miếu cấp tỉnh nhỏ hơn và không đầy đủ như Văn Miếu – Quốc Tử Giám Thăng Long.

Một điều cần nói thêm là, Văn Miếu được xây dựng để thờ Khổng Tử. Khổng Tử được Vua Đường ban tặng cho tước Văn Tuyên Vương - ông vua tuyên dương về Văn. Văn Miếu là tên gọi tắt của Văn Tuyên Vương miếu hay Khổng miếu. Tuy nhiên, Văn Miếu đối với người Việt Nam hiện nay mang ý nghĩa khác, đó là Miếu thờ Văn. Văn ở đây là đối với võ, là trí tuệ, là giáo dục, là những gì giá trị, tốt đẹp, đúng nghĩa của chữ văn. Văn Miếu hiện nay đối với người Việt Nam là biểu tượng cho những gì tốt đẹp, là nơi kết tinh những truyền thống văn hóa và giáo dục của Việt Nam và nó không bao giờ chỉ mang ý nghĩa Miếu văn chương hẹn hẹp.

Di tích lịch sử văn hóa Văn Miếu – Quốc Tử Giám hiện nay do Trung tâm hoạt động Văn hóa khoa học Văn Miếu – Quốc Tử Giám, thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Nội quản lý. Với chức năng bảo tồn, tôn tạo và khai thác khu di tích phục vụ cho việc phát huy truyền thống văn hóa, giáo dục xưa trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện đại hiện nay, hàng ngày, Trung tâm phục vụ hàng ngàn khách du lịch, các học giả, nhà nghiên cứu, học sinh trong và ngoài nước. Di tích mở cửa hàng ngày, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu chính đáng của khách.

KHOA CỬ VIỆT NAM (1075 - 1919)

Lịch sử khoa cử Việt Nam bắt đầu bằng khoa thi Tam trường để kén Minh kinh bác học vào năm 1075 dưới triều Vua Lý Nhân Tông.

Năm 1232, Triều Trần mở khoa thi Thái học sinh chọn: Đệ nhất giáp, Đệ nhị giáp và Đệ tam giáp; năm 1247 đặt tam khôi cho 3 người đỗ đệ nhất giáp là Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa; năm 1347 mở khoa thi Đình ở Hoàng cung lấy đỗ tiến sĩ; năm 1396 đặt lệ thi Hương ở các địa phương lấy đỗ cử nhân và qui định 7 năm một kỳ thi, năm trước thi Hương, năm sau thi Hội ở Kinh đô. Thi Hội bắt đầu có từ đấy.

Triều Hồ theo phép thi của triều Trần và qui định 3 năm mở một khoa thi.

Triều Lê Sơ, khoa cử thịnh đạt và phát triển tới đỉnh cao trong lịch sử khoa cử Việt Nam. Năm 1434 Vua Lê Thái Tông xuống chiếu định lệ thi Hương, thi Hội và qui định 3 năm mở một khoa thi. Để được

tham dự thi Hương, nho sinh còn phải trải qua kỳ thi Khảo hạch là kỳ thi tổ chức tại địa phương nơi học trò sinh sống để loại bớt những người chưa thực sự đủ năng lực, đức hạnh.

- Thi Hương: bao gồm 4 kỳ, đỗ kỳ trước mới được vào kỳ sau:

Kỳ 1: Thi Kinh nghĩa; Kỳ 2: Thi Chế, Chiếu, Biểu ; Kỳ 3: Thi Thơ, Phú; Kỳ 4: Thi Văn sách.

Trường thi Hương thường được tổ chức ở một bãi đất trống rất rộng như bãi ven sông hoặc những cánh đồng đã thu hoạch. Xung quanh trường thi được rào kín, ở chính giữa dựng một số nhà tranh dùng làm nơi chấm thi.

Đỗ thi Hương được gọi là Hương cống.

- Thi Hội: thể thức và nội dung như thi Hương, nhưng ở mức độ cao hơn. Đỗ cả 4 kỳ đã được coi là đỗ tiến sĩ, được tham dự thi Đình. Trường thi Hội cũng giống như trường thi Hương.

- Thi Đình: tổ chức tại sân cung điện của Vua. Thí sinh làm một bài văn sách do vua ra đề hỏi về đạo trị nước, sử dụng hiền tài... Thi Đình để phân hạng đỗ cao thấp. Trong một khoa thi, thường nhà vua phân theo 3 hạng:

Hạng thứ nhất: Đệ nhất giáp tiến sỹ cập đệ. Hạng này tối đa chỉ 3 người: Đệ nhất danh (Trạng nguyên), Đệ nhị danh (Bảng Nhãn), Đệ tam danh (Thám hoa).

Hạng thứ hai: Đệ nhị giáp tiến sỹ xuất thân (Hoàng giáp)

Hạng thứ ba: Đệ tam giáp đồng tiến sỹ xuất thân (Tiến sỹ)

Tuy nhiên, có khoa thi chỉ có 3 người đỗ (khoa thi năm 1592), có khoa thi đến 62 người đỗ (khoa thi năm 1478), nên không phải mọi khoa thi đều có đủ các hạng, các danh hiệu, không phải cứ đỗ đầu (Đình Nguyên) thì được phong Trạng nguyên. Trong lịch sử khoa cử Việt Nam chỉ có 46 người được phong danh hiệu trạng nguyên.

Các khoa thi được tổ chức cho tất cả nho sinh trong cả nước, không phân biệt nơi học, tuổi, địa vị xã hội, số lần đã thi. Vì thế, có khoa thi Hội có đến 6.000 Hương cống ứng thí, có nhiều người đang làm quan cũng ứng thí, có người đỗ khi còn rất trẻ, có người đến 68 tuổi mới đỗ (Quách Đồng Dần đỗ tiến sĩ khoa thi năm 1634). Tuy nhiên, con

nhà "xướng ca", con nhà tội đồ của triều đình, con nhà bị coi là điêu ngoa, loạn luân và gian dối, người đang để tang cha, mẹ không được thi.

Triều Mạc và Lê Trung Hưng và triều Nguyễn sau này đều theo phép thi cử của triều Lê Sơ. Riêng triều Nguyễn không lấy đỗ Trạng nguyên, nhưng lấy thêm hạng phó bảng dưới tiến sĩ. Khoa thi Nho học cuối cùng được tổ chức vào năm 1919.

PHẦN II

KHỔNG TỬ DANH NGÔN

CHƯƠNG I

TIỂU SỬ KHỔNG TỬ

Khổng Tử tên là Khâu, tự là Trọng Ni, sinh năm 551, mất năm 479 trước công nguyên. Cha của Khổng Tử là Khổng Thúc Lương Ngột, một người lính trong quân đội nước Lỗ, do lập chiến công được phong chức. Mẹ của Khổng Tử là Nhan Trưng Tại, con gái thứ 3 một đại phu nước Lỗ, lấy Khổng Thúc Lương Ngột khi ông đã 70 tuổi.

Khổng Tử là nhà tư tưởng, nhà triết học và là nhà giáo dục tiểu biểu của Trung Quốc cổ đại. Ông là người đã biên soạn và san định *Kinh Thi, Thư, Lễ, nhạc, Dịch* và *Kinh Xuân Thu*. Những trước tác của ông đã trở thành Kinh điển của Nho giáo, được truyền bá và lưu truyền cho đến ngày nay. Nội dung chủ yếu tư tưởng của ông là về *Nhân* được thể hiện qua những lời nói, câu trả lời của ông..., được các học trò ghi lại chủ yếu trong Luận ngữ thuộc Tứ thư.

Khổng Tử sinh ra và lớn lên trong cảnh nghèo, trong gia đình quý tộc sa sút, vào lúc xã hội rối ren, loạn lạc thời kỳ Xuân thu. Cho đến khi mất, ông và tư tưởng của ông vẫn chưa có nhiều ảnh hưởng đến nền văn minh của Trung Quốc. Tuy nhiên, sau khi ông mất tư tưởng của ông

đã có ảnh hưởng to lớn đến hệ tư tưởng của nhân dân Trung Quốc cũng như nhân dân các nước láng giềng trong suốt hơn 2000 năm lịch sử.

Là nhà giáo dục, ông là người học không biết mỏi, dạy không biết chán. Ông được coi là người đầu tiên mở trường học tư trong lịch sử của Trung Quốc. Tương truyền, ông có đến 3000 học trò, trong đó có 72 hiền triết. Tư tưởng triết học và phương pháp sư phạm của ông vẫn tỏa sáng cho đến ngày nay và có ảnh không chỉ ở Trung Quốc, mà rộng khắp thế giới. Khổng Tử luôn xứng đáng với danh hiệu "Người thầy tiểu biểu của muôn đời" do vua Khang Hi ban tặng.

BIÊN NIÊN SỬ CUỘC ĐỜI KHỔNG TỬ

Tuổi	Sự kiện
1 tuổi	Năm 551 trước công lịch (TCN)- Chu Linh Vương, năm thứ 21. Khổng Tử sinh ngày 28 tháng 9 ở ấp Trâu, hương Xương Bình ngoại ô huyện Khúc Phụ, nay gần núi Ni Sơn, đông nam Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.
2 tuổi	Năm 550 TCN - Chu Linh Vương năm thứ 22. Khổng Tử sống ở nước Lỗ cùng cha mẹ.
3 tuổi	Năm 549 TCN - Chu Linh Vương năm thứ 23. Khổng Thúc Lương Ngột, cha của Khổng Tử mất được an táng tại núi Phòng Sơn, phía Đông nước Lỗ. Mẹ Khổng Tử đem ông đến sống ở Khúc Phụ là kinh đô của nước Lỗ lúc bấy giờ.
4 tuổi	Năm 548 TCN - Chu Linh Vương năm thứ 24. Khổng Tử sống ở Khúc Phụ, nước Lỗ.
5 tuổi	Năm 547 TCN - Chu Linh Vương năm thứ 25. Khổng Tử sống ở Khúc Phụ, nước Lỗ.
6 tuổi	Năm 546 TCN - Chu Linh Vương năm thứ 26. Khổng Tử sống ở Khúc Phụ, nước Lỗ. Khổng Tử bắt đầu

	học lễ do mẹ ông dạy. Ông thường bày đồ lễ lên bàn để tập lễ.
7 tuổi	Năm 545 TCN - Chu Linh Vương năm thứ 27. Khổng Tử sống ở Khúc Phụ, nước Lỗ. Chu Linh vương chết, con lên thay, trở thành vua Chu Cảnh Vương.
8 tuổi	Năm 544 TCN – Chu Cảnh Vương năm thứ 1. Khổng Tử sống ở Khúc Phụ, nước Lỗ.
9 tuổi	Năm 543 TCN - Chu Cảnh Vương năm thứ 2. Khổng Tử ở Khúc Phụ, nước Lỗ.
10 tuổi	Năm 542 TCN - Chu Cảnh Vương năm thứ 3. Khổng Tử ở nước Lỗ. Lỗ Tương công chết, Lỗ Chiêu công lên ngôi.
11 tuổi	Năm 541 TCN - Chu Cảnh Vương năm thứ 4. Khổng Tử ở Khúc Phụ, nước Lỗ.
12 tuổi	Năm 540 TCN - Chu Cảnh Vương năm thứ 5. Khổng Tử sống ở Khúc Phụ, nước Lỗ.
13 tuổi	Năm 539 TCN - Chu Cảnh Vương năm thứ 6. Khổng Tử ở nước Lỗ.
14 tuổi	Năm 538 TCN - Chu Cảnh Vương năm thứ 7. Khổng Tử ở nước Lỗ.
15 tuổi	Năm 537 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 8. Khổng Tử sống ở Khúc Phụ, nước Lỗ. Ông quyết chí học hành.
16 tuổi	Năm 536 TCN - Chu Cảnh vươngnăm thứ 9. Khổng Tử sống ở Khúc Phụ, nước Lỗ, rất gắng sức học hành.
17 tuổi	Năm 535 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 10. Khổng Tử ở nước Lỗ.
18	Năm 534 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 11.

tuổi	Khổng Tử ở nước Lỗ.
19 tuổi	Năm 533 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 12. Khổng Tử lấy vợ là Khiên Quan Thị, người nước Tống.
20 tuổi	Năm 532 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 13. Khổng Tử được Lỗ Chiêu Công tiếp kiến, hỏi về kế sách trị quốc. Sinh con trai, đặt tên là Lý tự là Bá Ngư, nhân việc ông được biếu cá chép.
21 tuổi	Năm 531 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 14. Khổng Tử làm ủy lại, quản lý việc thu thuế, coi kho và súc vật như cừu, bò.
22 tuổi	Năm 530 TCN - Chu Cảnh Vương năm thứ 15. Khổng Tử làm ủy lại ở Khúc Phụ, nước Lỗ.
23 tuổi	Năm 529 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 16. Khổng Tử làm ủy lại ở Khúc Phụ, nước Lỗ.
24 tuổi	Năm 528 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 17. Khổng Tử làm ủy lại ở nước Lỗ. Bà Nhan Trưng Tại, mẹ của Khổng Tử qua đời, thọ 39 tuổi. Khổng Tử táng cùng cha ở núi Phòng Sơn.
25 tuổi	Năm 527 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 18. Khổng Tử sống ở nước Lỗ.
26 tuổi	Năm 526 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 19 Khổng Tử sống ở nước Lỗ.
27 tuổi	Năm 525 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 20. Khổng Tử tham vấn người nước Đàm đến triều bái Lỗ Chiêu Công.
28 tuổi	Năm 524 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 21. Khổng Tử sống ở nước Lỗ.
29	Năm 523 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 22.

tuổi	Khổng Tử sang nước Tấn học đàn của thầy Sư Tương. Sau đó quay về nước Lỗ.
30 tuổi	Năm 522 TCN - Chu Cảnh Vương năm thứ 23. Khổng Tử sống ở Khúc Phụ, nước Lỗ. Ông tự cho mình là "tam thập nhi lập", đã nắm vững cơ sở của học vấn, đức nghiệp. Ông bắt đầu mở trường dạy học và tiếp nhận nhiều học trò như Nhan Lộ, Trọng Do, Mẫn Tổn, Nhiễm Canh (người nước Lỗ)..
31 tuổi	Năm 521 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 24. Khổng Tử dạy học ở nước Lỗ. Nội dung chủ yếu là "thi, thư, lễ, dịch và nhạc". Khổng Tử dùng nhiều phương pháp khác nhau để dạy học, tùy theo đặc điểm, tính cách của từng người.
32 tuổi	Năm 520 TCN - Chu Cảnh vương năm thứ 25. Khổng Tử dạy học ở nước Lỗ.
33 tuổi	Năm 519 TCN - Chu Kinh vương năm thứ 1. Khổng Tử dạy học ở nước Lỗ. Ông nhận ra Lễ trị ngày một suy kiệt, pháp trị ngày một thịnh lên.
34 tuổi	Năm 518 TCN - Chu Kinh vương năm thứ 2. Khổng Tử nhận 2 con trai của Mạnh Hy Tử là Mạnh Tôn Hà Kỵ và Nam Cung Kính Thúc làm đệ tử. Khổng Tử đến kinh đô nhà Chu gặp Lão Tử để thỉnh giáo về Lễ, gặp Trương Hoằng để học nhạc. Sau đó trở lại nước Lỗ.
35 tuổi	Năm 517 TCN - Chu Kinh vương năm thứ 3. Nước Lỗ có loạn, Khổng Tử giúp Lỗ Chiêu Công chạy sang nước Tề.
36 tuổi	Năm 516 TCN - Chu Kinh vương năm thứ 4. Khổng Tử cùng học trò sang nước Tề, vào tiếp kiến Tề Cảnh Công. Tề Cảnh Công rất khâm phục kế sách trị quốc của ông. Khổng Tử đàm đạo về nhạc Thiều với nhạc sư nước Tề.

	Ông cũng luyện chơi nhạc Thiều liền 3 tháng, quên cả mùi thịt " Không ngờ âm nhạc lại có sức mê hoặc đến thế", ông thốt lên.
37 tuổi	Năm 515 TCN - Chu Kinh vương năm thứ 5. Khổng Tử quay về nước Lỗ, tiếp tục dạy học.
38 tuổi	Năm 514 TCN - Chu Kinh vương năm thứ 6. Khổng Tử ở nước Lỗ dạy học. Khổng Tử đưa học trò thăm núi Phòng Sơn, ấp Trâu. Ông nói: "Không học thi biết lấy gì mà nói".
39 tuổi	Năm 513 TCN - Chu Kinh vương năm thứ 7. Khổng Tử dạy học ở nước Lỗ.
40 tuổi	Năm 512 TCN - Chu Kinh vương năm thứ 8. Khổng Tử dạy học ở nước Lỗ. Ông tự cho mình là "Tứ thập nhi chi bất hoặc" (40 tuổi không còn nghi ngờ điều gì nữa).
41 tuổi	Năm 511 TCN - Chu Kinh vương năm thứ 9. Khổng Tử tiếp tục dạy học ở nước Lỗ.
42 tuổi	Năm 510 TCN - Chu Kinh vương năm thứ 10. Lỗ Chiêu Công mất. Em của Lỗ Chiêu công là công tử Tống lên ngôi làm Lỗ Định Công. Khổng Tử dạy học ở nước Lỗ.
43 tuổi	Năm 509 TCN - Chu Kinh Vương năm thứ 11. Khổng Tử khuyên Lỗ Định Công: "Được lòng người thì thịnh, mất lòng người thì suy".
44 tuổi	Năm 508 TCN - Chu Kinh Vương năm thứ 12. Khổng Tử dạy học ở nước Lỗ. Khổng Tử dâng kế sách phục hưng đất nước cho Lỗ Định công, nhưng bị gian thần dèm pha.
45	Năm 507 TCN - Chu Kinh Vương năm thứ 13

tuổi	Khổng Tử dạy học ở nước Lỗ.
46 tuổi	Năm 506 TCN - Chu Kinh Vương năm thứ 14. Khổng Tử dạy học ở nước Lỗ.
47 tuổi	Năm 505 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 15. Dương Hổ, một viên quan từng làm nhục Khổng Tử xưa kia, mang biếu Khổng Tử một con lợn và mời Khổng Tử ra làm quan, nhưng Khổng Tử từ chối. Khổng Tử nhận Nhan Hồi, con trai của Nhan Lộ làm học trò. Khổng Tử ở nhà vừa dạy học vừa bắt tay vào san định và chính lý kinh Thi, thư, lễ, nhạc.
48 tuổi	Năm 504 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 16. Khổng Tử vừa dạy học vừa chỉnh lý và san định kinh điển tại nước Lỗ.
49 tuổi	Năm 503 TCN - Chu Kinh Vương năm thứ 17. Khổng Tử vừa dạy học vừa chỉnh lý và san định kinh điển tại nước Lỗ.
50 tuổi	Năm 502 TCN - Chu Kinh Vương năm thứ 18. Khổng Tử ở nước Lỗ. Ông tự cho mình "Ngũ thập nhi chi thiên mệnh".
51 tuổi	Năm 501 TCN - Chu Kinh Vương năm thứ 19. Lỗ Định công bổ nhiệm Khổng Tử chức ấp tể Trung đô. Chỉ sau vài tháng, Khổng Tử cùng các học trò đã chỉnh đốn lại Trung Đô từ một ấp hỗn loạn, vô đạo thành một ấp phồn thịnh, có kỷ cương rõ ràng. Tài danh của ông bay xa. Cũng trong thời gian này học trò khắp nơi theo ông, như Đoan Mộc Tứ (Tử cống), Mật Bất Tề (Tử Viễn), Vu Mã Thi (Tử Kỳ)...
52 tuổi	Năm 500 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 20. Khổng Tử được thăng chức Tư Không nước Lỗ, trông coi việc xây dựng của đất nước. Sau đó được thăng chức Đại Tư Khấu, trong coi hình luật. Ông vừa làm Đại Tư Khấu vừa dạy

	học, nhiều học trò của ông cũng được giao trọng trách. Lỗ Định công phong Khổng Tử làm Tướng lễ tại Hội thề ở Hiệp Cốc. Nhờ chuẩn bị chu đáo, bằng tài, trí của mình, Khổng Tử đã khiến nước Tề ký minh ước, đồng thời trao trả lại nước Lỗ 3 vùng đất đã chiếm.
53 tuổi	Năm 499 TCN - Chu Kinh Vương năm thứ 21. Khổng Tử làm Đại Tư Khấu nước Lỗ, chế định pháp luật, khiến cho nước Lỗ ngày càng trở lên cường thịnh. Khổng Tử cùng học trò đàm đạo về chí hướng tại núi Thạch Môn. "Ta mong sao những người già cả đều được an vui, bạn bè tin cậy ta, trẻ thơ luôn nhớ ta", ông nói.
54 tuổi	Năm 498 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 22. Khổng Tử làm Đại Tư khấu nước Lỗ. Khổng Tử đề nghị phá thành trì của các đại thần để cho hợp lễ nhà Chu. Bằng tài trí, Khổng Tử đã giúp Lỗ Định công dẹp được phản loạn. Lỗ Định công thường xuyên mời Khổng Tử đàm đạo về lễ, về đạo trị nước. Tuy nhiên, sau đó Lỗ Định công không nghe lời ông, nhận mỹ nữ, quà tặng của nước Tề, đam mê tửu sắc, bỏ bê triều chính. Ông buồn bã, cùng hơn 30 học trò rời nước Lỗ, sang nước Vệ.
55 tuổi	Năm 497 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 23. Khổng Tử ở nước Vệ khoảng 10 tháng. Sau đó sang nước Trần. Trên đường đi, Khổng Tử bị người thành Khuông bao vây do nhận nhầm là Dương Hổ. Sau năm ngày đêm, ông đã thoát khỏi vòng vây và đi về nước Trần. Trên đường ông cùng học trò lại bị người đất Bồ bao vây, định giết. Ông phải hứa không nói về việc nổi loạn ở đất Bồ mới được giải thoát. Cuối cùng ông quyết định quay về nước Vệ.
56 tuổi	Năm 496 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 24. Khổng Tử ở nhà Cừ Bá Ngọc, một đại phu nước Vệ mà ông rất kính trọng và mong muốn phò tá Vệ Linh Công. Ông đã phải đến gặp Nam Tử, vợ của Vệ Linh công, một người đàn

	bà nổi tiếng phóng túng, dâm đãng, với hi vọng được tiến cử. Vệ Linh công làm ông thất vọng.
57 tuổi	Năm 495 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 25. Lỗ Định công mất, Lỗ Ai công lên ngôi. Khổng Tử cùng học trò dời nước Vệ đi về nước Tấn, nhưng sau đó lại quay về nước Vệ.
58 tuổi	Năm 494 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 26. Khổng Tử ở nước Vệ, thấy cha con Vệ Xuất công đánh lẫn nhau, ông quyết định đi về nước Tống.
59 tuổi	Năm 493 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 27. Trên đường sang nước Tống, trong lúc cùng học trò tập lễ, Khổng Tử bị Tư Mã Hoàn Khôi uy hiếp. Ông cùng học trò chạy sang nước Trịnh, nhưng không được Trịnh công tiếp nên ông đi sang nước Trần.
60 tuổi	Năm 492 TCN - Chu Kinh Vương năm thứ 28. Khổng Tử được Trần Dẫn Công tiếp kiến. Bằng tài, trí của mình, ông được Trần Dẫn Công rất yêu quý, luôn triệu kiến. Khổng Tử đã nói: "Lục thập nhi nhĩ thuận"(sau mươi tuổi nghe gì hiểu nấy).
61 tuổi	Năm 491 TCN - Chu Kinh Vương năm thứ 29. Khổng Tử ở nước Trần, cùng học trò bàn luận về đức nhân. Cháu nội Khổng Tử, Khổng Cấp ra đời.
62 tuổi	Năm 490 TCN - Chu Kinh Vương năm thứ 30. Khổng Tử ở nước Trần. Nhiễm Cầu, học trò của Khổng Tử được Lỗ Ai Công mời về Lỗ giúp chính sự.
63 tuổi	Năm 489 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 31. Khổng Tử rời nước Trần sang nước Sở. Trên đường đi, Khổng Tử đã dùng thuyết đức trị để cảm hóa, khiến cho nước Ngô không đánh nước Trần. Sau đó, dù bị vây ở giữa nước Trần và nước Thái tới 7 ngày, không có lương ăn, học trò

	nhiều người đau, ốm, ông vẫn bình tĩnh và giảng dạy cho học trò về thi, thư, lễ, dịch... Sở Chiêu Vương cho người giải vây và mời ông vào nước Sở tiếp kiến hỏi về cách trị quốc. Sở Chiêu công muốn trọng dụng ông, nhưng bị đại thần can ngăn. Khổng Tử buồn chán, cuối cùng quay lại nước Vệ, ở nhà Cừ Bá Ngọc. Tử Lộ và Tử Khương, học trò của Khổng Tử ra làm quan nước Vệ, có nhiều thành tích khiến ông rất vui.
64 tuổi	Năm 488 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 32. Khổng Tử ở nước Vệ, dạy bảo và khích lệ học trò làm chính sự.
65 tuổi	Năm 487 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 33. Khổng Tử ở nước Vệ. Nước Ngô sang đánh nước Lỗ, bị Tử Hữu, học trò của Khổng Tử cầm quân đánh bại. Khổng Tử cử học trò của mình là Tử Cống, gặp Tề Trác Công đòi lại 2 quận mới bị nước Tề chiếm cho Lỗ.
66 tuổi	Năm 486 TCN - Chu Kinh Vương năm thứ 34. Khổng Tử ở nước Vệ. Vợ Khổng Tử, bà Khiên Quan Thị mất ở nước Lỗ.
67 tuổi	Năm 485 TCN - Chu Kinh Vương năm thứ 35. Khổng Tử ở nước Vệ...
68 tuổi	Năm 484 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 36. Mùa xuân nước Tề tấn công nước Lỗ. Nhiễm Cầu và Hữu Nhược, hai học trò của Khổng Tử đang ở nước Lỗ, chỉ huy quân đội đánh tan quân Tề. Tử Cống, học trò của Khổng Tử vâng lệnh đến thuyết phục nước Ngô liên kết đánh nước Tề. Nước Tề thua trận. Hữu Nhược và Nhiễm Cầu ca ngợi Khổng Tử và thuyết phục Lỗ Ai Công mời Khổng Tử về nước. Khổng Tử kết thúc 14 năm chu du các nước, quay về nước Lỗ. Lỗ Ai Công hỏi Khổng Tử về cách trị quốc, về nhân, lễ.. nhưng không trọng dụng Khổng Tử. Khổng Tử ở nước Lỗ, tiếp tục giảng dạy và chỉnh lý Kinh Thi, Thư, hoàn thiện Kinh

	Lễ và Kinh Nhạc, san định Kinh Xuân Thu. Khổng Tử nhận Tăng Sâm, con Tăng Điểm làm đệ tử. Càng ngày càng có nhiều học trò đến theo học.
69 tuổi	Năm 483 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 37. Khổng Tử ở nước Lỗ, dạy học và biên soạn, chỉnh lý sách. Khổng Lý, con Khổng Tử mất.
70 tuổi	Năm 482 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 38. Khổng Tử ở nước Lỗ. Ông đã nói: "Thất thập nhi tùng tâm sở dục, bất du củ", ý nói rằng, ông đã trải nghiệm qua mọi khó khăn gian khổ, giờ đã hiểu được quy luật biến đổi của vạn vật. Lúc này ông rất thích đọc Kinh Dịch.
71 tuổi	Năm 481 TCN- Chu Kinh Vương năm thứ 39. Khổng Tử ở nước Lỗ, chỉnh lý Kinh Xuân Thu. Nhan Hồi, học trò yêu của ông mất khiến ông vô cùng đau khổ.
72 tuổi	Năm 480 TCN - Chu Kính Vương năm thứ 40 Khổng Tử ở nước Lỗ. Ông vô cùng đau khổ khi học trò của ông, Tử Lộ ở nước Vệ bị giết trong đám nổi loạn.
73 Tuổi	Năm 479 TCN - Chu Kính Vương năm thứ 41. Khổng Tử mất vào tháng 4. Trước đó, ông đứng tựa cửa hát rằng: "Núi Thái sơn sắp đổ, cột chống trời sắp đổ, một con người thông minh sắp chết". Rồi ông đi vào nhà, ngồi nhìn ra cửa nói: "Ta sắp chết đây". Ông mất sau 7 ngày nằm liệt giường. Lỗ Ai Công đến viếng rằng: "Trời sao bất công không giữ ông lại, để cho ta cô đơn và đau buồn. Ôi, Khổng Phu Tử, chẳng còn ai khuyên ta nữa". Ông được mai táng cạnh sông Tứ, phía bắc nước Lỗ. Học trò để tang ông 3 năm, riêng Tử Lộ làm nhà cạnh mộ và để tang ông thêm 3 năm. Mộ Khổng Tử hiện nay cách Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông khoảng 2 dặm.

CHƯƠNG II
KHỔNG TỬ DANH NGÔN
CONFUCIUS' SAYINGS

I. VỀ TU THÂN (ON SELF-TRAINING)

1. Tử viết: "**Khắc kỷ, phục lễ vi nhân. Nhất nhật khắc kỷ phục lễ, thiên hạ quy nhân yên: nhân do kỷ nhi do nhân hồ tai?**" . (Luận ngữ. *Nhan Uyên).*

Khổng Tử nói: "Kìm chế ham muốn, quay về với lễ là thực hành điều nhân. Một ngày kìm chế ham muốn, trở về với *lễ, cả thiên hạ sẽ coi*

là thực hiện điều nhân. Vậyđiều nhân ở nơi mình, há ở người khác hay sao?"

"To restrain himself and submit to ritual is good. You have succeeded in doing so for one day, all people would honour you as a good man. Thus, practicing goodness depends upon yourself, not others".

2. Tử viết: **"Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động"**.(Luận ngữ. *Nhan Uyên).*

Khổng Tử nói: "Những điều trái lễ chớ nên để mắt nhìn tới, điều trái lễ chớ nghe, điều trái lễ chớ nói tới, điều trái lễ chớ động tới.

Confucius said: "To look at nothing in defiance of ritual, to hear nothing in defiance of ritual, to speak nothing in defiance of ritual, to undertake nothing in defiance of ritual".

3. Tử viết: **"Đốc tín, hiếu học, thủ tử, thiện đạo. Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư. Thiên hạ hữu đạo tắc hiện, vô đạo tắc ẩn. Bang hữu đạo, bần thả tiện yên, sỉ dã; bang vô đạo, phú thả quý yên, sỉ dã".** (Luận Ngữ. *Thái Bá*)

Khổng Tử nói: "Hết lòng tin vào đạo và hiếu học, đến chết vẫn quyết giữ cho đạo được tốt. Nước nguy không vào, nước loạn không ở. Thiên hạ có đạo thì hiển danh, vô đạo thì ẩn danh. Nếu nước có đạo mà mình vừa nghèo vừa hèn, là đáng hổ thẹn; nếu nước vô đạo mà mình giàu sang, cũng đáng hổ thẹn vậy".

Confucius said: "Be of unwavering good faith, fond of learning, if be attacked, be ready to die for the good way. Do not enter a state that pursues dangerous course, nor stay in one where the people have rebelled. When the way prevails , show yourself; when it does not prevail, then hide. When the way prevails in home country, count it a disgrace to be needy and obscure; when the way does not prevail in home country, then count it disgrace to be rich and hounoured".

4. Tử viết: "**Lý nhân vi mỹ. Trạch bất xử nhân, yên đắc trí?"** (Luận Ngữ.Lý nhân).

Khổng Tử nói: "Sống với nhân là điều tốt đẹp. Chọn nhà ở không quan tâm tới điều nhân, sao gọi là người có trí".

Confucius said: “To live with the goodness is the finest thing possible. One who selects to dwell without regard to this quality - how can he be considered wise?”

5. Tử viết: **“Phú dữ quý, thị nhân chi sở dục dã; bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất xử dã. Bần dữ tiện, thi nhân chi sở ố dã; bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất khử dã. Quân tử khử nhân, ô hồ thành danh? Quân tử vô chung thực chi gian vi nhân. Tháo thứ tất ư thị, điên bái tất ư thị.”**. (Luận Ngữ.Lý nhân).

Khổng Tử nói: “Giàu với sang, ai cũng muốn cả; nhưng nếu không hợp đạo mà được giàu sang, chẳng nên đặt mình vào. Nghèo với hèn, ai cũng chán ghét, nhưng nếu vì đạo mà chịu nghèo hèn, chẳng nên từ chối. Quân tử từ bỏ đạo nhân, ôi, sao mà nên danh? Quân tử không bao giờ bỏ đạo nhân, dù chỉ trong khoảng một bữa ăn. Lúc vội vàng cũng vậy, lúc khốn đốn cũng vậy.

Confucius said: “Wealth and opulence are what everyone desires, but if they can only retained by improper way, he must not accept them. Poverty and meaness are what all detest, but if they are because of the way, he can not release from them. A gentleman ever parts with the goodness, he is not likely to achieve his fame. Never for a moment does a gentleman quit the way of goodness, even when he hurries or is in desperate plight”.

6. Tử viết: **“Nhân viễn hồ tai? Ngã dục nhân, tư nhân chí hĩ.”** (Luận ngữ. *Thuật nhi*).

Khổng Tử nói: “Điều nhân ở xa ta hay sao? Nếu ta muốn điều nhân, điều nhân đó tự đến với ta”.

Confucius said: “Is goodness indeed so far away? If we really want it, we should find it at very side”.

7. Tử viết: **“Cư xử cung, chấp sự kính, dữ nhân trung, tuy chi di địch, bất khả kính dã”**. (Luận Ngữ. *Tử Lộ*).

Khổng Tử nói: “Cư xử phải khiêm cung, làm việc phải kính cẩn, giao thiệp với người phải hết lòng, dẫu tới nước di địch cũng không thể bỏ qua điều đó.”

Confucius said: “Behaviors must be courteous, doing business must be diligent, contact with people must be loyal. These precepts, even amid the barbarians, may not be set aside”.

8. Tử viết**: "Nhân nhi vô tín, bất tri kỳ khả dã"**. (Luận Ngữ. Vi chính).

Khổng Tử nói: "Người mà không thành tín, chẳng thể làm nên chuyện gì".

Confucius said: "A man without faith can be good for nothing"

9. Tử viết**: "Tiên hành kỳ ngôn, nhi hậu tùng chi**". (Luận ngữ. *Vi chính).*

Khổng Tử nói: "Trước hết phải làm được như lời mình nói ra, sau đấy cứ theo đó mà làm".

Confucius said: "Firstly, do and complete all what have been said, then follow this way".

10. Tử viết: **"Chất thắng văn tắc dã, văn thắng chất tắc sử, văn chất bân bân nhiên hậu quân tử".** (Luận ngữ. *Ung dã).*

Khổng Tử nói: "Chất phác hơn văn vẻ thì quê mùa, văn vẻ hơn chất phác thì sáo rỗng. Văn vẻ và chất phác đều nhau mới nên quân tử".

Confucius said: "When simplicity overbalances refinement, crudeness results. When refinement overbalances simplicity, the hollowness results. Only when refinement and simplicity are duly balanced will a great man emerge".

11. Tử viết: **"Chí ư đạo, cứ ư đức, y ư nhân, du ư nghệ"**. (Luận ngữ. *Thuật nhi*).

Khổng Tử nói: "Nên để tâm chí vào học đạo, nắm vững đức hạnh, noi theo điều nhân, vui thích với nghề nghiệp".

Confucius said: "Set your heart upon the way, support yourself by virtue, lean on goodness, seek distraction in the arts".

12. Tử viết**: "Phạn sơ tự, ẩm thuỷ, khúc quăng nhi chẩm chi, lạc diệc tài kỳ trung hĩ. Bất nghĩa nhi phú thả quý ư ngã như phù vân"**. Thuật nhi.

Khổng Tử nói: "Ăn cơm đạm bạc, uống nước lã, co cánh tay mà gối đầu, cách sống đó cũng có niềm vui nội tại. Còn như bất nghĩa mà nên giàu có với sang trọng, ta coi cũng như đám mây trôi".

Confucius said: "To eat coarse food, drink fresh water, use blendea arm as pillow, the happiness still exists in that life. Wealth and

opulence unrighteously obtained seem to me as insubstantial as floating clouds".

13. Tử viết**: "Xa tắc bất tốn, kiệm tắc cố. Dữ kỳ bất tốn dã, ninh cố"**. Thuật nhi.

Khổng Tử nói: "Xa xỉ thì không khiêm tốn, kiệm ước thì bỉ lậu. So với không khiêm tốn, chẳng thà mang tiếng bỉ lậu".

Confucius said: "The luxury makes one arrogant, frugality makes one humble. I'd rather to be humble than to be arrogant".

14. Tử viết: **"Nhân vô viễn lự tất hữu cận ưu"**. Vệ Linh Công.

Khổng Tử nói: "Người không lo xa ắt có mối buồn gần".

Confucius said: "Those whose care extends not far ahead will find the trouble at hand".

15. **Tử viết: "Quân tử hữu tam giới: Thiếu chi thời, huyết khi vị định, giới chi tại sắc; cập kỳ tráng dã, huyết khi phương cương, giới chi tại đấu; cập kỳ lão dã, huyết khí kí suy, giới chi tại đắc".** Quý Thị.

Khổng Tử nói: "Quân tử có ba điều phải tránh: lúc còn trẻ, huyết khí chưa ổn định, cần tránh ham nữ sắc; khi tráng niên, huyết khí đang mạnh, cần tránh ham tranh đấu; lúc về già, huyết khí đã suy, cần tránh ham được hơn người".

Confucius said: "There are three things against which a great man should be on his guard: in youth, when his physical powers has not settled down, he guards against lust; having reached his prime, when his physical powers are strong, he guards against strife; having reached old age, when his powers declines, he is on his guard against avarice".

16. Tử viết: **"Quân tử hữu cửu tư: thị tư minh, thính tư thông, sắc tư ôn, mạo tư cung, ngôn tư trung, sự tư kính, nghi tư vấn, phẫn tư nạn, kiến đắc tư nghĩa**". Quý thị.

Khổng Tử nói: "Người quân tử có chín điều bận tâm: lúc nhìn mong cho được sáng tỏ; lúc nghe mong cho được rõ ràng; giữ sắc mặt, mong được ôn hoà; giữ diện mạo, mong được khiêm tốn, cung kính; nói năng mong giữ được trung thực; làm việc mong giữ được kính cẩn; nghi ngờ điều gì, mong hỏi được; lúc giận dữ, nghĩ tới hoạn nạn; thấy được lợi, nghĩ tới việc nghĩa".

Confucius said: “There are nine things of which Great man must be mindful: to see when he looks; to hear when he listen; to be gentle in his looks; to be respectful in his manners; to be faithful in words; to be careful in service; to inquire when in doubt; to think of consequences when in anger; to think of righteousness when he see an advantage”.

17. Tử viết: “**Kiến thiện như bất cập, kiến bất thiện như thám thang**”. Quý thị.

Khổng Tử nói: “Thấy điều thiện như sợ rằng chẳng làm được, thấy điều bất thiện (nên tránh xa) như mó phải nước sôI”.

Confucius said: “When seeing what is good, pursue it as though you could never quite reach it; when seeing what is not good, elude it as though you dared not put your finger into boiling water”.

18. Tử viết: **“Đức chi bất tu, học chi bất giảng, văn nghĩa bất năng ti, bất thiện bất năng cải, thị ngô ưu dã”**. Thuật nhi.

Khổng Tử nói: “Đức chẳng tu dưỡng, học chẳng chịu bình giảng, thấy điều nghĩa chẳng làm theo, phạm điều xấu không chịu sửa chữa, đó là những điều ta lo lắng”.

Confucius said: “Not to cultivate moral characters, not to discuss on all that have learned, not to do what is thought right thing, not to rectify the fault – these are my worries”.

19. Tử viết: **“Quân tử bất trọng tắc bất uy, học tắc bất cố. Chủ trung tín, Vô hữu bất như kỷ giả. Quá, tắc vật đạn cải**”. Học nhi.

Khổng Tử nói: “Người quân tử không tự trọng thì chẳng uy nghiêm, việc học ắt không kiên cố. Hãy giữ lòng trung tín làm chủ yếu. Không đánh bạn với những kẻ chẳng như mình. Có lỗi, chớ ngại sửa lỗi”.

Confucius said: “if a gentleman does not respect himself, no one else will respect him, his study could not be firm. Keep the faith in all. Do not associate with those who are not same as you. If you have done wrong, be not ashamed to rectify it”.

20. Tử viết: **“Đa văn, khuyết nghi, thận ngôn kỳ dư, tắc quả vưu. Đa kiến, khuyết đãi, thận hành kỳ dư, tắc quả hối. Ngôn quả vưu, hành quả hối, lộc tại kỳ trung hĩ”.** Vi chính.

Khổng Tử nói: “Lắng nghe nhiều, bỏ qua điều nghi ngờ, thận trọng trong lời nói, ắt ít lỗi. Nhìn thật nhiều, để khuyết điều nguy hại,

thận trọng trong việc làm, ắt ít hối tiếc. Nói mà ít lỗi, làm mà ít hối tiếc, phúc lộc ở ngay trong đó".

Confucius said: "Hear much, and put aside doubtful points and be cautious in speaking, then you will seldom make error. See much and put aside all what seem perious points, be cautious in the rest deeds, then you will seldom have repentance. He who seldom errors in speech and repents his actions will surely be rewarded with happiness and emolument".

21. Tử viết: **"Cổ giả ngôn chi bất xuất, sĩ cung chi bất đãi dã"**. Lý nhân.

Khổng Tử nói: "Người xưa nói năng chẳng dám khinh xuất, vì thẹn rằng mình chẳng theo kịp lời nói".

Confucius said: "The ancients hesitated to give their thoughts utterance, for fear that they might be in disgrace if they failed to keep pace with their actions".

22. Tử viết**: "Quân tử dục nột ư ngôn, nhi mẫn ư hạnh"**. Lý nhân.

Khổng Tử nói: "Người quân tử muốn nói năng chậm rãi, làm việc siêng năng".

Confucius said: "The great man is slow in speach and prompt in deed".

23. Tử viết: "**Quá nhi bất cải, thị vị quá dã**". Vệ linh công.

Khổng Tử nói: "Có lỗi mà không sửa mới thật là lỗi".

Confucius said: "The real fault is to have faults and not try to amend them".

24. Tử viết: "**Quân tử sỉ kỳ ngôn nhi quá kỳ hạnh**". Hiến vấn.

Khổng Tử nói: "Người quân tử hổ thẹn khi nói nhiều hơn làm".

Confucius said: "The great man is ashamed that his words outrun his deeds".

25. Tử viết: **"Bất hoạn nhân chi bất kỷ tri, hoạn bất tri nhân dã"**. Học nhi.

Khổng Tử nói: "Chớ lo người chẳng biết tới ta, hãy lo mình không biết tới người".

Confucius said: “I will not be grieved that others do not know me, I will be grieved that I do not know others”.

26. Tử viết: **“Kim chi hiếu giả thị vị năng dưỡng. Chí ư khuyển mã, giai năng hữu dưỡng. Bất kính, hĩ dĩ biệt hồ?”**. Vi chính.

Khổng Tử nói: “Ngày nay, những người cho là mình có hiếu đều nói mình đã nuôi được cha mẹ. Đến như loài chó ngựa còn nuôi được. Không kính trọng, thì lấy gì mà phân biệt?”

Confucius said: “Filial people nowadays are those who merely get enough food for their parents. But, even dogs and horses are well fed for to the same extent. Without showing respect to their parents, what is the difference between their parents and those animals?”

27. Mạnh Ý Tử vấn hiếu, Tử viết: “**Vô vi…Sinh, sự chi dĩ lễ; tử, táng chi dĩ lễ; tế chi dĩ lễ”**. Vi chính.

Mạnh Ý Tử hỏi về đạo hiếu, Khổng Tử nói: “Không trái lời…Lúc cha mẹ còn sống, lấy lễ mà thờ kính; lúc cha mẹ qua đời, lấy lễ mà chôn cất, lấy lễ mà tế tự”.

Meng Yizi asked about filial duty, Confucius said: “Never disobey!... while parents are alive, serve them according to ritual. When they die, bury them according to ritual, and sacrifice to them according to ritual”.

28. Tử Hạ vấn hiếu, Tử viết: **“Sắc nan! Hữu sự, đệ tử phục kỳ lao, hữu tửu tự, tiên sinh soạn, tằng thị dĩ vi hiếu hồ?”**. Vi chính.

Tự Hạ vấn hiếu, Khổng Tử nói: “Giữ sắc mặt luôn tươi tỉnh thật là khó. Khi có việc, con em làm việc khó nhọc, có cơm, rượu mời cha anh trước, những việc bình thường đó có thể gọi là có hiếu được sao?”

Zixia asked about filial duty, Confucius said: “It is difficult to keep a pleasant countenance all the time! When there are troublesome affairs, young people undertake hard work, when young people have wine and food, they serve their father and elder first. Is these common things considered fillial?”.

29. Tử viết: “**Quân tử thực vô cầu bão, cư vô cầu an, mẫn ư sự nhi thận ư ngôn, tựu hữu đạo nhi chính yên, khả vị học dã dĩ”**. Học nhi.

Khổng Tử nói: "Quân tử ăn không cầu no, ở chẳng cầu thoải mái, cần mẫn làm việc, thận trọng lúc nói năng, tìm tới người đạo cao để sửa mình. Như thế có thể gọi là người ham học".

Confucius said: "A gentleman, who does not seek satiety while eating, ease at home and is intent upon his business, cautious in speech, comes to those who is said to be virtuous to rectify himself, could be said to be fond of learning".

30. Tử viết: "**Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã!"**. Vi chính.

Khổng Tử nói: "Hiểu biết thì nói là hiểu biết, không biết thì nói là không biết, đó chính là hiểu biết".

Confucius said: "When you know a thing, say that you know it; when you do not know a thing, admit that you do not know it. That is true knowledge".

31. Tử viết: "**Từ đạt nhi dĩ hĩ"**. Vệ Linh công.

Khổng Tử nói: "Lời nói chỉ cần diễn tả được ý mà thôi".

Confucius said: "It is enough if the words can get the thought across".

32. Tử viết: **"Phi kỳ quỷ nhi tế chi, xiểm dã. Kiến nghĩa bất vi, vô dũng dã**". Vi chính.

Khổng Tử nói: "Không phải tổ tiên của mình mà cúng lễ là nịnh bợ. Thấy việc nghĩa mà không làm là không có dũng khí".

Confucius said: "If you sacrifice to not your ancestors, you are toady. If you see what is right and not to do it you are not brave".

33. Tử viết**: "Cẩu chí ư nhân hĩ, vô ác dã"**. Lý Nhân.

Khổng Tử nói: "Nếu thật lòng để chí vào điều nhân, sẽ không làm điều ác".

Confucius said: "If you set all your heart on goodness, you will not do evil deed".

34. Tử viết: **"Bất hoạn vô vị, hoạn sở dĩ lập. Bất hoạn mạc kỷ tri, cầu vi khả tri dã"**. Lý nhân.

Khổng Tử nói: "Đừng lo không có địa vị, hãy lo sao cho được địa vị đó. Đừng lo không ai biết mình, chỉ mong làm sao để người biết tới mình thôi".

Confucius said: "Do not worry of no position, but think to get on it. Do not worry that no one knows of you, but desire so that everyone knows of you".

35. Tử viết: **"Chủ trung tín, tỉ nghĩa, sùng đức dã"**. Nhan Uyên.

Khổng Tử nói: "Giữ trung tín và làm việc nghĩa làm chủ yếu là đề cao đức vậy".

Confucius said: "To keep the faith and sincerity, do righteous works as the first principles is to exalt the virtue".

36. Tử viết: **"Bần nhi vô oán: nan, phú nhi vô kiêu: dị**". Hiến vấn.

Khổng Tử nói: "Nghèo khó mà không oán giận: khó thay, giàu có mà không kiêu căng: dễ thôi".

Confucius said: "It is hard for the miserable people not to complain, but it is easy for the rich not to be arrogant".

37. Tử viết: **"Kiến lợi tư nghĩa, kiến nguy thụ mệnh, cữu yếu bất vong bình sinh chi ngôn, diệc khả dĩ vi thành nhân hĩ".** Hiến vấn

Khổng Tử nói: "Thấy điều lợi biết nghĩ đến điều nghĩa, thấy điều nguy hiểm mà chẳng tiếc thân, bình sinh đã hứa hẹn điều gì dù lâu ngày cũng không quên, như thế có thể trở thành người có đức nhân rồi".

Confucius said: "If you think of righteous work when see the gain, are ready to devote when see the risk, always keep in mind the promise even given long ago, you could be considered a man with goodness"

38. Tử viết: **"Bất hoạn nhân chi bất kỷ chi, hoạn kỳ bất năng dã"**. Hiến vấn.

Khổng Tử nói: "Chẳng lo người không biết tới ta, chỉ lo ta không đủ tài năng".

Confucius said: "Do not worry that you are not wellknown, but grieve at lack of enough talent".

39. Tử viết**: "Quân tử nghĩa dĩ vi chất, lễ dĩ hành chi, tốn dĩ xuất chi, tín dĩ thành chi"**. Vệ Linh công.

Khổng Tử nói: "Người quân tử lấy đạo nghĩa làm gốc, theo lễ để thi hành, thể hiện sự khiêm tốn, lấy chữ tín để hoàn thành sự vụ".

Confucius said: "A great man consider the righteousness substance, behave according to ritual, show modesty, fullfil the duty with the faith".

40. Tử viết: **"Quân tử bệnh vô năng yên, bất bệnh nhân chi bất kỷ tri dã"**. Vệ Linh công.

Khổng Tử nói: "Người quân tử chỉ lo không đủ tài năng, không lo người khác không biết tới mình".

Confucius said: "A great man worries about lack of enough talent, does not grieve that people do not know of himself".

41. Tử viết: **"Quân tử tật một thế nhi danh bất xưng yên"**. Vệ linh công.

Khổng Tử nói: "Người quân tử chỉ hận khi chết đi mà chẳng để lại danh tiếng gì".

Confucius said: "A great man only regrets to die with no fame left".

42. Tử viết**: "Trí cập chi, nhân bất năng thủ chi, tuy đắc chi tất thất chi. Trí cập chi, nhân năng thủ chi, bất trang dĩ lị chi, tắc dân bất kính. Trí cập chi, nhân năng thủ chi, trang dĩ lị chi, động chi bất dĩ lễ, vị thiện dã"**. Vệ Linh Công.

Khổng Tử nói: "Có trí sáng mà không giữ lòng nhân, thì dù đạt được điều gì rồi cũng để mất. Có trí sáng, giữ được lòng nhân mà không trang nghiêm khi đối xử với mọi người thì dân không kính trọng. Có trí sáng, giữ được lòng nhân, trang nghiêm khi tiếp xúc với mọi người, mà sai khiến dân không hợp lễ, thì cũng chưa gọi là tốt được".

Confucius said: "If even you are wise, but not benevolent, you will lose what you have gained. If even you are wise and benevolent, but you are not decent in contact with people, they will not respect you. Even you are wise, benevolent, decent in contact with people, but make them do unritually, you are still not a good one".

43. Tử viết: **"Ích giả tam nhạo, tổn giả tam nhạo. Nhạo tiết lễ nhạc, nhạo đạo nhân chi thiện, nhạo đa hiền hữu: ích hĩ. Nhạo kiêu lạc nhạo, nhạo dật du, nhạo yến lạc: tổn hĩ".** Quý Thị.

Khổng Tử nói: "Có ba điều ưa thích có ích, ba điều ưa thích có hại. Thích lễ, nhạc đúng nghi thức, thích điều thiện của người có đức, thích có nhiều bạn hiền, đó là ưa thích có ích. Thích vui thú xa hoa, thích phóng đãng, thích yến tiệc xa xỉ: là thú vui có hại".

Confucius said: "There are three helpful likes and three harmful ones. The like of correct music and ritual; like of the goodness of virtuous person, like of having many good friends, they are the helpful ones. Like of luxurious enjoyment, like of dissoluteness, like of luxurious feast, they are the harmful likes.

44. Tử viết: **"Thị ư quân tử hữu tam khiên. Ngôn vị cập chi nhi ngôn, vị chi táo. Ngôn cập chi nhi bất ngôn, vị chi ẩn. Vị kiến nhan sắc nhi ngôn, vị chi cố"**. Quý Thị.

Khổng Tử nói: "Tiếp chuyện người quân tử có ba điều nên tránh: chưa hỏi tới đã nói, là hấp tấp; hỏi tới mà không trả lời, là dấu diếm; chưa nhìn sắc mặt đã nói, là mù quáng".

Confucius said: "There three matters to avoid while having conversation with a great man: speak when he has not asked is hasty; not answer when he asked is hiden, speak without seeing his face sence is blind".

45. Tử viết: **"Quân tử nghĩa dĩ vi thượng. Quân tử hữu dũng nhi vô nghĩa vi loạn, tiểu nhân hữu dũng nhi vô nghĩa vi đạo"**. Dương hóa.

Khổng Tử nói: "Quân tử coi điều nghĩa là cao nhất. Quân tử có dũng khí mà không có nghĩa thì sẽ làm loạn, tiểu nhân có dũng mà không có nghĩa thì đi trộm cắp".

Confucius said: "The great man should esteem the righteousness as the highest importance. A courageous great man without righteousness will be insubordinate, and the courageous petty man will commit robbery".

46. Tử viết: **"Cổ giả ngôn chi bất xuất, sỉ cung chi bất đãi dã"**. Lý nhân.

Khổng Tử nói: "Người xưa nói năng chẳng dám khinh xuất, vì xấu hổ nếu chẳng được như lời".

Confucius said: "The reason why the ancients did not readily give utterance to their words, was that they feared lest their actions should not come up to them"

47. Tử viết**: "Xạ hữu tự hồ quân tử, thất chư chính hộc, phản cầu chư kỳ thân**". Trung Dung.

Khổng Tử nói: "Bắn cung có điều giống như đạo người quân tử: bắn không trúng, quaylại xét bản thân mình".

Confucius said: "Archery has something like the way of the great man. When missing the center of target, the archer seeks for the cause of his failure in himself."

48. Tử viết: **"Hiếu học cận hồ trí, lực hành cận hồ nhân, tri sỉ cận hồ dũng. Tri tư tam giả, tắc tri sở dĩ tu thân, tri sở dĩ tu thân tắc tri sở dĩ trị nhân, tri sở dĩ trị nhân, tắc tri sở dĩ trị thiên hạ quốc gia hĩ".** Trung Dung.

Khổng Tử nói: "Hiếu học gần với nét trí, làm việc hết sức gần với đức nhân, biết hổ thẹn gần với đức dũng. Biết được ba điều đó, sẽ biết làm gì để tu thân. Biết tu thân, ắt biết làm gì để trị người, biết trị người, sẽ biết trị thiên hạ, quốc gia.

Confucius said: "fondness of learning is near to knowledge. To work with all vigor is near to virtue. To know the feeling of shame is to be near to courage. He who knows these three things knows how to cultivate his own character. Knowing how to cultivate his own character, he knows how to govern people. Knowing how to govern people, he knows how to govern the country".

49. Tử viết**: "Kiến hiền, tư tề yên. Kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh dã"**. Lý Nhân.

Khổng Tử nói: "Thấy người hiền, nghĩ cách làm sao cho bằng người ta. Thấy người không hiền, hãy xem xét lại bản thân".

Confucius said: "When you see a righteous man, you should think of equalling him; when you see a unrighteous man, you should turn inwards and examine yourselves".

50. Tử viết: **"Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hĩ".** Lý Nhân.

Khổng Tử nói: "Ba năm không thay đổi đạo lý của cha, có thể coi là có hiếu vậy".

Confucius said: "If the son for three years does not change the way of his father, he may be called filial".

51. Tử viết**: "Vô dục tốc, vô kiến tiểu lợi. Dục tốc tắc bất đạt, kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành".** Tử Lộ.

Khổng Tử nói: "Đừng mong nhanh, đừng trông lợi nhỏ. Muốn nhanh thì việc không đạt được, trông lợi nhỏ thì việc lớn hỏng".

Confucius said: "Do not desire to have things done quickly; do not look at small advantages. Desire to have things done quickly prevents their being done thoroughly, looking at small advantages prevents great affairs from being accomplished"

2. VỀ HỌC TẬP (ON STUDY)

1. Tử viết: **"Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân. Hành hữu dư lực tắc dĩ học văn".** Học nhi.

Khổng Tử nói: "Đệ tử khi ở nhà phải hiếu với cha mẹ, khi ra ngoài phải kính nhường người lớn tuổi, làm việc phải cẩn thận và giữ chữ tín, thương yêu mọi người và thân với người nhân. Làm những việc đó dư sức mới học văn chương".

Confucius said: "A young man's duty is to behave well to his parents at home and to his elders abroad, to speak a few words and be punctual in keeping his promise, to show his fraternity to everyone, and to seek the intimacy of the good. If the young man has done all of that, and has energy to spare, let him study the literary culture".

2. Tử viết: **"Học nhi bất tư tắc võng, tư nhi bất học tắc đãi"**. Vi chính.

Khổng Tử nói: "Học mà không suy nghĩ tất vô ích, suy nghĩ mà không học ắt mệt mỏi"

Confucius said: "Learning without thought, is labour lost, thought without learning is exhausted".

3. Tử viết: **"Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ**?". Học nhi.

Khổng Tử nói: "Học mà thường xuyên luyện tập những điều đã học, chẳng vui thích lắm sao?"

Confucius said: "To learn and practice constantly all what you have learned, is that not pleasant?".

4. Tử viết**: "Thí như vi sơn, vị thành nhất quỹ, chỉ, ngô chỉ dã. Thí như bình địa tuy phúc nhất quỹ, tiến, ngô vãng dã**". Tử hãn.

Khổng Tử nói: "Ví như đắp núi, chưa thành vì thiếu một sọt đất đã dừng lại là tại mình dừng lại thôi. Cũng như san mặt đất, tuy mới đổ xuống một sọt, đã thấy có tiến bộ, mình tiếp tục".

Confucius said: "As in making a mound, I should stop when one basket full of soil would complete it, the problem is that I have stopped. As in levelling land I advance my work by, but one basketful at a time, the fact remains that I am advancing".

5. Tử viết: **"Học như bất cập, do khủng thất chi"**. Thái Bá.

Khổng Tử nói: "Học như chẳng theo kịp đích, còn sợ có điều gì bỏ mất".

Confucius said: "'Learn as though you could never reach the goal, and were always fearing also lest you should lose it".

6. Tử viết**: "Ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sư hĩ".** Vi chính.

Khổng Tử nói: "Ôn điều đã học để biết thêm điều mới, như thế có thể làm thầy người khác".

Confucius said: "Those, who acquire new knowledge while thinking over the old one, may be a teacher of others".

7. Tử viết: **"Nhân nhi bất nhân, như lễ hà? Nhân nhi bất nhân như nhạc hà?".** Bát Dật.

Khổng Tử nói: "Người mà không có lòng nhân, hành lễ làm sao? Người không có lòng nhân, cử nhạc làm sao?"

"How does the man without the humanity do with the ritual? How does the man is without the humanity do with music?"

8. Tử viết**: "… Hiếu nhân bất hiếu học, kỳ tệ dã ngu; hiếu trí bất hiếu học, kỳ tệ dã đãng; hiếu tín bất hiếu học, kỳ tệ dã tặc; hiếu trực bất hiếu học, kỳ tệ dã giảo; hiếu dũng bất hiếu học, kỳ tệ dã loạn; hiếu cương bất hiếu học, kỳ tệ dã cuồng"**. Dương Hóa.

Khổng Tử nói: "Thích điều nhân mà không ham học điều tệ sẽ là ngu tối, chuộng trí tuệ mà không ham học thì điều tệ hại là sẽ phóng đáng; thích tín nghĩa mà không hiếu học thì điều tệ sẽ là bị thiệt hại; thích cương trực mà không hiếu học thì điều tệ sẽ là trở lên cuồng bạo; thích dũng cảm mà không hiếu học thì điều tệ sẽ là thích làm loạn; thích cương mà không hiếu học, thì điều tệ là cuồng ngông ".

Confucius said: "The fond of benevolence without the fondness of learning, could become ignorant. The fond of knowing without the love of learning, could become profligate. The fond of sincerity without the love of learning, could here be harmful. The fond of uprightness without the love of learning, could become rude. The fond of boldness without the love of learning, could become insubordinate. The fond of firmness without the love of learning, could have extravagant conduct".

9. Tử viết**: "Tụng thi tam bách, thụ chi dĩ chính bất đạt, sứ ư tứ phương bất năng chuyên đối, tuy đa diệc hề dĩ vi?"** Tử Lộ.

Khổng Tử nói: "Đọc thuộc ba trăm bài kinh Thi, đến khi trao cho việc chính sự chẳng hoàn thành, sai đi sứ các nước chẳng đủ tài ứng đối, người như thế dẫu có học nhiều mà làm gì?"

Confucius said: "A man is able to recite three hundreds songs of Book of Songs, but when given a post in the government, he is not successful, or when sent on missions to the other states, but is unable to answer any question. Even though he may know many poem, of what use is it to him?"

10. Tử viết**: "Khả dữ cộng học, vị khả dữ thích đạo; khả dữ thích đạo, vị khả dữ lập; khả dữ lập, vị khả dữ quyền"**. Tử hãn.

Khổng Tử nói: "Cùng học đạo, chưa chắc đã ngang nhau về đạo; ngang nhau về đạo, chưa chắc đã ngang nhau về giữ vững đạo; cùng giữ vững đạo, chưa chắc đã ngang nhau về cân nhắc cho hợp hoàn cảnh".

Confucius said: "It may be possible to study with someone without being able to join progress with him. It may be possible to join progress with someone without being able to join in council with him. It may be possible to join in council with someone without being able to exercise power with him".

11. Tử viết**: "Hưng ư thi, lập ư lễ, thành ư nhạc"**. Thái Bá

Khổng Tử nói: "Người ta hưng khởi nhờ Thi, lập chí nhờ Lễ, thành công nhờ nhạc"

Confucius said: "People are inspired by poems, given a firm footing by ritual, and perfected by music".

12. Tử viết: "**Tính tương cận dã, tập tương viễn dã".** Dương hóa.

Khổng Tử nói: "Bản tính con người giống nhau, do thói quen làm người ta khác nhau".

Confucius said: "People are nearly alike by nature, they get to be different because of practice".

13. Tử viết**: "Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên. Trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi".** Thuật nhi.

Khổng Tử nói: "Ba người cùng đi, tất sẽ có người đáng làm thầy ta. Chọn điều tốt của người mà học theo, thấy chỗ không tốt của người mà sửa đổi".

Confucius said: "When three of us are walking together, I am sure to have a teacher. I would select his merits to folow, and his demerits to correct myself".

14. Tử viết: **"Tri chi giả bất như hiếu chi giả, hiếu chi giả bất như lạc chi giả"**. Ung Dã.

Khổng Tử nói: "Hiểu biết đạo chẳng bằng ham thích đạo, ham thích đạo chẳng bằng vui thích với đạo".

Confucius said: "To prefer the Way is better than only to know it. To delight in the Way is better than merely to prefer it".

15. Tử viết: **"Sinh nhi tri chi giả, thượng dã. Học nhi tri chi giả, thứ dã. Khốn nhi học chi, hựu kỳ thứ dã. Khốn nhi bất học, dân tư vi hạ hĩ"**. Quý Thị.

Khổng Tử nói: "Sinh ra đã biết là bậc cao nhất. Học rồi biết là bậc dưới, tối tăm mà chịu khó học là bậc dưới nữa. Tối tăm mà không chịu học là hạng thấp kém nhất".

Confucius said: "Those who are born with the knowledge are the highest class of men. Those who learn, and so, readily, get possession of knowledge, are the lower one. Those who are dull and stupid, and yet

compass the learning, are the lower than the later one. Those who are dull and stupid and yet do not learn, they are the lowest of the people".

16. Tử viết: **"Thập thất chi ấp tất hữu trung tín như Khâu giả yên, bất như Khâu chi hiếu học dã!"** Công Dã tràng.

Khổng Tử nói: "Trong một ấp mươi nhà, tất có người trung tín như Khâu, nhưng chẳng có người hiếu học như Khâu này!"

Confucius said: "In any hamlet of ten householders, there must be someone who is quite as loyal and true as I, but I am sure, there is no one who is as fond of learning as I".

17. Tử viết: **"Hồi dã phi trợ ngã giả dã. Ư ngô ngôn, vô sở bất duyệt".** Tiên tiến.

Khổng Tử nói: "Nhan Hồi chẳng giúp gì cho ta cả. Ta nói gì cũng hài lòng"

Confucius said: "Yan Hui was not any help to me for he always accepted whatever I said.

18. Tử viết**: "Tiểu tử hà mạc học phù Thi? Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán. Nhĩ chi sự phụ, viễn chi sự quân. Đa chí ư điểu, thú, thảo mộc chi danh"**. Dương Hóa.

Khổng Tử nói: "Sao các con không học kinh Thi? Kinh Thi khiến cho ta hứng khởi, giúp ta biết xem xét, dạy ta biết hòa hợp với mọi người, dạy ta biết oán giận đúng lúc. Gần thì biết thờ cha, xa biết thờ vua. Ngoài ra, còn giúp ta biết tên của nhiều loài chim, loài thú, loài cây cỏ."

Confucius said: "Young men, why is that none of you study the Songs? The Songs will help us to spirit up ourselves, to foster observation, to get along with others, and to resent at right moment. They also help us to know the way to serve our father at home, the King outside. Moreover, they will widen your acquaintance with the names of birds, beasts, plants and trees.

19. Tử tại Tề văn Thiều, tam nguyệt bất tri nhục vị, viết: "**Bất đồ vi nhạc chi chí ư tư dã!"**. Thuật Nhi.

Khổng Tử ở nước Tề nghe nhạc Thiều, ba tháng liền không biết mùi thịt, nói: "Chẳng ngờ lại có thứ nhạc tuyệt vời đến thế!"

When Confucius was in Qi, he heard the Shun's music and for three months did not taste the meat. He said: "It was so surprised to me that there is such perfect music".

20. Tử viết: **"Tam niên học, bất chí ư cốc, bất dị đắc dã!"**. Thái Bá.

Khổng Tử nói: "Chẳng dễ tìm được mấy người học tập liền trong ba năm mà không suy nghĩ đến bổng lộc!"

Confucius said: "It would be hard indeed to find one who study for three years without thinking of a post in government".

21. Tử viết: **"Đa văn trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi, đa kiến nhi chí chi, tri chi thứ dã".** Thuật nhi.

Khổng Tử nói: "Lắng nghe nhiều, chọn điều thiện mà theo, quan sát nhiều và ghi nhớ, sự hiểu biết sẽ đến theo".

Confucius said: "Hearing much and selecting what is good to follow; seeing much and keeping it in memory, the knowledge wil come after it".

3. VỀ ĐỐI NHÂN –XỬ THẾ (ON BEHAVIOR – CONDUCT)

1. Tử Cống vấn viết: **"Hữu nhất ngôn khả dĩ chung thân hành chi giả hồ?".**

Tử viết: "**Kỳ thứ hồ? Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân"**. Vệ Linh Công.

Tử Cống hỏi rằng: "Có một câu nào để suốt đời làm theo chăng?"

Khổng Tử nói: "Đó là chữ "thứ" chăng? Điều gì mình không muốn, chớ đem áp dụng với người".

Tsze-kung asked: "Is there one word which may serve as a rule for one to follow all his life?"

Confucius said: "Is not "reciprocity" such a word? What you do not want done to yourself, do not do to others"

2. Khổng Tử viết: **"Lão giả an chi, bằng hữu tín chi, thiếu giả hoài chi".** Công Dã Tràng**.**

Khổng Tử nói: "Ta mong sao những người già cả đều được an vui, bạn bè tin cậy ta, trẻ thơ luôn nhớ ta".

Confucius said: “I want to give the aged people the rest; to show friends the sincerity, to treat children tenderly”

3. Tử viết: **“Phù nhân giả, kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ lục đạt nhi đạt nhân. Năng cẩn thủ thí, khả vị nhân chi phương dã dĩ”.** Ung Dã.

Khổng Tử nói: “Ôi, người nhân là người muốn gây dựng điều gì cho mình cũng gây dựng cho người điều đó, muốn mình thông đạt ra sao cũng khiến người được thông đạt như vậy. Khéo lấy bản thân làm mục tiêu so sánh, khá gọi là phương pháp tốt để thực hiện điều nhân vậy”.

Confucius said: “'Oh, the man of virtue is one, who wishing to be established himself, seeks also to establish others; wishing to be enlightenen himself, he seeks also to enlighten others. To judge of others by what is in himself may be called the way of practising virtue ”

4. Phàn Trì vấn nhân, Tử viết: **“Ái nhân”,** vấn trí, Tử viết: **“Tri nhân”.** Nhan Uyên.

Phàn Trì hỏi về người nhân, Khổng Tử nói: “yêu người”, hỏi về người trí, Khổng Tử nói: “Biết người”.

Fan Ch'ih asked about a man of humanity, Confucius said: “To love others”, about a man of knowledge, Confucius said: “To know others”

35.586. Tử viết: **“Đương nhân, bất nhượng ư sư”**. Vệ Linh Công.

Khổng Tử nói: “Đảm đương việc nhân, chẳng nhường thầy học”.

Confucius said: “the man undertaking benevolent work does not yield it even to his teacher”

5. Tử viết: **“Quân tử hoà nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hoà”.** Tử Lộ.

Khổng Tử nói: “Người quân tử hòa hợp với mọi người mà không a dua, kẻ tiểu nhân a dua mà không hoà hợp”.

Confucius said: “The true great man is conciliatory but not accommodating. Petty man is accommodating but not conciliatory”.

6. Tử viết: **“Quân tử căng nhi bất tranh, quần nhi bất đảng”.** Vệ Linh Công.

Khổng Tử nói: "Người quân tử giữ mình nghiêm ngặt nhưng không tranh giành, hoà đồng với mọi người nhưng không bè đảng".

Confucius said: " The great man is dignified but not quarrelsome; sociable, but not partisan".

7. Tử viết: **"Quân tử vô sở tranh. Tất dã xạ hồ? ấp nhượng nhi thăng, há nhi ẩm. Kỳ tranh dã quân tử".**

Khổng Tử nói: "Người quân tử không có điều gì để tranh giành. Có chăng nữa cũng như cách thi bắn cung: họ vái chào, nhường nhau lên dàn bắn, rồi xuống để uống rượu. Tranh đua như vậy đúng là của người quân tử".

Confucius said: "the great man never compete. You will say that in archery they do so. But even then, they bow and make way one another when they are going up to the archery ground, when they are coming down at the subsequent drinking bout. Thus even when competing, they still remain great men".

8. Tử viết: "**Cư thượng bất khoan, vi lễ bất kính, lâm tang bất ai, ngô hà dĩ quan chi tai?"** Bát dật.

Khổng Tử nói: "Ở địa vị trên chẳng có lòng khoan dung, hành lễ chẳng kính, có tang cha mẹ chẳng có lòng thương xót, những hạng người như thế ta biết lấy gì mà noi theo?"

Confucius said: "High station filled without indulgent generosity, ceremonies performed without reverence, the mourning conducted without grief - these are things I can't bear to see"

9. Tử viết: **"Phú nhi khả cầu dã, tuy chấp tiễn chi sĩ, ngô diệc vi chi; như bất khả cầu, ngô tùng sở hiếu".** Thuật nhi.

Khổng Tử nói: "Nếu có thể trông mong thành giàu có, dẫu làm người cầm roi theo hầu, ta cũng làm. Nếu như không thể trông mong, ta làm theo ý thích".

Confucius said: "If I can seek riches, even if I am to become a groom with whip in hand, I will do to seek it. Since it can not be sought thus, I shall do to my taste".

10. Tử viết: **"Tam quân khả đoạt súy dã, thất phu bất khả đoạt chí dã"**. Tử Hãn.

Khổng Tử nói: "Có thể bắt được tướng giữa chốn ba quân, nhưng không thể đoạt được chí của kẻ tầm thường".

Confucius said: "The commander of "three armies" may be carried off, but the will of a common man can not be taken from him".

11**. Tử vị Nhan Uyên viết, "Dụng chi tắc thành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù!"**

Tử Lộ viết: "Hành tam quân, tắc thùy dữ"?

Tử viết: "Bạo hổ, băng hà, tử nhi vô hối giả, ngô bất dữ dã. Tất dã lâm sự nhi cụ, hảo mưu nhi thành giả dã". Thuật nhi.

Khổng Tử nói với Nhan Uyên: "Dùng tới thì ra hành chính, bỏ thì lui về ẩn dật, có lẽ chỉ có ta với người là được như vậy chăng?"

Tử Lộ hỏi: "Nếu điều khiển quân đội, thầy cộng sự với người như thế nào?"

Khổng Tử nói: "Người mà tay không bắt hổ, chân không vượt sông lớn, chết mà không tiếc thân, ta chẳng dùng. Ắt phải là người gặp việc biết lo sợ, giỏi dùng mưu để thành công."

Confucius said to Yen Yuan: "When called to office, to undertake its duties, when not so called, to hide. I guess only you and me are capable of doing so".
Zi Lu asked: "If you were wanted as the commander in chief, whom would you take to help you?". Confucius said: "The man who will unarmed attack a tiger, cross a river without a boat, dying without any regret – that sort of man I would not take. I should certainly take one who approached difficulties with due caution and prefferred to succeed by strategy".

12. Tử viết: **"Sự phụ mẫu cơ gián. Kiến chi bất tùng, hựu kính, bất vi. Lao nhi bất oán".** Lý nhân.

Khổng Tử nói: "Thờ cha mẹ, khi khuyên can phải nhẹ nhàng. Nếu thấy cha mẹ không theo, vẫn tỏ ra kính trọng, không làm trái ý. Vì cha mẹ như vậy mà khó nhọc, không được oán giận".

Confucius said: "In serving his parents a son must gently remonstrate with them. If he sees that, they do not follow his advice, he should still show reverence and not disobey them. If because of that, he has to work hard, he should not murmur".

13. Tử viết: "**Quân tử bất dĩ ngôn cử nhân, bất dĩ nhân phế ngôn".** Vệ linh công.

Khổng Tử nói: "Người quân tử không dựa vào lời nói để tiến cử người, không vì người mà phế bỏ lời nói".

Confucius said: "A gentleman does not promote a person for what he says, neither does he undervalue what is said because of the person who say it".

14. Tử Cống vấn hữu, Tử viết: **"Trung cốc nhi thiện đáo chi. Bất khả tắc chỉ vô tự nhục yên".** Nhan Uyên.

Tử Cống hỏi về tình bạn, Khổng Tử nói: "Thật lòng khuyên bảo, khéo dẫn dụ. Nếu không được thì dừng lại ngay, đừng để nhục vào thân".

Zi Gong asked about friendship, Confucius said: "Advise loyally and guide skillfully. If that fails, then desist. Do not trouble to court humiliation".

15. Tử viết: **"Thiết thiết ti ti, di di như dã, khả vị sĩ hĩ. Bằng hữu thiết thiết ti ti, huynh đệ di di".** Tử Lộ.

Khổng Tử nói: "Thương nhau, khuyên nhau hết lòng, luôn vui vẻ, hòa nhã, như thế có thể gọi là kẻ sĩ vậy. Với bạn bè yêu quý nhau, khuyên bảo nhau thật lòng, với anh em luôn giữ niềm hòa vui".

Confucius said: "He who is earnest and urgent, but at the same time affable may be called a true scholar. Earnest and urgent with regard to the conduct of his friends, affable towards his brothers.

16. Tử viết**: "Khả dữ ngôn nhi bất dữ chi ngôn: thất nhân. Bất khả dữ ngôn nhi dữ chi ngôn: thất ngôn. Trí giả bất thất nhân, diệc bất thất ngôn"**. Vệ Linh công.

Khổng Tử nói: "Với người đáng nói mà không nói sẽ để mất người. Với người không đáng nói mà cứ nói là phí lời. Người trí không để mất người, không để mất lời".

Confucius said: "Not to talk to one who could be talked to, is to lose a man; to talk to one, who could not be talked to, is to waste words. He, who is truly wise never loses a man, never wastes his words".

17. Tử viết: **"Cung tự hậu nhi bạc trách ư nhân tắc viễn oán hĩ"**. Vệ Linh Công.

Khổng Tử nói: "Xét mình nghiêm ngặt, trách người nhẹ nhàng tất tránh xa được oán thù".

Confucius said: "He who reproaches much upon himself and little upon others will be secure from discontent".

18. Tử viết: **"Phụ tại quan kỳ chí, phụ một quan kỳ hạnh; tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hĩ".** Học nhi.

Khổng Tử nói: "Lúc cha còn sống, xem chí hướng của cha, lúc cha mất rồi, xem cách cư xử của cha; ba năm không thay đổi đạo lý của cha, có thể gọi là có hiếu".

Confucius said: "While one's father is alive, observe his father's intention; when his father is dead, observe father's conducts. If for three years of mourning, he does not change from the ways of his father, he may be called filial".

19. Tử viết: **"Phụ mẫu chi niên, bát khả bất tri dã, nhất tắc dĩ hỉ, nhất tắc dĩ cụ".** Lý nhân.

Khổng Tử nói: "Không thể không biết tuổi của cha mẹ, vừa để vui mừng, vừa để lo sợ".

Confucius said: "The parents' ages must not be neglected as it is for joy, and for fear".

20. Tử viết**: "Hậu sinh khả úy. Yên tri lai giả chi bất như kim dã? Tứ thập, ngũ thập nhi vô văn yên, tư diệc bất túc úy dã dĩ"**. Tử Hãn.

Khổng Tử nói: "Người sinh sau đáng nể. Có thể sau này họ sẽ hơn mình hiện nay? Nhưng nếu bốn mươi, năm mươi tuổi mà vẫn chưa có danh tiếng gì, thì cũng chẳng đáng nể nữa".

Confucius said: "Juniors are to be feared. Who knows, that in the futurer they may prove themselves better than us today? If they reach the age of forty or fifty without distinguishing themselves that we need no longer be afraid of them"

21. Tử viết: **"Ái chi, năng vật lao hồ? Trung yên, năng vật hối hồ?"**. Hiến vấn.

Khổng Tử nói: "Yêu người, không dám để người khó nhọc sao? Trung quân, chẳng dám can ngăn sao?"

Confucius said: “If you love a man, how can’t you make him toil? If you are loyal to the King, how can’t you give no admonishment?”

22. Tử viết: **“Sự quân tận lễ, nhân dĩ vi xiểm dã”**. Bát dật.

Khổng Tử nói: “Hết lòng giữ lễ để thờ vua, có thể bị cho là xiểm nịnh”.

Confucius said: “The full observance of the rules of propriety in serving King is accounted by people to be flattery”.

23. Tử viết: **“Duy nhân giả năng hiếu nhân, năng ố nhân”.** Lý nhân.

Khổng Tử nói: “Chỉ có người nhân mới yêu người, ghét người (chính đáng)”.

Confucius said: “It is only the man with truly virtue who can love others, can hate others”

24. Tử viết: **“Phỏng ư lợi nhi hành, đa oán**”. Lý nhân.

Khổng Tử nói: “Phỏng theo lợi mà làm việc, sẽ bị nhiều người oán”.

Confucius said: “He who acts for his own advantage will be much murmured against”.

25. Tử viết: **“Thành sự bất thuyết, toại sự bất gián, ký vãng bất cữu”**. Bát dật.

Khổng Tử nói: “Việc đã thành không nên nói thêm, việc phải đến, không nên can gián, việc đã qua không nên trách”.

Confucius said: “Things that are done, it is needless to speak about; things that have to come, it is needless to remonstrate about; things that are past, it is needless to blame”.

26. Tử viết: **“Phụ mẫu tại, bất viễn du; du tất hữu phương”**. Lý nhân.

Khổng Tử nói: “Cha mẹ còn sống, không đi chơi xa; nếu đi, phải đi chỗ định trước”.

Confucius said: “While his parents are alive, the son may not go away to a distance. If he does, he must have a fixed place to which he goes”.

27. Tử viết: **"Bá Di, Thúc Tề bất niệm cựu ác, oán thị dụng hi"**. Công Dã Tràng.

Khổng Tử nói: "Bá Di, Thúc Tề không nhớ tới những điều ác cũ, nên ít người oán ghét.

Confucius said: "Po-i and Shu-ch'i did not remember the former wickednesses of men, and hence they were less resented".

28. Tử viết: **"Hiếu dũng, tật bần, loạn dã. Nhân nhi bất nhân, tật chi dĩ thậm loạn dã".** Thái Bá.

Khổng Tử nói: "Người thích dũng cảm mà ghét sự nghèo khó sẽ gây loạn. Người bất nhân mà bị ghét bỏ quá là khiến người ta làm loạn vậy".

Confucius said: "'The man who is fond of daring and is dissatisfied with poverty, will proceed to insubordination. So will the man who is not virtuous, when you show extremely dislike to him".

29. Tử viết: **"Bang hữu đạo, nguy ngôn nguy hạnh, bang vô đạo, nguy hạnh ngôn tốn"**. Hiến Vấn.

Khổng Tử nói: "Ở nước trị theo đạo, nói lời chân thực, phẩm chất thanh cao, ở nước vô đạo, phẩm hạnh thanh cao, lời nói cần khiêm tốn".

Confucius said: "'When good government prevails in a state, language may be lofty and bold, and actions the same. When bad government prevails, the actions may be lofty and bold, but the language may be with some reserve".

30. Tử viết: **"Dĩ trực báo oán, dĩ đức báo đức".** Hiến Vấn.

Khổng Tử nói: "Lấy sự thẳng thắn đối xử với oán thù, lấy điều tốt đáp lại điều tốt".

Confucius said: "Recompense injury with justice, and recompense kindness with kindness".

31. Tử viết: **"Duy nữ tử dữ tiểu nhân vi nan dưỡng dã: cận chi tắc bất tốn, viễn chi tắc oán"**. Dương Hóa.

Khổng Tử nói: "Chỉ có bọn hầu gái và tiểu nhân là khó đối xử: gần gũi thì chúng khinh nhờn, xa cách thì chúng oán giận".

Confucius said: "'Of all people, girls and servants are the most difficult to behave to. If you are familiar with them, they lose their

humility. If you maintain a reserve towards them, they are discontented".

4. VỀ GIÁO DỤC (ON EDUCATION)

1. Tử viết: **"Hữu giáo vô loại"**. Vệ Linh Công.

Khổng Tử nói: "Giáo dục không phân biệt loại người"

Confucius said: "Instruction recognises no castes".

2. Tử viết: **"Tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường vô hối yên"**. Thuật nhi.

Khổng Tử nói: "Những người mang một bó nem làm lễ xin học, ta chưa từng từ chối dạy bao giờ."

Confucius said: "I never refuse to instruct those who are willing to bring to me a bundle of dried meat as payment".

3. Tử viết: **"Ngô hữu trí hồ tai?Vô tri dã. Hữu bỉ phu vấn ư ngã, không không như dã, ngã khấu kỳ lưỡng đoan nhi kiệt yên".** Tử hãn.

Khổng Tử nói: "Ta có biết rộng chăng? Ta không biết rộng đâu. Nếu có người kém cỏi tới hỏi ta, dù mù mờ chăng nữa, ta cũng khai mở cho hai đầu mối, để giảng giải cho hiểu biết mọi lẽ".

Confucius said: "Am I a wise man? No. But if even simple farmer comes and asks me question in complete ignorance, I have to thrash the matter out, with all its pros and cons, and tell him all that I know about it".

4. Tử viết**: "Mặc nhi chí chi, học nhi bất yếm, hối nhân bất quyện, hà hữu ư ngã tai?".** Thuật nhi.

Khổng Tử nói: "Lặng lẽ ghi nhớ, học không biết chán, dạy người không mệt mỏi, có điều nào không có ở ta chăng?"

Confucius said: "To take note of things in silence, to retain curiosity in learning, to teach and never get wearied of it – to which of these can I make any claim?"

5. Tử viết**: "Bất phẫn bất khải, bất phỉ bất phát. Cử nhất ngung bất dĩ tam ngung phản, tắc bất phục dã".** Thuật nhi.

Khổng Tử nói: "Không nóng lòng muốn học, ta không dạy; không cố gắng nêu ý kiến, ta không nói cho. Nếu ta chỉ ra cho một góc mà không suy ra ba góc khác, ắt ta không nói lại".

Confucius said: "Only when someone bursts with eagerness of learning do I instruct, only when someone bubbles to speak but fail to express himself, do I enlighten. If I show a man one corner of a subject, he can not by himself deduce the other three, I will not repeat the lesson".

6. Tử viết**: "Trung nhân dĩ thượng, khả dĩ ngứ thượng, trung nhân dĩ hạ, bất khả dĩ ngứ thượng dã**". Ung Dã.

Khổng Tử nói: "Đối với những người từ trung bình trở lên, có thể dạy về đạo lý cao siêu, đối với người từ trung bình trở xuống, không thể dạy đạo lý cao siêu được".

Confucius said: "'To those whose talents are above average, the highest subjects may be instructed. To those who are below average, the highest subjects may not be instructed.'

7. **Công Tây Hoa viết: "Do dã vấn văn tư hành chư, tử viết hữu phụ huynh tại, Cầu dã vấn văn tư hành chư, Tử viết văn tư hành chi. Xích dã hoặc, cảm vấn".**

Tử viết: "Cầu dã thoái, cố tiến chi, Do dã kiêm nhân, cố thóai chi". Tiên tiến.

Công Tây Hoa nói: "Anh Do hỏi rằng nghe được điều gì, phải nên làm ngay chăng, thầy vin có còn cha, anh. Anh Cầu hỏi rằng, nghe đựơc điều gì phải làm ngay không, thày bảo nghe được làm liền. Xích này chẳng hiểu sao, xin hỏi lại thầy?"

Khổng Tử nói: "Trò Cầu hay nản chỉ, nên ta phải hối thúc, trò Do hung hăng, nên ta phải hãm bớt đi".

Gong xihua spoke up: "ZiLu asked, should he put what he had heard into practice immediately, you said that it was impossible because his elder brother and father are still alive, but when Ran You asked so, You said he should do. Your replies puzzled me, so I beg for an

explanation". Confucius said: "Ran is apt to hang back, so I press him on; Zi Lu has courage enough for two, so I hold him back".

5. VỀ XÉT NGƯỜI (ON PEOPLE JUDGMENT)

1. Tử viết**: "Xảo ngôn loạn đức, tiểu bất nhẫn, tắc loạn đại mưu"**. Vệ Linh Công.

Khổng Tử nói: "Những lời khéo léo làm hỏng đức hạnh; không nhẫn nhịn việc nhỏ thì mưu toan việc lớn khó thành".

Confucius said: "Sweet words may make virtue degenerate. Slight impatience may spoil great goals".

2. Tử viết**: "Ích giả tam hữu, tổn giả tam hữu. Hữu trực, hữu lượng, hữu đa văn: ích hĩ. Hữu biền tịch, hữu thiện nhu, hữu biền nịnh: tổn hĩ"**. Quý thị.

Khổng Tử nói: "Bạn bè có ích cho ta có ba hạng, bạn bè hại ta cũng có ba hạng. Bạn chính trực, bạn rộng lượng, bạn hiểu biết là những người giúp ích cho ta. Bạn khéo giả vờ, khéo chiều lòng, khéo nịnh là những bạn hại ta".

Confucius said: "There are three types of friends that are profitable and three types that are harmful. Ones who are upright, who are devoted and who are knowledgeable are profitable; those who are double-faced, who are flattering, who are too eloquent are harmful".

3. Tử viết: "**Ấu nhi bất tốn, đễ, trưởng nhi vô thuật yên, lão nhi bất tử, thị vi tặc!"** Hiến vấn.

Khổng Tử nói: "Lúc còn nhỏ không khiêm tốn, kính người trên, lớn lên chẳng làm việc gì đáng khen, lúc già vẫn cố sống, thì chỉ là kẻ phá hoại".

Confucius said: "He who In youth is not as humble as a junior, in manhood does nothing worthy of being handed down and trys living on to old age must be a pest"

4. Tử viết: "**Quân tử bác học ư văn, ước chi dĩ lễ, diệc khả dĩ phất bạn hĩ phù"**. Ung dã.

Khổng Tử nói: "Quân tử học rộng về văn, tự kiềm chế bằng lễ, sẽ không trái đạo".

Confucius said: "The great man, extensively studying all subjects, restrain himself with ritual, may not overstep what is right"

5. Tử viết**: "Pháp ngữ chi ngôn, năng vô tùng hồ? Cải chi vi quí. Tốn dữ chi ngôn, năng vô duyệt hồ? Dịch chi vi quý. Duyệt nhi bất dịch, tùng chi bất cải, ngô mạt như chi hà dã dĩ hĩ".** Tử Hãn.

Khổng Tử nói: "Lời khuyên đúng phép tắc, há chẳng nên nghe theo. Nhưng quý nhất là biết sửa đổi. Lời ngợi khen há chẳng vui thích sao, nhưng quý nhất là biết suy nghĩ. Vui thích mà chẳng suy nghĩ, nghe theo mà chẳng sửa đổi, người như thế ta cũng đành chịu không biết làm sao nữa".

Confucius said: "The codes cannot fail to stir us, but what matters is that they should change our ways. The obedient words and flattery can not fail to commend themselves to us; but what matters is that we should analise them. Fore those who approve but do not analise, who accept but do not change, I can do nothing at all".

6. Tử viết: **"Sĩ nhi hoài cư bất túc dĩ vi sĩ hĩ"**. Hiến vấn.

Khổng Tử nói: "Kẻ sĩ mà còn mơ tưởng chuyện ăn ở sung sướng chẳng đáng gọi là kẻ sĩ".

Confucius said: "A scholar who desires easy life is not a true scholar at all".

7. Tử viết: "**Sĩ chí ư đạo nhi sỉ ác y, ác thực giả, vị túc dữ nghị dã"**. Lý nhân.

Khổng Tử nói: "Kẻ sĩ để ý vào đạo mà còn xấu hổ vì áo xấu, cơm thô thì chưa xứng cùng bàn luận".

Confucius said: "It is not worth discussing things with a scholar who, while devoted to the way, is at the same time ashamed of wearing shabby clothes and eating coarse food".

8. Tử viết: **"Nhân sinh dã trực. Võng nhi sinh giả, hạnh nhi miễn"**. Ung dã.

Khổng Tử nói: "Người ta sinh ra vốn ngay thẳng, kẻ cong vạy mà còn sống, chẳng qua nhờ may mắn thoát chết."

Confucius said: "People were born upright, the crooked who is still alive is the effect of mere good fortune".

9. Tử viết**: "Xảo ngôn lệnh sắc, tiễn hĩ nhân"**. Học nhi.

Khổng Tử nói: "Khéo ăn nói, mặt mũi tươi tỉnh, người như thế ít có lòng nhân"

Confucius said: "the man with fine words and insinuating appearance is seldom truly virtuous".

10. Tử viết: **"Nhân chi quá dã, các ư kỳ đảng. Quan quá, tư tri nhân hĩ**". Lý nhân.

Khổng Tử nói: "Lỗi của người ta đều thuộc từng hạng. Xem xét lỗi của một người, biết được lòng người đó ra sao."

Confucius said: "The faults of men are characteristic of the class they belong to. Observing their fault can help to know them".

11. Tử viết: **"Trí giả nhạo thủy, nhân giả nhạo sơn; trí giả động, nhân giả tĩnh; trí giả lạc, nhân giả thọ".** Ung Dã.

Khổng Tử nói: "Người trí ưa thích nước, người nhân ưa thích núi; người trí thiên về động, người nhân thiên về tĩnh; người trí vui vẻ, người nhân sống thọ".

Confucius said: "The wise prefer water; the benevolent find pleasure in mountains. The wise are active; the benevolent are tranquil. The wise are joyful; the benevolent are long-lived.'

12. Tử viết**: "Cung nhi vô lễ tắc lao, thận nhi vô lễ tắc tỉ. Dũng nhi vô lễ tắc loạn, trực nhi vô lễ tắc giảo"**. Thái Bá.

Khổng Tử nói: "Cung kính mà thiếu lễ sẽ khó nhọc, cẩn thận mà thiếu lễ thì nhút nhát, dũng cảm mà thiếu lễ sẽ làm loạn, cương trực mà thiếu lễ thì nóng nảy".

Confucius said: "Respectfulness without the rules of propriety becomes laborious bustle; carefulness without the rules of propriety, becomes timidity; boldness without the rules of propriety, becomes insubordination; straightforwardness without the rules of propriety, becomes rudeness.

13. Tử viết: **"Trí giả bất hoặc, nhân giả bất ưu, dũng giả bất cụ."** Tử hãn.

Khổng Tử nói: "Người hiểu biết chẳng nghi hoặc, người nhân đức chẳng lo âu, người dũng cảm chẳng sợ hãi."

Confucius said: "The wise are not doubtful; the benevolent are not anxious; and the bold are not fearful.

14. Tử viết: **"Hữu đức giả tất hữu ngôn, hữu ngôn giả bất tất hữu đức. Nhân giả tất hữu dũng, dũng giả bất tất hữu nhân"**. Hiến vấn.

Khổng Tử nói: "Người có đức nói năng gãy gọn, người nói năng gãy gọn không chắc là người có đức. Người nhân ắt dũng cảm, người dũng cảm chưa chắc đã có lòng nhân".

Confucius said: "The virtuous man speaks surely and correctly, but those who speak surely and correctly may not always be vituous. The benevolent are sure to be brave, but the brave may not always to be with benevolence"

15. Tử viết**: "Chí sĩ nhân nhân vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân"**. Vệ Linh Công.

Khổng Tử nói: "Người chí sĩ và người nhân chẳng cầu sống để hại đạo nhân, có thể quyên sinh để giữ đạo nhân".

Confucius said: "The determined scholar and the man of virtue will not try to live to injure their virtue, but they are able even to sacrifice their lives to protect the virtue".

16. Tử viết: **"Quân tử chu nhi bất tị, tiểu nhân tị nhi bất chu"**. Vi chính.

Khổng Tử nói: "Người quân tử hòa với mọi người mà không so bì, kẻ tiểu nhân hay so bì mà không hòa cùng mọi người".

Confucius said: "The great man is catholic and not impartial, the petty man is partial and not catholic".

17. Tử viết**: "Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi"**. Vi nhân.

Khổng Tử nói: "Người quân tử rành về điều nghĩa, kẻ tiểu nhân rõ về điều lợi."

Confucius said: "The great man understand righteousness, the petty man understand benefit."

18. Tử viết: **"Đức bất cô, tất hữu lân"**. Lý nhân.

Khổng Tử nói: "Người có đức chẳng cô đơn, thế nào cũng có người đồng tâm".

Confucius said: "The virtuous do not stay alone, and will have neighbors".

19. Tử viết**: "Quân tử thản đãng đãng, tiểu nhân trường thích thích**". Thuật nhi.

Khổng Tử nói: "Người quân tử bình thản thoải mái, kẻ tiểu nhân ngay ngáy lo âu".

Confucius said: "The great man is always calm and satisfied; petty man is always worried and full of distress".

20. Tử viết: **"Quần cư chung nhật, ngôn bất cập nghĩa, hiếu hành tiểu tuệ, nan hĩ tai"**. Vệ Linh Công.

Khổng Tử nói: "Tụ họp nhau suốt ngày, nói những chuyện chẳng đề cập tới đạo nghĩa, ham làm những việc khôn vặt, những người như thế khó làm nên chuyện gì".

Confucius said: "Those who get together all day long without speaking about righteousness, but sorely enjoy themselves by performing petty acts, are indeed hard to deal with".

21. Tử viết: **"Quân tử cầu chư kỷ, tiểu nhân cầu chư nhân"**. Vệ Linh Công.

Khổng Tử nói: "Người quân tử cầu ở mình, kẻ tiểu nhân trông ở người"

Confucius said: "What the great man seeks is in himself; and petty man is in others".

22. Tử viết: **"Hương nguyện: đức chi tặc dã".** Dương hóa

Khổng Tử nói: "Đạo đức giả: kẻ làm bại hoại đạo đức".

Confucius said: "The goody-goody are the thieves of virtue".

23. Tử viết**: "Đạo thính nhi đồ thuyết, đức chi khí dã".** Dương hóa.

Khổng Tử nói: "Nghe chuyện ngoài đường, nói lại giữa đường là vất bỏ đức của mình vậy".

Confucius said: "To relate what you have heard on the way is to cast your virtue away".

24. Tử viết: "**Quân tử thái nhi bất kiêu, tiểu nhân kiêu nhi bất thái"**. Tử Lộ.

Khổng Tử nói: "Người quân tử thư thái mà không kiêu căng, kẻ tiểu nhân kiêu căng mà không thư thái".

Confucius said: “The great man is dignified, and not haughty; petty man is huaghty and not dignified”.

25. Tử viết: “**Tuế hàn, nhiên hậu tri tùng bách chi hậu điêu dã”**. Tử hãn.

Khổng Tử nói: “Trời rét, mới hay tùng bách héo tàn sau các loại cây khác”.

Confucius said: “When the weather turns cold, we will know that the pines and cypess are the last to lose their leaves”.

26. Tử viết: “**Kỳ ngôn chi bất tạc, tắc vi chi dã nan”**. Hiến Vấn.

Khổng Tử nói: “Khoe khoang chẳng thẹn, ắt khó làm được như lời”.

Confucius said: “He who is too ready to speak will find it difficult to carry it out”.

27. Tử viết: “**Thủy ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi tín kỳ hạnh; kim ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi quan kỳ hạnh…”.** Công Dã Tràng.

Khổng Tử nói: “Trước kia, ta xét người cứ nghe lời nói mà tin ngay cách cư xử. Nay xét người, ta nghe lời nói là xem cách cư xử…”

Confucius said: “At first, my way of dealing with men was to hear their words and take their actions upon trust. Now, my way is to hear their words and watch their conducts”.

28. Tử viết: “**Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an; nhân yên sưu tai? Nhân yên sưu tai?”**. Vi chính.

Khổng Tử nói: “Nhìn những việc đã làm, xem vì sao làm như thế, xét xem có vui lòng mà làm hay không, như thế người ta còn giấu được sao? Còn giấu được sao?”

Confucius said: “See what a man has made; observe the motives of his action; discover what bring him content, thus, how can the man conceal his character, can the man hide his character?”

29. Tử viết: **“Bất nghịch trá, bất ức bất tín, ức diệc tiên giác giả thị hiền hồ?”**. Hiến vấn.

Khổng Tử nói: “Không lường trước kẻ dối trá, không đoán trước được kẻ bất tín. Nhưng gặp những kẻ như thế mà nhận ra ngay, chẳng phải là những người hiền rồi sao?”

Confucius said: “A man who does not anticipate the fraud of others nor reckon upon promises not being kept, but is able to perceive them beforehand is a true sage indeed?”

30. Tử viết: **“Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác. Tiểu nhân phản thị”**. Nhan Uyên.

Khổng Tử nói: “Người quân tử giúp cho điều tốt của người thành công, không cho điều xấu của người thành hiện thực. Kẻ tiểu nhân làm điều ngược lại”.

Confucius said: “The great man enables the good qualities of others to be formed, not their bad ones. The petty man does just the reverse”.

31. Tử viết: **“Chúng ố chi, tất sát yên; chúng hiếu chi, tất sát yên”.** Vệ Linh Công.

Khổng Tử nói: “Thấy nhiều người ghét, phải xem xét lại, thấy nhiều người yêu thích, cũng phải xem xét lại”.

Confucius said: “When multitude dislike a man, enquiry is necessary; when multitude like a man, enquiry is necessary, too”.

32. **Tử Cống vấn viết: “Hương nhân giai hiếu chi, hà như?”**

Tử viết: “Vị khả dã”.

“Hương nhân giao ố chi, hà như?”

Tử viết: “Vị khả dã. Bất như hương nhân chi thiện giả hiếu chi, kỳ bất thiện giả ố chi”. Tử Lộ.

Tử Cống hỏi: “Được dân làng yêu quý, người đó thế nào?”

Khổng Tử nói: “Chưa được”.

“Bị dân làng ghét bỏ thì sao?”

Khổng Tử nói: “cũng không được. Chẳng bằng được những người thiện trong làng thích, những người bất thiện ghét”.

ZiGong asked: “What may be said of a man who is loved by all his neighbors?”

Confucius said: “That is not enough to conclude”. “What of a man who is hated by all his neighbors?” Confucius said: “Neither is that enough to conclude. It would be better if, among his neighbors, the good loved him, and the bad hated him”.

33. Tử viết: "**Quân tử hoài đức, tiểu nhân hoài thổ. Quân tử hoài hình, tiểu nhân hoài huệ"**. Lý Nhân.

Khổng Tử nói: "Quân tử quan tâm tới đức, tiểu nhân để ý vào điền sản. Quân tử quan tâm tới phép tắc, tiểu nhân chú ý tới ân huệ".

Confucius said: "The great man thinks of virtue, the petty man think of acommodation. The great man thinks of sanctions of law, the petty man thinks of favours he may get".

34. Tử viết**: "Nhân giả tiên nan, nhi hậu hoạch, khả vị nhân hĩ".** Ung Dã.

Khổng Tử nói: "Người làm việc khó trước, sau mới đến thu hoạch, như thế đúng là người nhân".

Confucius said: "the virtuous man who overcomes difficulty first, thinks of the gain later may be called a man with perfect virtue".

35. Tử viết: **"Nhân bất ngôn, ngôn tất hữu trúng".** Tiên tiến.

Khổng Tử nói: "Người không hay nói, nếu nói tất đúng".

Confucius said: "When the man who seldom speaks, speaks, he is sure to hit the point"

36. Tử viết**: "Cương, nghị, mộc, nột cận nhân".** Tử Lộ

Khổng Tử nói: "Cứng rắn, nghị lực, chất phác và nói năng chậm rãi là những tính cách gần với đức nhân".

Confucius said: "'The firmness, the enduringness, the simplity and the careful speach are near to virtue".

37. Tử viết**: "Quân tử bất khả tiểu tri nhi khả đại thụ dã, tiểu nhân bất khả đại thụ nhi khả tiểu tri dã".** Vệ linh công.

Khổng Tử nói: "Người quân tử không cần biết việc nhỏ, nhưng có thể đảm nhận việc lớn, tiểu nhân không thể đảm nhận trọng trách lớn, nhưng có thể biết việc nhỏ".

Confucius said: "The great man is not to know little matters; but he may be intrusted with great concerns. The petty man may not be intrusted with great concerns, but he is to know little matters"

38. Tử viết**: "Ngu nhi hiếu tự dụng, tiện nhi hiếu tự chuyên, sinh hồ kim chi thế phản hồ cổ chi đạo, như thử giả tai cập kỳ thân giả dã"**.Trung Dung.

Khổng Tử nói: "Ngu tối mà thích làm liều, hèn kém mà thích làm theo ý mình, sống đời này mà quay theo đạo xưa, những người như thế ắt vướng họa vào thân".

Confucius said: "Those, who is ignorant but daredevil, mean but likes to do himself, lives in present time but follows the former doctrine, should get bad luck".

6. VỀ CHÍNH SỰ - TRỊ QUỐC (ON POLITICS – GOVERNANCE)

1. Tử viết: **"Phàm vi thiên hạ quốc gia hữu cửu kinh, viết tu thân dã, tôn hiền dã, thân thân dã, kính đại thần dã, thể quần thần dã, tử thứ dân dã, lai bách công dã, nhu viễn nhân dã, hoài chư hầu dã"**. Trung Dung.

Khổng Tử nói: "Nói chung, việc quốc gia, thiên hạ có chín điều cốt lõi: 1. Tu thân; 2, Tôn người hiền; 3. Thân với người thân; 4. Kính trọng đại thần; 5. Xét công lao bề tôi; 6. Coi dân như con; 7. Chiêu mộ các nhà công nghệ; 8. trọng đãi người ở xa tới; 9. Đùm bọc nước chư hầu."

Confucius said: "Generally speaking, for state affaires threre are nine standards rules to follow: 1. Cultivation of own characters; 2. Honoring of men of virtue and talents; 3. Affection towards own relatives; 4. Respect towards the great ministers; 5.Considerate treatment of the all his subjects; 6. Dealing with the common people as own children; 7. Encouraging all classes of artisans; 8. Indulgent treatment of men from a distance; 9. The kindly cherishing of the vassal States".

2. Tử viết: "**Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sỉ. Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sỉ thả cách".** Vi chính.

Khổng Tử nói: "Chỉ dẫn dân bằng chính lệnh, giữ kỷ cương bằng hình pháp, dân tránh khỏi tội nhưng chưa biết hổ thẹn. Dùng đức để dẫn dắt, dùng lễ để giữ trật tự, dân biết hổ thẹn mà tiến tới chỗ tốt lành".

Confucius said: “If the people are led by laws, and their order are kept by punishments, they will try to avoid the punishment, but have no sense of shame. If they are led by virtue, and the order are kept by the rites, they will have the sense of shame, and therefore will become good”.

3. Tử viết: “Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử”.

Khổng Tử nói: “Vua phảI ra vua, bề tôI phảI ra bề tôi, cha phảI ra cha, con phải là đúng là con”.

Confucius said: “ King must be a real king, subject must be real subject, father must be real father, the son must be a true son”

4. Tử viết: **“Vi chính dĩ đức, thí như Bắc thần cư kỳ sở, nhi chúng tinh củng chi”**. Vi chính.

Khổng Tử nói: “Dùng đức để làm việc chính trị cũng như ngôi sao Bắc thần, ở một chỗ mà các ngôi sao khác đều hướng về”.

Confucius said: “To practise the governance with his virtue may be compared to the North polar star, which keeps its place and all another stars flank to it”.

5.Tử viết: **“Đạo thiên thặng chi quốc: kính sự nhi tín, tiết dụng nhi ái nhân, sử dân dĩ thời”**. Học nhi.

Khổng Tử nói: “Đạo cai trị nước ngàn cỗ xe phải thận trọng trong công việc, giữ chữ tín, tiết kiệm chi tiêu và thương yêu người, sai khiến dân đúng lúc”.

Confucius said: “To rule a country of a thousand chariots, one must be carrefull in business, sincere; economical in expenditure and cherish all people, employ the people properly”.

6. Tử viết: **“Túc thực, túc binh, dân tín chi hĩ”.** Nhan Uyên.

Khổng Tử nói: “Đầy đủ lương thực, binh lực, được dân tin cậy”.

Confucius said: “There should be sufficiency of food, sufficiency of military equipment, and the confidence of the people in their ruler”.

7. Khổng Tử viết: **“Cử trực, thố chư uổng, tắc dân phục. Cử uổng, thố chư trực, tắc dân bất phục”.** Vi chính**.**

Khổng Tử nói: “Tiến cử người chính trực, loại bỏ những kẻ tà cong, ắt dân phục. Cất nhắc kẻ tà cong, loại bỏ những người chính trực, ắt dân không phục”.

Confucius said: “Advance the upright and set aside the crooked, then the people will submit. Advance the crooked and set aside the upright, then the people will not submit”

8. Tử viết: **“Chính giả, chính dã. Quân suất dĩ chính, thục cảm bất chính?”** Nhan Uyên.

Khổng Tử nói: “Chính trị là ngay thẳng. Vua lấy điều ngay thẳng dẫn dắt mọi người, thì ai dám không ngay thẳng”.

Confucius said: “Governance means rectification. When the King leads the people with correctness, who will dare not to be correct?”

9. Tử viết: **“Bất tại kỳ vị, bất mưu kỳ chính”.** Thái Bá.

Khổng Tử nói: “Không ở chức vị, chẳng bàn tính đến công việc của chức vụ đó”.

Confucius said: “He who is not in the particular office, should not talk over on its duties.'

10. Khổng Tử viết: **“Năng hành ngũ giả ư thiên hạ, vi nhân hĩ: Cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung tắc bất vũ, khoan tắc đắc chúng, tính tắc nhân nhậm yên, mẫn tắc hữu công, huệ tắc túc dĩ sử nhân”**. Dương Hoá.

Khổng Tử nói: “Làm được năm điều trong thiên hạ, là có đức nhân vậy. Đó là: cung kính, khoan dung, thành tín, cần mẫn và có ơn huệ. Cung kính thì không bị khinh nhờn, khoan dung thì được lòng mọi người, thành tín thì được người tín nhiệm, cần mẫn thì thành công, có ơn huệ thì dễ sai khiến người”.

Confucius said: “He who can practise five things everywhere under the heaven could be considered virtuous. They are: respect, generosity of soul, sincerity, diligence, and favour. If he respects him self, he will not be treated with disrespect. If he is generous, he will win all. If he is sincere, people will repose trust in him. If he is diligent, he will accomplish much. If he gives a favour to people, it will be easy for him to employ them”.

11. Tử viết: **“Cẩu tử chi bất dục, tuy thưởng chi, bất thiết”**. Nhan Uyên.

Khổng Tử nói: “Nếu người trên không tham lam, dẫu cho tiền cũng chẳng ai dám ăn trộm”.

Confucius said: “If the governors were not covetous, even though the people should be rewarded for stealing, they dare not do it”.

12. **Tử Lộ vấn chính, Tử viết: “Tiên chi, lao chi”. Thỉnh ích, viết: “Vô quyện”.** Tử Lộ.

Tử Lộ hỏi về chính trị, Khổng Tử nói: “Làm trước dân, chịu khó nhọc”. Xin dạy thêm, ngài nói: “Không mệt mỏi”.

Zilu asked about governance, Confucius said: “'Do before the people with your example, and be laborious in their affairs”. He requested further instruction, Confucius said: “Be not weary”

13. Tử viết: **“Kỳ thân chính, bất lệnh nhi hành, kỳ thân bất chính, tuy lệnh bất tùng**’. Tử Lộ.

Khổng Tử nói: “Bản thân ngay thẳng, tuy không ra lệnh, mọi việc vẫn thực hiện; bản thân không ngay thẳng, dẫu có ra lệnh cũng chẳng ai tuân theo”.

Confucius said: “When the governor is upright, his affair will be done even without the issuing of orders. If he is not upright, he may issue orders, but people will not follow”

14. **Trọng Cung vấn chính, Tử viết: “Tiên hữu tư, xá tiểu quá, cử hiền tài”. Viết: “Yên chi hiền tài nhi cử chi?”. Viết: “Cử nhĩ sở tri. Nhĩ sở bất tri, nhân kỳ xả chư?”.** Tử Lộ.

Trọng Cung hỏi về việc chính trị, Khổng Tử nói: “Trước hết phải phân việc cho từng người phụ trách, tha những lỗi nhỏ, cất nhắc người hiền tài”.

Hỏi: “Làm sao biết người hiền tài mà cất nhắc?”

Đáp: “Hãy cất nhắc những người đã biết, những người chưa biết, người ta lại bỏ qua không chỉ ra sao?”

Chungkung asked about governance, Confucius said: “Fiirstly, assign the task to your subordinates, pardon small faults, and advance men of virtue and talents”.

Asked: “How shall I know the men of virtue and talent to advance them to office?'

The answer: “Advance to office those whom you know. As to those whom you do not know, will others neglect them?'

15. **Nhiễm Hữu viết: "Kí thứ hĩ, hựu hà gia yên?". Tử viết: "Phú chi!", Viết: "Ký phú hĩ, hựu hà gia yên?". Viết: "giáo chi".** Tử Lộ.

Nhiễm Hữu hỏi: "Dân đông đảo, nên thêm điều gì?", đáp: "Giúp cho dân giàu". Hỏi: "Dân đã giàu, nên thêm điều gì?". Đáp: "Dạy dỗ dân!"

Zan Yu asked "since the people are numerous, what more shall be done for them?" Confucius said: "enrich them". Asked: "When they have been enriched, what more shall be done?", said: "Teach them".

16. Tử viết: **"Đạo bất đồng, bất tương vị mưu"**. Vệ Linh Công.

Khổng Tử nói: "Những người không cùng đạo, không thể cùng bàn công việc".

Confucius said: "Men who differ in their philosophy cannot take counsel with each other".

17. Tử viết: "**Lâm chi dĩ trang tắc kính, hiếu từ tắc trung, cử thiện nhi giáo bất năng tắc khuyến**". Vi chính.

Khổng Tử nói: "Đối xử với dân trang nghiêm thì dân cung kính, hiếu với cha mẹ, nhân từ với người dưới thì dân trung thành, tiến cử người thiện, dạy dỗ người yếu kém thì dân sẽ làm điều thiện".

Confucius said: "If you are earnest in presence, the people will be respectful, if you are filial and kind, they will be loyal, if you advance the competent and instruct the less able, the people will try to do the good".

18. Tử viết**: "…Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành, sự bất thành tắc lễ nhạc bất hưng, lễ nhạc bất hưng tắc hình phạt bất trúng, hình phạt bất trúng tắc dân vô sở thố thủ túc".** Tử Lộ.

Khổng Tử nói: "Danh không chính thì lời nói không thuận, lời nói không thuận thì việc không thành, việc không thành thì lễ nhạc không phát triển, lễ nhạc không phát triển thì hình phạt không thỏa đáng, hình phạt không chính đáng thì dân lúng túng.

Confucius said: "'If name is not correct, language is not in accordance with the truth of things. If language is not in accordance with the truth of things, affairs can not be completed. When affairs cannot be completed, rites and music will not flourish. When rites and

music do not flourish, punishments will not be properly awarded. When punishments are not properly awarded, the people do not know how to move hand or foot".

19. Diệp công vấn chính, Tử viết: "**Cận giả duyệt, viễn giả lai"**. Tử Lộ.

Diệp công hỏi về việc chính sự, Khổng Tử nói: "Người gần vui lòng, người xa tìm tới".

The Duke of Sheh asked about governance, Confucius said: "Those who are near are happy, and those who are far off are attracted."

20. Tử viết: **"Cử trực thố chư uổng năng sử uổng giả trực"**.Nhan Uyên.

Khổng Tử nói: "Cất nhắc người ngay thẳng và gạt bỏ những kẻ tà vạy thì có thể khiến kẻ tà vạy trở nên ngay thẳng".

Confucius said: "To advance the upright and set aside the crooked can make the crooked become upright".

21. Tử vị Tử sản: **"Hữu quân tử chi đạo tứ yên: kỳ hành kỷ dã cung, kỳ sự thượng dã kính, kỳ dưỡng dân dã huệ, kỷ sử dân dã nghĩa"**. Công dã tràng.

Khổng Tử khen Tử Sản: "Có bốn đều hợp với đạo quân tử: Giữ mình khiêm cung, thờ người trên kính cẩn, nuôi dân có ơn huệ, sai khiến dân có đạo nghĩa".

Confucius said appriciated Zishan: "He had four of the characteristics of a great man: kept himself humble, served the superiors respectfully, nourished the people kindly, and employ the people properly, rightly".

22. Tử viết: **"Thượng hiếu lễ tắc dân dị sử dã"**. Hiến vấn.

Khổng Tử nói: "Người trên chuộng lễ thì dân dễ sai khiến".

Confucius said: "When rulers love to practise the rites, its is easy for them to employ the people".

23. Tử viết**: "Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tế. Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân. Tại bang vô oán, tại gia vô oán"**. Nhan Uyên.

Khổng Tử nói: "Ra khỏi cửa, nghiêm trang như lúc tiếp kiến khách sang trọng, sai khiến dân cẩn thận như dự lễ tế lớn. Điều gì mình

không muốn, chớ thi hành cho người khác. Trong nước chẳng ai oán giận, trong nhà cũng không ai oán".

Confucius said: "When you go out, behave to every one as if you were receiving a great guest; to employ the people as if you were assisting at a great sacrifice; what you do not want to be done to you, not do to others; there is no murmuring against you in the country, and none in the family".

PHỤ LỤC

A. MỘT SỐ CÂU ĐỐI, HOÀNH PHI TIÊU BIỂU Ở VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM
FAMOUS COUPLES OF SENTENCES, HORIZONTAL PANELS IN VĂN MIẾU-QUỐC TỬ GIÁM

Tứ trụ (on four pillars)

1. **Cương thường đống cán tồn thiên địa**
Đạo đức cung tường tự cổ kim

Rường cột cương thường tồn tại cùng trời đất
Đạo đức trường học có từ xưa đến nay.

The pillar of three cardinal social relations and five constant virtues co-exist with the sky and the earth.

The virtues of the school have been scince the aincient time.

2. **Sổ nhẫn cao kiên, tải đắc hứa đa đạo viện**
Vạn cổ chiêm ngưỡng, y nhiên nhất đại cung tường.

Cao vững mấy tầm, mà chuyển chở biết bao đạo lý
Muôn đời trông ngóng, trường học vẫn sừng sững nguy nga.

As not much high and solid, the school transferred much of virtue
It has been admired for a long, the walls and buildings of the school still remain as original.

3. **Đạo nhược lộ nhiên, đắc kỳ môn nhi nhập**
Thánh tức thiên dã, bất khả giai nhi thăng.

Đạo như đường ấy, gặp được cửa thì vào
Thánh tức trời vậy, không thể leo mà lên.

The doctrine is like the way, it could be joined if the entrance is seen
The saint is like the sky, it could not be reached by climbing up

4. **Đông tây nam bắc do tư đạo**
Công khanh phu sĩ xuất thử đồ
Đông, tây, nam, bắc cùng đạo ấy (đạo nho)
Công khanh phu sĩ đều ở đường nàyra.

The East, the West, the South, the North all follow this Way
Duke, mandarins of all ranks, scholars all come from here

Cổng Văn Miếu (on Văn Miếu portico)

1. **Đại quốc bất dịch giáo, bất biến tục, thả tôn sùng chi, diệc tín tư văn nguyên hữu dụng.**

Ngô nho yếu thông kinh, yếu thức thời, vô câu cố dã, thượng tư thánh huấn vĩnh tương đôn.

Nước lớn không thay nền giáo hoá, không biến đổi phong tục, mà tôn sùng đạo Nho và tin tưởng tư văn vốn có ích.

Nhà Nho phải thông hiểu kinh sách, phải thức thời, không câu nệ, cố chấp và nghĩ rằng lời giáo huấn của thánh hiền mãi mãi được đề cao.

The great country will not change the its doctrine, customs but honours Confucianism and believes that this doctrine remains helpful.

Confucian scholars should understand Canons, keep up with the times, not to be finical, self-opinionated, and believe that the saint's instructing words would be dignified forever.

2. **Doanh hoàn trung giáo mục, ngô đạo tối tiên, vạn vũ chu xa đồng khởi kính.**

Toàn cảnh nội văn từ, thử địa vi thủ, thiên thu cần tảo thượng lưu phương.

Các nền giáo hoá trong thiên hạ, đạo ta trước nhất, muôn nơi cùng kính trọng.

Các miếu văn trong cả nước, miếu này đứng đầu, ngàn năm cần tảo còn lưu hương.

Among the doctrines taught in the world, ours is the best and esteemed by all regions

Of all Văn Miếu, this temple is on top, the fragrance of culture remains throughout the millenia.

3. Sĩ phu báo đáp vị hà tai, triều đình tuyển tựu chi ân, quốc gia sùng thượng chi ý.

Thế đạo duy trì thị thử nhĩ, lễ nhạc y quan sở tuỵ, thanh danh văn vật sở đô.

Sĩ phu báo đáp thế nào ân tuyển chọn của triều đình, ý tôn sùng của nhà nước.

Thế đạo được duy trì nơi đây, nơi tụ hội lễ nhạc y quan, nơi lừng lẫy tiếng tăm văn vật.

How can scholars pay the debt of gratitude of recruitment made by the court, high esteem paid by the country.

The status of the doctrine is upheld here, where the rites, music rendezvous, historical relics are well-known.

4. Thệ thuỷ hữu như tư, văn võ y quan vương hầu đệ trạch.

Cao sơn trường ngưỡng chỉ, tam quan khổn áo sổ nhẫn cung tường.

Áo mũ nhà cửa của quan văn, võ, vương hầu như nước chảy.

Cửa tam quan bề thế, nhà học mấy tầm ngẩng trông như núi cao.

Costumes of civil and military mandarins, the luxury palaces of royal family and marquises is constantly moving like flowing water.

Raising your head to admire the portico and school which look as high and big as mountain is.

Khuê văn các

1. **Hy triều phấn sức long văn trị**
Kiệt các trân tàng tập đại quan
Đời thịnh điểm tô nền văn trị
Lầu gác lộng lẫy lưu giữ vẻ đẹp.

The prosperous life is decorated by Văn governance
Luxury pavilion stores treasure and success.

2. **Khuê tinh thiên lãng nhân văn xiển**
Bích thuỷ xuân thâm đạo mạch trường.
Sao Khuê sáng giữa trời, nhân văn rạng tỏ
Sông Bích đượm sắc xuân, đạo mạch dài lâu

As the Khuê constellation shines in the sky, the humanity is known everywhere.

The water of the Bích river is full of spring scenery, the doctrine source is long.

Đình bia (on the Shrine of steles)

1. **Xa thư cộng đạo kim thiên hạ**
Khoa giáp liên đề cổ học cung.
Thiên hạ ngày nay xe cùng cỡ bánh, viết cùng văn tự, cùng theo đạo Nho.
Nhà học xưa liên tiếp đề tên người trong khoa bảng.

The present world follows the same doctrine symbolized by the same size of the wheel, same script.

The names of the doctoral examination laureates are inscribed on the steles in the aincient school.

2. **Khoa giáp trung lai danh bất hủ**
Cung tường ngoại vọng đạo di cao.
Người xuất thân khoa bảng tên tuổi mãi còn
Ngoài cung tường nhìn vào đạo càng thấy cao.

Names of the laureates of doctor-selective examination remained forever.

Admiring the wall of the school from outside, the doctrine seem so high.

Bái đường (in House for ceremony)

1. **Phối nguyên khí ư tứ thời, hậu thiên địa chi sinh nhi chi thiên địa chi thuỷ.**
Khai học nguyên vu vạn thế, tổ Nghiêu Thuấn chi đạo nhi hiền Nghiêu Thuấn chi công.

Điều phối nguyên khí suốt bốn mùa, sinh sau trời đất mà biết được buổi khởi đầu trời đất.
Mở nguồn học cho muôn đời, noi theo đạo Nghiêu Thuấn mà công cao hơn Nghiêu Thuấn.

Combining essential vitalities of the four seasons, the saint who was born after the sky and the earth, still understands their origin.
Initiating the education for thounsands of generation, the saint follows the doctrine of Nghiêu and Thuấn kings, but he has surpassed their merits.

2. **Tứ khoa thành tựu nhân tài, hoá công tuỳ phẩm vật**
Lục tịch xiển dương đại đạo, nguyên khí tại lưỡng gian

Bốn khoa đào tạo nhân tài, hoá công theo phẩm vật
Sáu sách tỏ rõ đạo lớn, nguyên khí giữa hai khoảng đất trời.

Train talented people with four subjects, the merit gained upon the things

Six classics showed out a great doctrine, the vitality is in the middle of the sky and the earth.

3. **Thần công trác quán cổ kim, thiên địa do vi tiểu**
Thánh đức chiêu hồi vũ trụ, nhật nguyệt bất khả du

Công thần đầu cả xưa nay, trời đất còn là nhỏ
Đức thánh soi khắp vũ trụ, nhật nguyệt không thể hơn.

The extraordinary merits have pervaded the past and the present, so that the sky and the earth seems to be small in comparison with them.

Saint's virtue shines and enlightens the whole universe, even the sun and the moon can not be compared.

4. **Tứ thời hành, bách vật sinh, nhất thân tạo hoá**
Tam kinh chính, cửu trù tự, vạn cổ văn minh

Bốn mùa vận hành, trăm vật sinh sôi, một mình tạo hoá
Ba rường định, chín phép lập, vạn cổ văn minh.

The only Creator operates four seasons and generates hundreds of thing.

The civilization lasts forever upon three main relations and nine ways.

1. Vạn thế sư biểu: *Người thầy tiêu biểu của muôn đời*

The everlasting exemplary educator

2. Đạo quán cổ kim: *Đạo (Nho) đứng đầu xưa nay*

The Confucianism pervades the past and the present

3. Đức tham thiên địa: *Đức lan toả khắp trời đất*

The Virtue covers over the sky and the earth

4. Tập đại thành: *(Thầy là bậc) Tập đại thành*

The Master is a collection of the great achievements.

5. Phúc tư văn: *tốt đẹp thay nền văn này*

How great the culture is!

5. Cổ kim nhật nguyệt: *Ánh sáng muôn thuở*

As the sun and the moon, last through the past and present.

Điện Đại Thành

1. **Hậu đế vương nhi sinh, sự nghiệp cao đế vương thượng**
   Trung thiên địa nhi lập, công đức dữ thiên địa đồng

Sinh sau đế vương, sự nghiệp cao hơn đế vương
Đứng giữa trời đất, công đức ngang bằng trời đất

He was born after the emperors, but his deeds are greater then those of emperors.

He lived within the world, but his merits could compared with the sky and the earth.

Hậu đường Thái học (in Hậu Đường of Thái Học section)

A. Tầng 2 (on First floor)

1. Kiến miếu tôn hiền biểu suất hiếu trung đại đạo
   Trí khoa thủ sĩ, thực bồi lương đống chân Nho

Dựng Văn Miếu, tôn hiền, biểu dương đạo lớn hiếu trung
Đặt khoa thi, chọn sĩ vun trồng bồi dưỡng chân nho

Founded Văn Miếu, respected talent, commended great doctrine of loyalty and filialness.

Held examinations, selected scholars, cultivated true Confucianists.

2. Dục anh tài nhi sử năng Quốc Tử Giám cao huyền mô khải
   Dưỡng minh triệt dĩ kế trị Thăng Long kinh trường tụ tinh hoa

Đào tạo anh tài và sử dụng hiền năng, trường Quốc Tử Giám treo cao khuôn mẫu cho đời sau

Tu dưỡng minh triết để nối tiếp việc trị nước, Kinh đô Thăng Long mãi mãi hội tụ tinh hoa của cả nước.

Train talented and employed virtuous, Quốc Tử Giám made great examples for generation to come.

Cultivate bright philosophy for governing country, the quintessence converged here in Thăng Long Capital.

3. Khoa giáp trùng hưng lai tuấn môn khai long thánh trị
Nhân tài bối xuất đề danh bi lập chấn tư văn

Khoa giáp chấn hưng, cửa đón anh tài mở rộng, thịnh nền thánh trị
Nhân tài liên tiếp xuất hiện, bia đề tên tiến sĩ được dựng, chấn khởi nền nho học

To improve education and widely open the door for the talented, that prospect the Saint's governance.

The talented continuously came out, stele recording doctors' name was set up, which improved the confucian education.

1. Quốc học triệu cơ: *Mở nền quốc học*

Founded the National education

2. Hưng học nhậm hiền: *Phát triển học, dùng hiền tài*

Developed education and utilised the virtuous.

3. Văn giáo đản phu *(Nền văn giáo mở mang rộng khắp)*

The Confucian education is widely expanded

B. Tầng 1 (On ground floor)

Bác ư sử, cùng ư kinh thánh đạo uyên nguyên khai hậu học
Hành dĩ lễ, tàng dĩ nghĩa hiền nhân phong tiết thiệu tiên Nho

Hiểu rộng về sử, thiếu triệt về kinh, (ông đem) uyên nguyên đạo thánh mở mang cho hậu học
Ra làm quan theo lễ, lui về ở ẩn theo nghĩa (ông có) phong độ tiết tháo người hiền tiếp nối các bậc tiên Nho

Widely understanding history, deeply knowing the Classics, He enlightened the generation to come by original Saint's doctrine.

Entering government in accordance with rites, returning righteously, He has manners of the former virtuous and upright sages.

2. **Truyền kinh chính học** *Chính học (Nho học) thể hiện qua việc truyền thụ kinh điển.*

To instruct the real Canons is the true education.

BÀI KÝ BIA TIẾN SĨ KHOA NHÂM TUẤT NIÊN HIỆU ĐẠI BẢO 3 (1442)

Thánh triều Thái Tổ Cao hoàng đế trời ban trí dũng, nghiệp lớn kinh luân, diệt bạo trừ tàn, cứu dân sinh khỏi chốn lầm than. Kịp khi vũ công đại định, văn đức sửa sang, nghĩ muốn chiêu tập anh tài, canh tân chính trị. Bèn xuống chiếu cho các nơi trong nước dựng nhà học để bồi dưỡng nhân tài. Tại kinh đô có Quốc Tử Giám, ngoài các phủ có học đường. Thánh thượng đích thân chọn con cháu quan viên và thường dân tuấn tú vào làm học sinh ở các cục Nhập thị, Cận thị, Ngự tiền, cùng là giám sinh ở Quốc Tử Giám. Lại sai quan chuyên trách rộng chọn con em các nhà lương thiện vào làm sinh đồ ở các trường phủ học, đặt thày dạy dỗ, in kinh sách ban phát, đất trồng tài năng thực đã rộng mở. Còn như phép tuyển chọn kẻ sĩ, hoặc hỏi nghĩa lý kinh điển, hoặc các đề phú luận, hoặc thánh thượng đích thân ra đề thi văn sách, tuỳ tài học từng người mà bổ dụng. Lúc bấy giờ tên gọi khoa thi Tiến sĩ tuy chưa đặt ra, nhưng thực chất đề cao Nho học và phép chọn người thì đại khái đã có đủ. Nền thái bình muôn thuở thực đã bắt đầu từ đây.

Ôi! Thái Tông Văn hoàng đế nối giữ nghiệp lớn, làm rạng rỡ ông cha, xem xét nhân văn, giáo hoá thiên hạ. Lấy trọng đạo tôn Nho làm việc đầu, coi kén chọn anh tài tôn trọng hiền sĩ làm mưu lược tốt. Nghĩ việc đặt khoa thi kén kẻ sĩ là chính sự cần làm trước nhất. Tô điểm cơ đồ, khôi phục mở mang trị hoá chính là ở đây, mà sửa sang chính sự, sắp đặt công việc, giáo hoá dân phong mỹ tục cũng là ở đây, các bậc đế vương đời xưa làm nên trị bình đời nào cũng theo thế. Thánh tổ Cao hoàng đế đã định quy mô, nhưng chưa kịp thi hành. Làm rạng rỡ đời trước, khuyến khích đời sau, nay chính là lúc để làm việc ấy. Bèn vào

năm Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo thứ 3 (1442) rộng mở xuân vi[1] thi Hội các sĩ nhân trong nước. Bấy giờ số dự thi đông đến 450 người. Qua bốn trường, lấy trúng cách được 33 người. Quan hữu ti chuyên trách kê tên dâng lên, thánh thượng sai chọn ngày ban cho vào sân rồng ứng đối.

Lúc ấy Đề điệu là Thượng thư tả bộc xạ Lê Văn Linh, Giám thí là Ngự sử đài thị ngự sử Triệu Thái, cùng các quan tuần xước, thu quyển, di phong, đằng lục, đối độc ai nấy đều kính cẩn thi hành công việc[2]. Ngày mồng 2 tháng 2, Thánh thượng ra ngự ở điện Hội Anh, đích thân ra đề thi văn sách. Ngày hôm sau các viên Độc quyển là Hàn lâm viện thừa chỉ học sĩ kiêm Trung thư quốc sử sự Nguyễn Trãi, Trung thư sảnh Trung thư thị lang Nguyễn Mộng Tuân, Nội mật viện tri viện sự Trình Thuấn Du, Quốc Tử Giám bác sĩ Nguyễn Tử Tấn nâng quyển tiến đọc. Hoàng thượng sáng suốt ngự lãm, xét định thứ bậc cao thấp. Ban cho Nguyễn Trực đỗ Trạng nguyên, Nguyễn Như Đổ đỗ Bảng nhãn, Lương Như Hộc đỗ Thám hoa lang; bọn Trần Văn Huy 7 người đỗ Tiến sĩ, bọn Ngô Sĩ Liên 23 người đỗ Phụ bảng[3]. Đó là gọi theo danh hiệu đã có từ đời trước.

Ngày mồng 3 tháng 3, xướng danh treo bảng, để tỏ cho kẻ sĩ thấy sự vẻ vang. Ân ban tước trật để nêu cao nổi bật trên dân thường, ban áo mũ cân đai để đẹp cách ăn mặc, cho dự yến tại Quỳnh Lâm[4] để tỏ ơn huệ, cấp ngựa về quê để rõ lòng đặc biệt mến yêu. Kẻ sĩ và dân chúng Trường An đâu đâu cũng tụ tập đến xem, đều ca ngợi thánh thượng chuộng Nho xưa nay hiếm thấy.

([1]) Xuân vi: trường thi ngày trước phân chia thành từng khu, xung quanh có hàng rào, gọi là *vi*. Thi Hội thường tổ chức vào mùa xuân nên gọi là *xuân vi*.
([2]) Đề điệu: viên quan đứng đầu chịu trách nhiệm toàn bộ công việc của trường thi. Tuần xước: tuần tra canh gác trong ngoài trường thi. Thu quyển: thu các quyển thi của thí sinh. Di phong: quan rọc phách, niêm phong các quyển thi. Đằng lục: người sao chép bài thi của thí sinh (thể lệ trường thi ngày trước không chấm bài trên các văn bản chính). Đối độc: người đọc soát bản sao so với bản chính.
([3]) Phụ bảng: bảng lấy thêm dưới hạng Tiến sĩ, tức Đồng Tiến sĩ xuất thân.
([4]) Tên vườn hoa lớn phía sau điện Kính Thiên trong Hoàng cung, nơi thường tổ chức các cuộc yến tiệc lớn.

Ngày mồng 4 bọn Trạng nguyên Nguyễn Trực lạy chào dâng biểu tạ ơn. Ngày mồng 9 lại vào bệ kiến cáo từ, xin được vinh quy. Đó là khoa thi đầu tiên đời thánh triều được ơn vinh long trọng, đến nay kẻ sĩ vẫn còn tấm tắc ngợi ca. Từ đó về sau thánh nối thần truyền, đều tuân theo lệ cũ.

Thánh hoàng[1] trung hưng nghiệp lớn, rộng mở nhân văn, đổi mới chế độ, lừng lẫy tiếng tăm. Đặc biệt về phép lựa chọn kẻ sĩ lại càng lưu tâm chú ý: Phàm những định lệ triều trước đã thi hành thì noi theo giữ gìn, những việc triều trước chưa đủ thì mở rộng thêm. Sau khi truyền lô yết bảng, lại cho dựng đá đề tên để truyền lại lâu dài. Phép hay ý tốt khuyến khích thật rất mực chu đáo tận tình. Tốt thay, thịnh thay!

Nay xét các khoa thi Tiến sĩ từ năm Đại Bảo thứ 3 đến nay đều chưa được dựng bia, bọn Lễ bộ thượng thư Quách Đình Bảo vâng mệnh Hoàng thượng đem họ tên thứ bậc người thi đỗ khắc lên đá tốt, đồng thời xin đem danh hiệu Trạng nguyên, Bảng nhãn Thám hoa lang đổi làm Tiến sĩ cập đệ, người đỗ Phụ bảng đổi gọi là Đồng tiến sĩ xuất thân để cho hợp với quy chế hiện nay. Hoàng thượng chuẩn tâu, sai từ thần là bọn Thân Nhân Trung chia nhau soạn bài ký.

Thần kính vâng lời ngọc, khôn xiết vui mừng. Ngước nghĩ việc dựng bia đá là cốt để làm cho thịnh ý cầu hiền mưu trị của thánh tổ thần tông được lưu truyền mãi mãi. Đó chính là phép lớn để rèn giũa người đời và là điều rất may cho Nho học. Thần tuy vụng về nông cạn, đâu dám cố từ. Kính cẩn cúi đầu dập đầu mà ghi rằng:

Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh. Nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn. Vì thế các bậc đế vương thánh minh không đời nào không coi việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí quốc gia làm công việc cần kíp. Vì kẻ sĩ có quan hệ trọng đại với quốc gia như thế, cho nên được quý chuộng không biết dường nào, đã được đề cao bởi khoa danh, lại được ban tước trật cao trọng. Ơn ban đã nhiều mà vẫn coi

(1) Chỉ Lê Thánh Tông (vua đương thời khi viết bài ký dựng bia).

là chưa đủ. Lại nêu tên ở Tháp Nhạn[1], ban danh hiệu Long Hổ[2] để ngợi khen. Báo tin mở tiệc, triều đình mừng được người tài, không việc gì không làm hết mức.

Nay thánh thượng anh minh lại nhận thấy rằng việc lớn tốt đẹp tuy đã vẻ vang một thời, nhưng lời khen tiếng thơm chưa đủ để lưu truyền lâu dài cho hậu thế. Vì thế lại cho khắc đá để tên dựng ở cửa Hiền quan[3] để cho kẻ sĩ chiêm ngưỡng, hâm mộ phấn chấn, rèn luyện danh tiết, hăng hái tiến lên giúp rập hoàng gia. Há phải chỉ là chuộng hư danh, sính hư văn mà đặt ra đâu!

Ôi, kẻ sĩ ở chốn trường ốc lều tranh, danh phận thật là nhỏ mọn mà được triều đình đề cao hết mực như thế, thì người mang danh kẻ sĩ phải trọng thân danh mình mà lo báo đáp, phải nên thế nào?

Hãy đem họ tên những người đỗ khoa này mà điểm lại, thì thấy nhiều người đã đem tài năng văn học, chính sự tô điểm cho nền trị bình, mấy chục năm qua được quốc gia trọng dụng. Cũng không phải là không có kẻ vì tham lam hối lộ mà hư hỏng hoặc rơi xuống hạng gian tà, có lẽ vì lúc sống bọn họ chưa được nhìn thấy tấm bia này. Ví thử đương thời chính mắt họ trông thấy thì lòng thiện được khuyến khích mà ý xấu được ngăn ngừa, mầm nghiệt đâu dám nảy sinh? Thế thì việc dựng tấm đá này có lợi ích rất nhiều: kẻ ác lấy đó làm răn, người thiện lấy đó làm gắng, biết rõ dĩ vãng, rộng nhìn tương lai, vừa là để rèn giũa danh tiết của kẻ sĩ, vừa là để củng cố mệnh mạch nước nhà. Việc lớn mà thánh tổ thần tông đặt ra đâu phải là vô ích. Vậy những ai xem đến tấm bia này cũng nên hiểu ý sâu xa đó.

Thần kính cẩn làm bài ký.

([1]) Nhạn tháp: tên tháp chùa Từ Ân ở kinh đô Trường An, Trung Quốc. Các khoa thi Tiến sĩ đời Đường sau khi truyền loa gọi tên người thi đỗ thì khắc tên ở Nhạn tháp chùa Từ Ân.

([2]) Long hổ, tức Long hổ bảng, người đời Đường thường gọi bảng báo tên người đậu Tiến sĩ là "Long hổ bảng".

([3]) Hiền quan, nghĩa là cửa của người hiền, chỉ nhà Thái học. Đổng Trọng Thư đời Hán viết: Dưỡng sĩ chi đại mạc đại hồ Thái học. Thái học giả, hiền sĩ chi sở quan dã (Sự lớn lao của việc nuôi dưỡng kẻ sĩ không gì lớn bằng nhà Thái học. Nhà Thái học là cửa cổng mà hiền sĩ phải đi qua)

Phụng trực đại phu Hàn lâm viện Thừa chỉ Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung vâng sắc soạn.

Cẩn sự lang Trung thư giám chính tự Nguyễn Tủng vâng sắc viết chữ.

Mậu lâm lang Kim quang môn đãi chiếu Tô Ngại vâng sắc khắc chữ.

Hoàng Việt niên hiệu Hồng Đức thứ 15 (1484), ngày rằm tháng Tám dựng bia.

Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ, 3 người:

Nguyễn Trực , huyện Thanh Oai phủ ứng Thiên
Nguyễn Như Đổ , huyện Thanh Trì phủ Thường Tín
Lương Như Hộc , huyện Trường Tân phủ Hạ Hồng

Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, 7 người:

Trần Văn Huy, huyện Bất Bạt phủ Thao Giang
Hoàng Sằn Phu, huyện Vĩnh Ninh phủ Thiệu Thiên
Nguyễn Hộc, huyện Thạch Hà phủ Hà Hoa
Vũ Lã, huyện Kim Động phủ Khoái Châu
Nguyễn Hữu Phu, huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai
Phạm Cư, huyện Thượng Phúc phủ Thường Tín
Trần Bá Linh, huyện Vũ Giàng phủ Từ Sơn

Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân, 23 người:

Ngô Sĩ Liên, huyện Chương Đức phủ Ứng Thiên
Nguyễn Duy Tắc, huyện Tiên Lữ phủ Khoái Châu
Nguyễn Cư Đạo, huyện Gia Định phủ Thuận An
Phan Viên, huyện Thạch Hà phủ Hà Hoa
Nguyễn Đạt, huyện Thanh Đàm phủ Thường Tín
Bùi Hựu, huyện Chương Đức phủ ứng Thiên
Phạm Như Trung, huyện Thanh Lâm phủ Nam Sách
Trần Đương, huyện Đông Yên phủ Khoái Châu
Ngô Thế Dụ, huyện Kim Hoa phủ Bắc Giang
Khúc Hữu Thành, huyện Thiện Tài phủ Thuận An

Lê Lâm, huyện Bất Bạt phủ Thao Giang
Nguyễn Thiện Tích, huyện Bình Hà phủ Nam Sách
Nguyễn Nghị, huyện Thanh Lâm phủ Nam Sách
Trịnh Thiết Trường, huyện Yên Định phủ Thiệu Thiên
Trần Bàn, huyện Quế Dương phủ Từ Sơn
Nguyễn Quốc Kiệt, huyện Đông Ngạn phủ Từ Sơn
Nguyễn Mỹ, huyện Vĩnh Lại phủ Hạ Hồng
Trịnh Khắc Tuy, huyện Vĩnh Ninh phủ Thiệu Thiên
Nguyễn Địch, huyện Đại An phủ Kiến Hưng
Bùi Lôi Phủ, huyện Phú Xuyên phủ Thường Tín
Lê Cầu, huyện Phúc Lộc phủ Quốc Oai
Lê Hiển, huyện Thanh Lâm phủ Nam Sách
Nguyễn Nguyên Chẫn, huyện Thanh Lâm phủ Nam Sách

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Các nhà khoa bảng Việt Nam*, NXB Văn học, 1993.
2. *Confucius* (Khổng Tử)
3. *Đại Nam nhất thống chí,* Quốc Sử quán triều Nguyễn, NXB Thuận Hóa, Huế, 1992.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư,* tập I, II, III, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
5. *Đại Việt sử ký tục biên (1676 – 1789)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.
6. *Đại Việt thông sử,* Lê Quý Đôn, NXB Tổng hợp Đồng Tháp, 1993.
7. *Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX,* Nguyễn Văn Uẩn, tập II, NXB Hà Nội, 1995.
8. *Kiến văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.

9. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, NXB Văn Sử Địa, Sử học, Hà Nội, 1957 – 1960.

10. *Khổng Tử*, Nguyễn Hiến Lê, NXB Văn hóa – Thông tin, 2006

11. *Lê triều chiếu lịnh thiện chính*, Nhà in Bình Minh, Sài Gòn, 1961.

12. *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I, tập II NXB Giáo dục, Hà Nội 1962

13. *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập III, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1965.

14. *Lịch sử Việt Nam*, tập I NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1991

15. *.Lịch sử Việt Nam*, tập II NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989.

16. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú, tập III, NXB Sử học, 1961

17. *Lịch triều tạp kỷ,* Ngô Cao Lãng, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995.

18. *.Nho học ở Việt Nam – Giáo dục và thi cử,* Nguyễn Thế Long, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1995.

19. Nho gia châm ngôn lục

20. *Thơ văn Lý - Trần*, tập I, tập III, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.

21. *Tứ Thư,* dịch giả: Đoàn Trung Còn, NXB Thuận Hóa, 2006

22. *Tứ Thư tập chú*, Chu Hy, dịch giả Nguyễn Đức Lân , NXB Văn hóa-Thông tin, 1988

23.Văn Miếu-Quốc Tử Giám Thăng Long-Hà Nội Nguyễn Quang Lộc – Phạm Thúy Hằng, 2007

MỤC LỤC

Lời nói đầu 5

PHẦN I

VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM

CHƯƠNG I 7
VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM QUA NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ

CHƯƠNG II
DI TÍCH VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM HIỆN NAY

39

PHẦN II
DANH NGÔN KHỔNG TỬ

60

CHƯƠNG I

BIÊN NIÊN SỬ CUỘC ĐỜI KHỔNG TỬ 60

CHƯƠNG II 73

DANH NGÔN KHỔNG TỬ

PHỤ LỤC

CÂU ĐỐI - ĐẠI TỰ TẠI VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM 188
VĂN BIA TIẾN SĨ KHOA NHÂM TUẤT 243
NIÊN HIỆU ĐẠI BẢO III (1442)
104

TÀI LIỆU THAM KHẢO 259

VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM
VÀ DANH NGÔN KHỔNG TỬ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. ĐẶNG KIM NGỌC

Hiệu đính: Tiếng Việt:

TS. ĐẶNG KIM NGỌC

Tiếng Anh:

TS. LÂM QUANG ĐÔNG

Sửa bản in:

NGUYỄN VĂN TÚ

In 2.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty in
Số in: 345/TN. Giấy phép XB số: XBNT- VHTT cấp tháng
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2008

